**PHỤ LỤC**

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THADS**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **STT Điều Luật** | **Quy định mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập hoặc vướng mắc trong các luật và văn bản dưới luật có liên quan (Điều, khoản…)** | **Nội dung vướng, thiếu, mâu thuẫn** | **Đề xuất hướng xử lý** | **PL khác liên quan** | **Ý kiến** |
| **QUY ĐỊNH CHUNG** | | | | | |  |
|  |  | **Điều 2. Bản án, quyết định được thi hành** | - Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định những bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị như: *bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm y tế; quyết định về tính hợp pháp của cuộc đình công* nhưng khoản 2 Điều 2 Luật THADS chưa quy định*.* | - Bổ sung thêm những loại bản án, quyết định được thi hành ngay, đó là: *bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm y tế; quyết định về tính hợp pháp của cuộc đình công.* | Liên quan đến Bộ luật Tố tụng dân sự | UBND tỉnh Lai Châu, Cục THADS tỉnh Bình Dương |
|  |  |  | - Đồng thời, trong trường hợp cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án ngay khi bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật thì phần lãi suất chậm THA chưa được quy định rõ về thời điểm tính (từ thời điểm chậm thi hành án hay thời điểm án có hiệu lực pháp luật)? | Quy định rõ về việc tính lãi suất chậm THA cho phù hợp, rõ ràng. | Thực tiễn | UBND tỉnh Lạng Sơn, Cục THADS tỉnh Bình Dương |
|  |  |  | - Khoản 2 Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án quy định: *“Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành được thi hành theo quy định của pháp luật về THADS”.* Tuy nhiên, Điều 2 Luật THADS chưa quy định quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật. | Bổ sung phạm vi: *Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành* |  | Kiến nghị cử tri tỉnh Cà Mau gửi tới Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV, UBND tỉnh Tuyên Quang, Bà Rịa Vũng Tàu… |
|  |  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ** | - Chưa có khái niệm: “Việc không có điều kiện thi hành án”  - Chưa xác định người đại diện cho Nhà nước trong trường hợp thi hành án cho Nhà nước. | - Xác định rõ các khái niệm có liên quan  - Cần xác định “người có tài sản đảm bảo cho khoản nghĩa vụ được tuyên trong bản án” là người phải thi hành án trong phạm vi nghĩa vụ bảo đảm | Thực tiễn | Ý kiến của VKSNDTC |
|  |  |  | Khoản 1 Điều 3 Luật THADS đã quy định khái niệm “đương sự” bao gồm người phải thi hành án, người được thi hành án.  Tuy nhiên, thực tế, nhiều trường hợp người phải thi hành án không chịu thực hiện nghĩa vụ, phải kê biên xử lý tài sản của người có tài sản bảo đảm nhưng chưa xác định rõ vai trò của người có tài sản bảo đảm là người phải thi hành án hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ việc dẫn đến một số quy định còn thiếu, chưa bao quát để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của họ. | Quy định, làm rõ | Thực tiễn | Ý kiến của VKSNDTC |
|  |  |  | Khoản 8 Điều 3 Luật THADS đã làm rõ khái niệm “Chi phí cưỡng chế thi hành án”. Tuy nhiên, trên thực tiễn cần quy định bao quát, đầy đủ hơn (ví dụ: *Chi phí cưỡng chế thi hành án* là chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức cưỡng chế thi hành án do người phải thi hành án chịu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác). | Đề nghị bổ sung khi sửa Luật |  | Ý kiến của VKSNDTC |
|  |  | **Điều 6. Thỏa thuận thi hành án** | Khoản 1 Điều 6 quy định: Đương sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Trên thực tế, đương sự tự thỏa thuận với nhau ngoài cơ quan THADS nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người thứ 3 hoặc đương sự thỏa thuận có sự chứng kiến của Chấp hành viên nhưng sau đó lại vi phạm thỏa thuận. Hiện nay, pháp luật chưa quy định cách thức giải quyết trong trường hợp này. | Nghiên cứu phương án giải quyết hậu quả của việc thực hiện/không thực hiện thỏa thuận; thế nào là thỏa thuận được công nhận; hậu quả pháp lý của thỏa thuận không được công nhận hoặc vô hiệu (nếu các bên hoặc một trong các bên đã thực hiện thỏa thuận) | Thực tế | Rất nhiều Cục THADS địa phương |
|  |  |  | Hiện nay, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 thì quyền thỏa thuận này mới chỉ dành cho đương sự mà chưa ghi nhận quyền thỏa thuận cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi cơ quan THADS xử lý tài sản đảm bảo của họ. | Bổ sung quyền thỏa thuận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. |  | VKSNDTC, UBND tỉnh Bình Phước Tuyên Quang, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Cục THADS tỉnh Bình Dương |
|  |  |  | Việc quy định cho các đương sự thỏa thuận ở bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình tổ chức thi hành án là chưa phù hợp. Bởi vì do đương sự không tự nguyện thi hành án Chấp hành viên mới buộc phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế nên việc phải tiếp tục cho thỏa thuận sau khi có QĐ cưỡng chế mà không quy định các điều kiện nhất định là không phù hợp | -Về nguyên tắc, đương sự không còn quyền thỏa thuận sau khi Chấp hành viên ban hành quyết định cưỡng chế, trừ trường hợp pháp luật quy định khác (như thỏa thuận về việc đình chỉ 1 phần hoặc toàn bộ việc thi hành án, về việc nộp tiền để thay thế bán tài sản…). |  | UBND tỉnh Vĩnh Long, Điện Biên, thành phố Cần Thơ, Hà Giang |
|  |  |  | Pháp luật hiện hành đề cao quyền thỏa thuận của đương sự trong suốt quá trình tổ chức thi hành án. Tuy nhiên, Pháp luật quy định chưa rõ về quy trình, cách thức việc đương sự thỏa thuận như thế nào trong các giai đoạn tổ chức THA nhất là giai đoạn cưỡng chế nên Chấp hành viên buộc phải tổ chức cho các đương sự thỏa thuận (về giá, tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá, giảm giá…) dẫn đến cách hiểu là Chấp hành viên phải có trách nhiệm tổ chức thực hiện “quyền thỏa thuận” cho đương sự là chưa phù hợp.  Điều này dẫn đến nhiều trường hợp đương sự lợi dụng để khiếu nại, tố cáo gây khó khăn cho cơ quan THADS, làm kéo dài thời gian tổ chức thi hành án. | - Quy định rõ, việc thỏa thuận là quyền của đương sự. Nếu thỏa thuận thì phải báo lại cho cơ quan THADS. Trên cơ sở xem xét về tính hợp pháp của thỏa thuận thì có cơ chế công nhận việc thỏa thuận và quy định rõ trách nhiệm thực hiện, hậu quả pháp lý khi vi phạm.  - Chấp hành viên không có trách nhiệm phải tổ chức cho đương sự thỏa thuận các vấn đề liên quan đến quá trình tổ chức THA. | Thực tiễn | UBND tỉnh Vĩnh Long, Điện Biên, thành phố Cần Thơ, Hà Giang, Tây Ninh |
|  |  |  | Theo khoản 1 Điều 6 Luật THADS và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật THADS, khi đương sự có yêu cầu, Chấp hành viên có trách nhiệm chứng kiến thỏa thuận của đương sự tại trụ sở cơ quan THADS. Tuy nhiên, pháp luật chưa quy định rõ: yêu cầu của đương sự có cần thiết phải thể hiện bằng văn bản hay không? Sau bao lâu kể từ khi tiếp nhận yêu cầu của đương sự Chấp hành viên phải tiến hành sắp xếp để thực hiện việc chứng kiến thỏa thuận của đương sự tại trụ sở cơ quan THADS? | Luật THADS chưa có quy định cụ thể về cách thức thực hiện, trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ hoặc thời hạn để giải quyết thủ tục |  | Thông tin do Cục QLXLVPHC&TDTHPL gửi |
|  |  | **Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án** | Điểm đ khoản 1 Điều 7 Luật THADS quy định việc xác minh, cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án là *quyền* của người được thi hành án. Tuy nhiên, cần xác định lại theo hướng việc cung cấp thông tin về điều kiện của người phải thi hành án còn là trách nhiệm của người được thi hành án để họ tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. | Quy định *“Tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh, cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án”* vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của người được thi hành án |  | UBND tỉnh Tuyên Quang, Ý kiến của VKSNDTC |
|  |  |  | Hiện nay chưa quy định đương sự phải chủ động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, trong nhiều trường hợp quy định đương sự không thực hiện thì Chấp hành viên phải thực hiện như: xác minh điều kiện thi hành án; áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án; xác định, phân chia phần tài sản của người phải thi hành án…dẫn đến hiệu quả tổ chức thi hành án chưa cao, chưa phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự. Đồng thời, ngân sách nhà nước phải chịu toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến các hoạt động này. Trong khi đó, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì trách nhiệm chứng minh, yêu cầu và chịu chi phí là của đương sự. Theo quy định, khi thực hiện các giao dịch dân sự, các đương sự tự do ý chí, tự nguyện cam kết, thỏa thuận, không ai có quyền ép buộc và khi xảy ra hậu quả thì các bên phải tự chịu trách nhiệm, tự chứng minh các điều kiện để khắc phục các hậu quả, thực hiện quyền và nghĩa vụ, cơ quan nhà nước không có nghĩa vụ chứng minh, thực hiện thay. | Yêu cầu đương sự phải chủ động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình như: xác minh điều kiện thi hành án; áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án; xác định, phân chia phần tài sản của người phải thi hành án… và phải chịu toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến các hoạt động này. |  |  |
|  |  |  | Tương tự với quyền cung cấp thông tin, việc quy định người được thi hành án có *quyền* “yêu cầu Tòa án xác định, phân chia quyền sở hữu, sử dụng tài sản...” là không hợp lý. Đây phải là nghĩa vụ của người được thi hành án. | Quy định việc yêu cầu Tòa án xác định, phân chia quyền sở hữu tài sản, xác định phần tài sản của người phải thi hành án là trách nhiệm của người được thi hành án. Nếu người được thi hành án không thực hiện quyền này thì coi như họ đã từ bỏ quyền được yêu cầu xử lý đối với tài sản có tranh chấp của người phải thi hành án. Chấp hành viên, cơ quan THADS không có nghĩa vụ thực hiện thay cho người được thi hành án. |  |  |
|  |  | **Điều 7a. Quyền, nghĩa vụ của người phải thi hành án** | Điểm b khoản 1 quy định người phải thi hành án có quyền *“b) Tự mình hoặc ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật này”* nhưng trên thực tế nhiều trường hợp người phải thi hành án mặc dù không có điều kiện thi hành nhưng vẫn yêu cầu thi hành án đã gây khó khăn cho cơ quan THADS | Quy định người phải thi hành án chỉ có quyền yêu cầu thi hành án đối với những khoản thi hành được ngay tại thời điểm yêu cầu |  | UBND tỉnh Tuyên Quang |
|  |  |  | Khoản 1 mới quy định người phải thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người *khác yêu cầu thi hành án*. Tuy nhiên, chưa có quy định về việc ủy quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong quá trình tổ chức thi hành án. | Quy định về việc ủy quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong quá trình tổ chức thi hành án. Ví dụ: quyền được nhận thông báo; ủy quyền cho người thứ 3 toàn quyền xử lý tài sản…đặc biệt trong trường hợp người phải thi hành án ở nước ngoài |  | Bộ Quốc phòng, UBND tỉnh Ninh Thuận |
|  |  |  | Hiện nay người phải thi hành án đang có quá nhiều quyền. Việc đặt người phải thi hành án có quyền và nghĩa vụ tương đương, ngang hàng với người được thi hành án là không hợp lý. Vì trong quan hệ pháp luật về THADS, quyền của người được thi hành án phải được ưu tiên và bảo đảm thực hiện bằng nghĩa vụ của người phải thi hành án | Cần nghiên cứu thêm để sửa đổi, bổ sung các quyền và nghĩa vụ của người phải thi hành án cho phù hợp.  Đề cao hơn nữa trách nhiệm của đương sự (*tự quyết định và định đoạt, có* *nghĩa vụ chứng minh liên quan đến lợi ích của mình*): đương sự phải thực hiện quyền và nghĩa vụ để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nhà nước chỉ “hỗ trợ” bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ. Đối với những việc mà cơ quan THADS đã hướng dẫn, yêu cầu đương sự thực hiện quyền của mình để bảo vệ quyền lợi mà cố tình không thực hiện24 thì có biện pháp xử lý dứt điểm, tạo điểm dừng trong thi hành án. Xử lý nghiêm khắc những hành vi cố tình chống đối, trì hoãn, trốn tránh, kéo dài việc tổ chức thi hành án. |  | UBND tỉnh Ninh Bình, UBND tỉnh Thái Bình, Vĩnh Long; UBND tỉnh Bắc Kan, thành phố Cần Thơ, Hà Giang, Thừa Thiên Huế |
|  |  |  | Chưa quy định điều cấm đối với đương sự trong hoạt động THADS để phù hợp với nguyên tắc công dân được làm những gì pháp luật không cấm tại Nghị quyết số 27-NQ/TW; quy định về hậu quả pháp lý trong trường hợp đương sự vi phạm điều cấm hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo yêu cầu của Chấp hành viên chưa nghiêm, chưa đủ tính răn đe. Do đó, trên thực tế rất ít trường hợp đương sự bị xử lý hình sự về tội không chấp hành án... | Quy định “điều cấm”đối với đương sự trong THADS  Quy định các điều cấm trong THADS[[1]](#footnote-1) và hậu quả pháp lý đối với trường hợp đương sự vi phạm điều cấm hoặc không thực hiện các nghĩa vụ theo quy định; xử lý nghiêm khắc đối với những hành vi cố tình chống đối, trì hoãn, trốn tránh, kéo dài việc tổ chức thi hành án. |  | UBND tỉnh Hải Dương, Thái Nguyên, lâm Đồng, Đà Nẵng |
|  |  |  | Chưa phát huy được hiệu quả của việc xã hội hóa một số hoạt động THADS như quy định đương sự có quyền ủy quyền cho Thừa phát lại xác minh điều kiện thi hành án; cơ quan THADS có quyền ủy quyền cho Thừa phát lại thực hiện việc tống đạt các văn bản về THADS. | Làm rõ quy định đương sự có quyền ủy quyền cho Thừa phát lại xác minh điều kiện thi hành án; cơ quan THADS có quyền ủy quyền cho Thừa phát lại thực hiện việc tống đạt các văn bản về THADS. |  | UBND tỉnh Bắc Kan, Điện Biên, Lai Châu, Hải Dương, Cà Mau, Bạc Liêu |
|  |  | **Điều 7a. Quyền, nghĩa vụ của người phải thi hành** **án** | Trong tất cả các quyền của người phải thi hành án không có quyền được nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình như trong Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị xem xét, bổ sung quyền được nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phải thi hành án để đảm bảo quyền của công dân khi chấp hành pháp luật. |  |  | Kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Giang do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo Công văn số 19/BDN ngày 10/01/2022 và Văn phòng Chính phủ chuyển đến theo công văn số 580/VPCP-QHĐP ngày 22/01/2022 |
|  |  | **Điều 11. Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân với cơ quan THADS, CHV** | Khoản 2 Điều 11 đã quy định *Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của cơ quan THADS, Chấp hành viên theo quy định của Luật này. Mọi hành vi cản trở, can thiệp trái pháp luật đối với hoạt động của cơ quan THADS, Chấp hành viên đều bị xử lý theo quy định của pháp luật".*  Tuy nhiên, chưa có quy định rõ về chế tài và hình thức xử lý trong trường hợp các cơ quan không phối hợp, không thực hiện theo yêu cầu của cơ quan THADS làm kéo dài thời gian tổ chức thi hành án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. | Quy định nghiêm khắc chế tài đối với các chủ thể không thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên; cố tình không chấp hành án dân sự, các hành vi cản trở, chống đối việc tổ chức thi hành án và người thi hành công vụ. | Chưa có quy định | Kiến nghị của cử tri tỉnh Hưng Yên gửi tới trước kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV UBND tỉnh Quẩng Nam |
|  |  |  | trên thực tế hiệu quả phối hợp của các cơ quan, ban, ngành với cơ quan THADS trong công tác này chưa cao, do chưa quy định cụ thể về cơ chế ràng buộc trách nhiệm. | Đề nghị nghiên cứu ban hành văn bản quy định cụ thể về cơ chế ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành trong công tác phối hợp cưỡng chế thi hành án; đặc biệt, cần có quy định cụ thể về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, người đứng đầu cơ quan để xảy ra tình trạng chậm trễ, gây khó khăn hoặc kéo dài thời gian trong công tác phối hợp cưỡng chế thi hành án, nhất là khi hệ quả của việc này để xảy ra thiệt hại cho đương sự. |  | Kiến nghị cử tri tỉnh Quảng Bình gửi tới kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIV do Ban Dân nguyện chuyển đến |
|  |  | **Điều 12. Giám sát và kiểm sát việc thi hành án** | - Ngoài chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp đồng hành cùng các cơ quan THADS để tổ chức thi hành án. Do đó, nhận thức cơ quan Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan phối hợp trong THADS là chưa phù hợp;  - Chưa quy định rõ về trách nhiệm của kiểm sát viên trong THADS, nhất là trách nhiệm khi đã kiểm sát việc tổ chức thi hành án nhưng không phát hiện được vi phạm[[2]](#footnote-2) hoặc đã kết luận và không phát hiện vi phạm nhưng cơ quan có thẩm quyền khác kết luận sai phạm; thời hạn trả lời kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân đối với Cơ quan THADS, Tòa án, Cơ quan hữu quan khác dẫn đến việc trả lời kiến nghị bị kéo dài thời gian, thậm chí không trả lời kiến nghị;  - Chưa có quy định về việc cho ý kiến của Viện kiểm sát đối với một số quyết định quan trọng của Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành;  - Phạm vi kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân trong việc thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thi hành án, kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong THADS chưa được quy định rõ ràng (còn có ý kiến khác nhau);  - Còn thiếu các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, kiểm sát viên để phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Trong khi đó, Bộ luật tố tụng dân sự đều quy định rõ trách nhiệm thẩm quyền của Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình thực thi hoạt động tư pháp, dẫn đến việc thực hiện không đầy đủ. | Quy định rõ ràng buộc trách nhiệm của kiểm sát viên, viện kiểm sát |  | UBND tỉnh Hà Nam, Điện Biên, Quảng Ninh, thành phố Cần Thơ, Nghệ An, Hải Dương, Hà Nội, Huế, Bạc Liêu |
|  |  |  | Có sự chồng chéo về nhiệm vụ kiểm sát liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản dẫn đến Chấp hành viên cơ quan THADS gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (Hoạt động đấu giá tài sản thi hành án vừa được cơ quan quản lý nhà nước về đấu giá tài sản kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền, vừa được VKSND kiểm sát. Trên thực tế có kết luận kiểm tra, thanh tra không thống nhất, thậm chí trái ngược nhau, cơ quan THADS gặp khó khăn) | Phân định rõ đối tượng kiểm sát trong hoạt động thẩm định giá, bán đấu giá tài sản khi cơ quan THADS ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá quy định rõ nguyên tắc xử lý khi cùng một vụ việc THADS có nhiều cơ quan kết luận khác nhau cần thực hiện theo kết luận liên ngành cấp trên. |  | UBND tỉnh Ninh Thuận, UBND tỉnh Bắc Kạn; UBND tỉnh Vĩnh Long |
| **HỆ THỐNG TỔ CHỨC THADS VÀ CHẤP HÀNH VIÊN** | | | | | |  |
|  |  | **Điều 13. Hệ thống tổ chức THADS** | Theo quy định, hệ thống tổ chức THADS trong Quân đội có hai cấp, trong đó, cơ quan THADS chỉ có một cấp là Phòng Thi hành án cấp quân khu. Mỗi Phòng Thi hành án cấp quân khu đảm nhiệm thi hành án trên địa bàn nhiều tỉnh thành, điều này dẫn đến thẩm quyền, phạm vi nhiệm vụ của cơ quan thi hành án cấp quân khu quá rộng, gây khó khăn trong hoạt động tổ chức thi hành án.  Trong tình hình hiện nay, công tác THADS ngày càng phát sinh nhiều vụ việc có tính chất phức tạp, có nhiều đương sự, có số tiền, tài sản phải thi hành lớn, đặc biệt vụ án có yếu tố nước ngoài, quá trình thi hành án Phòng Thi hành án cấp quân khu thường gặp khó khăn trong công tác phối hợp với các cơ quan chức năng, phải xin hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của Cục Thi hành án, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ việc, quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Bên cạnh đó, do không có cơ quan thi hành án cấp khu vực (cấp dưới cơ quan thi hành án cấp quân khu) nên mọi bản án, quyết định có hiệu lực do Tòa án quân sự các cấp xét xử, việc ủy thác từ cơ quan THADS cấp huyện, cấp tỉnh ủy thác đến đều do cơ quan thi hành án cấp quân khu thụ lý, giải quyết, ảnh hưởng đến thời gian, chất lượng và hiệu quả tổ chức THADS trong Quân đội. | Đề xuất sửa đổi theo hướng bổ sung vào điểm c khoản 2 Điều 13 một cấp cơ quan thi hành án Bộ Quốc phòng; bổ sung vào Điều 15 nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án Bộ Quốc phòng. |  | Bộ Quốc phòng |
|  |  | **Điều 17. Chấp hành viên** | a) Về vị trí:  Điều 13 Luật THADS về Hệ thống tổ chức THADS quy định Cơ quan quản lý THADS gồm: (i) Cơ quan quản lý THADS Bộ Tư pháp; (ii) Cơ quan quản lý THADS Bộ Quốc phòng;Cơ quan thi hành án gồm: (i)Cơ quan THADS cấp tỉnh, (ii)Cơ quan THADS cấp huyện, (iii)Cơ quan THADS cấp quân khu.  Theo quy định trên, các Cơ quan quản lý THADS và Cơ quan THADS thuộc Bộ Quốc phòng không phải là một bộ phận của Cơ quan quản lý THADS Bộ Tư pháp.  Vấn đề trên khác với quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; theo đó,cơ cấu tổ chức, hệ thống Tòa án quân sự và Viện kiểm sát quân sự là một nhánh của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức trong Quân đội (Điều 3, Điều 59 Luật tổ chức Tòa án nhân dân; Điều 40, Điều 42 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân).  b) Về thẩm quyền:  Khoản 1 Điều 22 Luật THADS quy định: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiễm, miễn nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan THADS trong Quân đội.  Khoản 1, 2 Điều 7 Luật cán bộ, công chức năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2019, quy định: Cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức là cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng, phân công, bố trí, bổ nhiệm, nâng ngạch, nâng lương, khen thưởng, miễn nhiệm, cho thôi việc… đối với cán bộ, công chức.  Chấp hành viên THADS trong Quân đội là sĩ quan, được đào tạo cơ bản về chính trị, quân sự, nghiệp vụ thi hành án, do Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có thẩm quyền bổ nhiễm, miễn nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án trong Quân đội, nhưng lại không có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với chấp hành viên thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình.  c) Về trách nhiệm:  Người bổ nhiệm cán bộ, công chức là người chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức do mình bổ nhiệm.  Như vậy, Bộ trưởng Bộ Tư pháp là người chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả làm việc của đội ngũ chấp hành viên THADS trong Quân đội sẽ chồng chéo, không phù hợp với nguyên tắc phân định trách nhiệm trong quản lý, sử dụng con người và lĩnh vực quản lý nhà nước. | Để khắc phục tình trạng trên, đề nghị bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Chấp hành viên THADS trong Quân đội (tương tự quy định tại Điều 56 Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Điều tra viên trong Quân đội nhân dân). |  | Kiến nghị của Bộ Quốc phòng theo Công văn số 1905/BTP-KTrVB ngày 11/6/2021 của Bộ Tư pháp về nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý đối với các kiến nghị của Bộ, ngành, địa phương |
|  |  | **Điều 19. Miễn nhiệm Chấp hành viên** | Lý do như tại Điều 17 | Quy định thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng miễn nhiệm đối với chấp hành viên THADS trong Quân đội |  | Kiến nghị của Bộ Quốc phòng |
|  |  | **Cách chức Chấp hành viên** | Chưa có quy định về cách chức Chấp hành viên | Luật hóa quy định tại Điều 65 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP về cách chức Chấp hành viên |  |  |
|  |  | **Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên** | - Theo quy định tại Điều 20 Luật THADS thì Chấp hành viên có nhiệm vụ, quyền hạn thi hành đúng nội dung bản án, quyết đinh; áp dụng đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan... Đồng thời, khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Chấp hành viên phải tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành án.  Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 14, Điều 23, Điều 167 Luật THADS, Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg thì Tổng cục có quyền hạn “*ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về THADS, thi hành án hành chính, văn bản cá biệt, văn bản quy phạm nội bộ theo quy định của pháp luật*”. Cục THADS có thẩm quyền “chỉ đạo hoạt động THADS đối với cơ quan THADS cấp huyện; *hướng dẫn nghiệp vụ THADS cho Chấp hành viên, công chức khác của cơ quan THADS trên địa bàn*”. Thủ trưởng cơ quan THADS cấp tỉnh có quyền hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo, kiểm tra công tác thi hành án đối với Chấp hành viên, công chức cơ quan THADS cấp tỉnh và cấp huyện trên địa bàn và những việc khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của Tổng cục THADS. Việc xác định trách nhiệm của Chấp hành viên trong thực hiện chỉ đạo nghiệp vụ của người có thẩm quyền hướng dẫn chưa được đầy đủ[[3]](#footnote-3). Như vậy, còn có sự chưa thống nhất, chồng chéo trong các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên trong hoạt động tổ chức thi hành án và mối quan hệ của Chấp hành viên với Thủ trưởng cơ quan THADS, giữa cơ quan quản lý THADS (Tổng cục THADS) với cơ quan THADS cấp dưới. | Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên, vai trò của Thủ trưởng cơ quan THADS trong việc hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ và việc thực hiện trình tự, thủ tục thi hành án của Chấp hành viên  Cụ thể như: Thủ trưởng cơ quan THADS ban hành một số loại quyết định về thi hành án; quyết định việc gia hạn thời hạn xác minh, thời hạn cưỡng chế thi hành án… |  | UBND tỉnh Vĩnh Long, Hà Nội, Nghệ An, Hà Giang  UBND tỉnh Bắc Kan, Điện Biên, Đồng Nai, Thái Bình, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ, Cục THADS tỉnh Bình Dương |
|  |  |  | Nhiều nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên rải rác trong Luật chưa được đưa vào Điều 20: như yêu cầu Tòa án phân chia quyền sở hữu, sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung; cho các đương sự thỏa thuận về thi hành án; chứng kiến đương sự thỏa thuận... | Rà soát lại toàn bộ các quy định của Luật THADS để thống nhất quy định những nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên trong THADS. |  | UBND tỉnh Vĩnh Long, Ninh Thuận, Điện Biên |
|  |  |  | *Quy định về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên chưa phù hợp, chưa tạo điều kiện cho Chấp hành viên tập trung thực hiện các trình tự, thủ tục tổ chức thi hành án; chưa xác định đúng vai trò là đầu mối, chủ trì thực hiện trình tự, thủ tục THADS, hỗ trợ đương sự và kết nối các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nhằm tổ chức thi hành có hiệu quả bản án, quyết định.* Một số nội dung về nguyên tắc phải là nghĩa vụ trách nhiệm của đương sự phải thực hiện nhưng chuyển thành trách nhiệm của Chấp hành viên phải thực hiện thay như: Xác minh điều kiện thi hành án; yêu cầu Tòa án xác định, phân chia tài sản chung trong trường hợp đương sự không thực hiện quyền theo hướng dẫn[[4]](#footnote-4); cho các đương sự thỏa thuận một số trường hợp nhất định; xác minh địa chỉ của đương sự khi đương sự thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Chấp hành viên… |  |  |  |
|  |  |  | Quy định Chấp hành viên phải tự mình áp dụng biện pháp bảo đảm nhằm ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự (trong các việc thi hành án theo đơn yêu cầu) là chưa phù hợp. |  |  |  |
|  |  |  | Chấp hành viên có quá nhiều quyền và độc lập trong việc tổ chức thi hành án trong khi cơ chế bảo vệ và kiểm soát đối với các tác nghiệp của Chấp hành viên chưa chặt chẽ: Theo quy định hiện hành, khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Chấp hành viên phải tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành án. Quá trình tổ chức thi hành án, trách nhiệm chủ yếu thuộc về Chấp hành viên (trừ một số trình tự, thủ tục pháp luật quy định do Thủ trưởng cơ quan THADS ban hành[[5]](#footnote-5)). Do đó, về nguyên tắc, Chấp hành viên có quyền độc lập ban hành quyết định cưỡng chế thi hành án tác động trực tiếp đến tài sản, nhân thân của đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.  Pháp luật THADS hiện hành không có cơ chế kiểm soát, xem xét trước khi thực hiện, đặc biệt là các trình tự, thủ tục dễ sai phạm hoặc bị lạm dụng để tham nhũng, tiêu cực như: xác định, lựa chọn tài sản để xử lý, bán đấu giá tài sản; lựa chọn tổ chức thẩm định giá; lựa chọn tổ chức bán đấu giá; cưỡng chế có huy động lực lượng… Điều này dẫn đến việc những thiếu sót, vi phạm của Chấp hành viên (nếu có) chỉ được xem xét, xác định khi có khiếu nại, tố cáo của đương sự; kiểm tra, kiểm sát, giám sát của cơ quan có thẩm quyền nên hậu quả thường rất khó khắc phục. | Bổ sung quy định, chính sách phù hợp hơn đối với Chấp hành viên theo hướng giảm bớt những nhiệm vụ, quyền hạn không cần thiết, chưa phù hợp mang tính bao cấp, làm thay đương sự, tạo điều kiện cho CHV tập trung dành thời gian thực hiện thủ tục tổ chức thi hành án. Có cơ chế kiểm soát nhiệm vụ của Chấp hành viên. |  | UBND tỉnh Bắc Kạn, Điện Biên, Đồng Nai, Thái Bình, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Thái Nguyên, Bạc Liêu, Bắc Giang, Đà Nẵng, Bình Dương |
|  |  | Khoản 8 Điều 20 | Khoản 8 Điều 20 quy định Chấp hành viên có nhiệm vụ: Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế để thu hồi tiền, tài sản đã chi trả cho đương sự không đúng quy định của pháp luật, thu phí thi hành án và các khoản phải nộp khác. Tuy nhiên, nội dung này không thuộc phạm vi quy định căn cứ để cưỡng chế tại Điều 70, Luật THADS ( phải căn cứ vào Bản án, quyết định; quyết định thi hành án để ra Quyết định cưỡng chế); đồng thời, chưa quy định rõ trình tự, thủ tục cưỡng chế như thế nào (Trong trường hợp này, Chấp hành viên có được cưỡng chế bán tài sản của đương sự hay phải khởi kiện để Tòa án phán quyết…) dẫn đến không thể thực hiện được trên thực tế. | Cần quy định cụ thể |  | UBND tỉnh Tây Ninh, Cà Mau |
|  |  | **Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan THADS** | Luật mới quy định Thủ trưởng cơ quan THADS cấp tỉnh có quyền điều động, hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo, kiểm tra công tác thi hành án đối với Chấp hành viên... mà không quy định thẩm quyền này của Thủ trưởng cơ quan THADS cấp huyện | Quy định thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan THADS cấp huyện trong hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo, kiểm tra công tác thi hành án đối với Chấp hành viên (điều động vẫn là quyền của Thủ trưởng cơ quan THADS cấp tỉnh) |  | UBND tỉnh Sơn La |
|  |  |  | Vai trò của Thủ trưởng cơ quan THADS trong quá trình tổ chức thi hành án còn mờ nhạt, chưa thể hiện đúng vai trò của mình, đặc biệt là việc kiểm soát đối với các tác nghiệp của Chấp hành viên: Ngoài một số thủ tục được quy định rõ ràng, cụ thể về thời hạn giải quyết như: Quyết định thi hành án theo yêu cầu; đề nghị xác nhận kết quả thi hành án; yêu cầu thay đổi Chấp hành viên; đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án; đề nghị miễn, giảm phí thi hành án (là khác thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan THADS) thì hầu hết các thủ tục tổ chức thi hành án khác dù pháp luật có quy định về thời hạn giải quyết nhưng trên thực tế không thể tính toán cụ thể thời gian từ khi tiếp nhận hồ sơ đến khi trả kết quả do trình tự thực hiện của các thủ tục này còn phụ thuộc vào các cá nhân, tổ chức khác, thời gian giải quyết không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của cơ quan THADS. Vì vậy, nếu không có cơ chế kiểm soát tốt có thể dẫn tới tình trạng lạm quyền, vin vào sự chưa cụ thể của quy định pháp luật để xảy ra tình trạng chậm xử lý hồ sơ | Xác định rõ trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan THADS trong kiểm soát việc thực hiện các trình tự, thủ tục tổ chức thi hành án của Chấp hành viên, tập trung vào các trình tự, thủ tục dễ sai phạm hoặc bị lạm dụng để tham nhũng, tiêu cực. Cụ thể như: quy định Thủ trưởng phải quyết định hoặc phê duyệt việc xác định, lựa chọn tài sản để xử lý, bán đấu giá tài sản; lựa chọn tổ chức thẩm định giá; lựa chọn tổ chức bán đấu giá; cưỡng chế có huy động lực lượng… | Thực tiễn | Cục QLXLVPHC&TDTHPL |
|  |  | **Về tiêu chuẩn, chức danh thẩm tra viên, thư ký thi hành án** | Hiện tại, chức danh Thẩm tra viên, Thư ký chỉ được quy định trong Nghị định chứ không được quy định trong Luật. | Đề nghị bổ sung quy định chức danh Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án vào nhóm quy định về Hệ thống tổ chức thi hành án và Chấp hành viên.  Bổ sung chức danh Thẩm tra viên chính cho các đơn vị Chi cục THADS. |  | UBND tỉnh Lai Châu, Khánh Hòa |
| **THỦ TỤC THADS** | | | | | |  |
|  |  | **Điều 28. Chuyển giao bản án, quyết định** | Hiện nay, khi chuyển Tòa án giao bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho cơ quan THADS thường xảy ra 03 trường hợp sau:  - Đóng dấu “Án có hiệu lực pháp luật” vào trang đầu của bản án, quyết định (nhiều Tòa án trong cả nước).  - Chuyển cùng Trích lục Bản án, trong trích lục ghi rõ: Bản án có hiệu lực pháp luật (các Tòa án ở Bình Dương)  - Chuyển cùng Thông báo về việc Bản án có hiệu lực pháp luật: trong Thông báo đó nêu rõ: Bản án có hiệu lực pháp luật vào ngày... (các Tòa án ở Lâm Đồng). | Cần thống nhất quy định rõ tại Luật:  - Đóng dấu vào đầu bản án, quyết định (đối với bản án, quyết định có hiệu lực toàn bộ)  - Đóng dấu vào phần bản án, quyết định có hiệu lực (đối với bản án, quyết định có hiệu lực 1 phần) |  |  |
|  |  |  | Theo khoản 1 Điều 28 thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì Tòa án chuyển giao bản án, quyết định cho cơ quan THADS. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS năm 2015 về việc chuyển giao bản án, theo đó, thời hạn chuyển giao theo quy định của Luật này là *“10 ngày (có thể kéo dài nhưng không quá 25 ngày) kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày ra Quyết định đối với Bản án phúc thẩm”.* | Cần quy định cho phù hợp, tránh mâu thuẫn với Điều 485 Bộ luật TTDS và Điều 262 Bộ luật TTHS |  | VKSNDTC; Bộ Quốc phòng, UBND tỉnh Bình Phước, Lạng Sơn |
|  |  | **Điều 29. Thủ tục nhận bản án, quyết định** | Điều 27 ghi cả Tòa án, Ủy ban Cạnh tranh…Trọng tài thương mại nhưng Điều 29 lại chỉ ghi Tòa án, Trọng tài thương mại | Thống nhất khái niệm và cách sử dụng thuật ngữ |  |  |
|  |  | **Điều 30. Thời hiệu yêu cầu thi hành án** | Theo quy định tại khoản 1 Điều 30: Thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm là quá dài làm cho việc thi hành án gặp nhiều trở ngại như có sự thay đổi về địa bàn, địa chỉ cũng như sự chuyển dịch về tài sản… Do đó, cần quy định thời hiệu là 03 năm. để phù hợp với các quy định về thời hiệu của BLDS 2015: Thời hiệu khởi kiện về HĐ là 3 năm; Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là 02 năm; Thời hiệu khởi khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 3 năm... | Cần rút ngắn thời hiệu yêu cầu THA là 3 năm (thay vì 5 năm như hiện nay) |  | Ý kiến của VKSNDTC |
|  |  |  | Không cần thiết phải áp dụng thời hiệu yêu cầu thi hành án đối với người phải thi hành án vì đây là nghĩa vụ phải chấp hành, trong trường hợp người phải thi hành án tự nguyện nộp tiền thi hành án trước khi có yêu cầu của người được thi hành án (kể cả trường hợp đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án) thì cơ quan THA ra quyết định thi hành án tự nguyện thi hành án mà không cần áp dụng thời hiệu |  |  | Cục THADS tỉnh Bình Dương |
|  |  | Khoản 1 | Khoản 1 chưa quy định trường hợp bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật được thi hành án, gây khó khăn cho việc xác định quyền yêu cầu thi hành án của đương sự |  |  | UBND tỉnh Ninh Thuận, Bắc Giang |
|  |  |  | Chưa có quy định về hậu quả pháp lý khi hết thời hiệu THADS nhưng người phải thi hành án tự nguyện nộp tiền, tài sản và làm đơn yêu cầu THADS | Nghiên cứu 02 phương án:  Phương án 1: hướng dẫn các đương sự ra ủy ban nhân dân xã, hoặc Thừa phát lại để công chứng, lập vi bằng về việc thực hiện bản án  Phương án 2: cơ quan THADS vẫn ra quyết định thi hành án tương ứng với khoản tiền, tài sản họ tự nguyện nộp |  |  |
|  |  | Khoản 2 | Khoản 2 quy định: “2. Đối với các trường hợp hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của Luật này thì thời gian hoãn, tạm đình chỉ không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án, ***trừ trường hợp người được thi hành án đồng ý cho người phải thi hành án hoãn thi hành án”.*** Là không phù hợp, vì chưa có quyết định thi hành án thì không có khái niệm “hoãn thi hành án”, tạm đình chỉ thi hành án. | Bỏ khoản 2 Điều 30 |  |  |
|  |  |  | Chưa có quy định giải quyết trường hợp đơn yêu cầu và các tài liệu kèm theo chưa đúng quy định thì không vào sổ mà hướng dẫn người nộp đơn (hoặc lập sổ riêng để theo dõi). Chỉ vào sổ nhận đơn khi đơn và tài liệu kèm theo đã đầy đủ | quy định giải quyết trường hợp đơn yêu cầu và các tài liệu kèm theo chưa đúng quy định thì không vào sổ mà hướng dẫn người nộp đơn (hoặc lập sổ riêng để theo dõi). Chỉ vào sổ nhận đơn khi đơn và tài liệu kèm theo đã đầy đủ |  |  |
|  |  |  | Chưa có quy định trường hợp người phải thi hành án yêu cầu thi hành án thì phải kèm theo bản kê khai thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án để tự nguyện thi hành án | Quy định rõ trường hợp người phải thi hành án yêu cầu thi hành án thì phải kèm theo bản kê khai thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án để tự nguyện thi hành án |  |  |
|  |  | Khoản 3 | Luật mới chỉ có quy định về sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan đối với yêu cầu thi hành án mà chưa có quy định áp dụng cho cơ quan nhà nước, Chấp hành viên (Covid).  Khái niệm các sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan trong NĐ 62 cũng không đầy đủ, không có "dịch bệnh", không có các trường hợp khác… | Nghiên cứu một số quy định về sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan ảnh hưởng đến việc thực hiện các trình tự, thủ tục tổ chức thi hành án |  |  |
|  |  | **Điều 31. Tiếp nhận, từ chối yêu cầu thi hành án**  Khoản 1 | Khoản 1 quy định đơn yêu cầu thi hành án được nộp trực tiếp, trình bày bằng lời nói hoặc gửi qua đường bưu điện. Nhưng chưa quy định về việc nộp đơn yêu cầu thi hành án trực tuyến | Bổ sung quy định về nộp đơn yêu cầu thi hành án trực tuyến để tăng cường ứng dụng CNTT trong thi hành án |  |  |
|  |  |  | Khoản 1: Đề nghị tích hợp nội dung quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ (sửa đổi khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP) vào Luật để bảo đảm thống nhất |  |  | VKSNDTC |
|  |  | Khoản 2 | Khoản 2: nên quy định thêm nội dung đơn yêu cầu là: Thông tin khác có liên quan (ví dụ như số điện thoại hoặc người cần liên hệ khi thông báo thi hành án trong trường hợp đương sự vì lý do chính đáng không thể nhận thông báo mà người thân thích của họ có thể nhận thay…) để tiện lợi trong quá trình thông báo, xác minh thi hành án. | Cần bổ sung thêm nội dung *“Thông tin khác có liên quan: số điện thoại liên lạc, khi cần báo tin cho ai...”* |  | UBND tỉnh Tuyên Quang  VKSNDTC |
|  |  |  | Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định: “*Hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài theo quy định tại Điều 69 của Luật này, bên được thi hành phán quyết trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài”*, theo đó việc yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài đòi hỏi người làm đơn yêu cầu phải chứng minh được PQTT không bị hủy theo quy định tại Điều 69 của Luật Trọng tài (bên yêu cầu THA phải yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản). | Quy định rõ khi yêu cầu thi hành Phán quyết trọng tài, người yêu cầu phải gửi kèm theo xác nhận của Tòa án có thẩm quyền về việc Phán quyết trọng tài không bị hủy | Liên quan đến Luật Trọng tài thương mại |  |
|  |  | Khoản 5 | Làm rõ các trường hợp từ chối yêu cầu thi hành án theo quy định tại khoản 5 | Tích hợp nội dung quy định tại khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung |  |  |
|  |  | **Điều 35. Thẩm quyền thi hành án** | Tại điểm i khoản 2 Điều 35 Luật THADS quy định *“Bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều này mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp về thi hành án*” thì thuộc thẩm quyền thi hành án cơ quan THADS cấp tỉnh và điểm a, khoản 1 Điều 56 Luật THADS*: “1. ...Cơ quan THADS cấp tỉnh ủy thác thi hành các bản án, quyết định sau đây:...bản án, quyết định có yếu tố nước ngoài ...”*. Thực tế nhiều vụ việc tại giai đoạn xét xử và tuyên án của Tòa án đương sự đang ở nước ngoài nhưng đến giai đoạn THADS thì đương sự đã về nước và sinh sống ổn định tại một địa phương (huyện, quận) cụ thể trong tỉnh. Tuy nhiên do quy định “ đóng khung” bản án, quyết định “có yếu tố nước ngoài” thuộc thẩm quyền thi hành án của cơ quan THADS cấp tỉnh và chỉ được ủy thác đến cơ quan ngang cấp (cấp tỉnh). | Quy định lại theo hướng nếu quá trình tổ chức thi hành án đối với bản án có yếu tố nước ngoài mà có căn cứ xác định đương sự, người có qyền lợi nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến việc thi hành án đang sinh sống ở Việt Nam thì cơ quan THADS cấp tỉnh thực hiện ủy thác nơi họ có địa chỉ để thi hành án như các vụ việc bình thường. |  |  |
|  |  |  | Chưa có quy định về thẩm quyền thi hành án đối với Quyết định hòa giải, đối thoại tại Tòa án | Bổ sung quy định thẩm quyền thi hành án đối với Quyết định hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án |  |  |
|  |  |  | Chưa có quy định về thẩm quyền thi hành án đối với Quyết định khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp phúc thẩm trong giai đoạn chờ xét xử phúc thẩm (chưa có bản án phúc thẩm) | Bổ sung quy định |  |  |
|  |  | Khoản 2 | - Tại điểm h khoản 2 Điều 35 Luật THADS năm 2014 quy định: *“Bản án, quyết định thuộc thẩm quyền thi hành án của cơ quan THADS cấp huyện quy định tại khoản 1 Điều này mà thấy cần thiết lấy lên để thi hành án”*. Luật THADS cần quy định cụ thể về các trường hợp “cần thiết” để Cục THADS rút hồ sơ lên. Tránh việc tùy nghi thực hiện.  - Đối với các trường hợp Cục rút hồ sơ lên để thi hành: Cần quy định rõ để quá trình tổ chức thi hành án được ổn định, đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, khi rút hồ sơ thi hành án từ Chi cục THADS lên để tiếp tục tổ chức thi hành thì Cục THADS không ra Quyết định thi hành án mới mà chỉ ra Quyết định rút hồ sơ thi hành án theo mẫu số B46-THA nêu trên và phân công Chấp hành viên tiếp tục tổ chức thi hành Quyết định thi hành án của Chi cục THADS trước đây. Trong Quyết định rút hồ sơ lên phải nói rõ các quyết định về thi hành án (quyết định áp dụng các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án…), kết quả của quá trình tổ chức thi hành trước đó do Chi cục THADS thực hiện nếu không vi phạm pháp luật vẫn có giá trị pháp lý, được công nhận và được sử dụng làm căn cứ để Cục THADS tiếp tục tổ chức thi hành vụ việc. Việc giải quyết khiếu nại, trả lời kháng nghị do Cục THADS giải quyết kể từ thời điểm rút hồ sơ để thi hành. | Bổ sung quy định phù hợp |  | UBND tỉnh Bình Phước |
|  |  |  | Hiện nay liên quan đến việc xử lý tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trong đó cơ quan THADS là nguyên đơn hoặc bị đơn. Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì sẽ xảy ra trường hợp cơ quan tổ chức thi hành án cũng là người phải thi hành án hoặc là người được thi hành án thì việc làm đơn yêu cầu thi hành án (với tư cách là người được thi hành án), ra quyết định thi hành án (với tư cách là người phải thi hành án) gặp vướng mắc. | Bổ sung quy định thẩm quyền ra quyết định thi hành án trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền thi hành án đồng thời là người phải thi hành án hoặc là người được thi hành án thì việc làm đơn yêu cầu thi hành án (với tư cách là người được thi hành án), ra quyết định thi hành án (với tư cách là người phải thi hành án). |  | UBND tỉnh Tây Ninh |
|  |  | **Điều 36. Ra Quyết định thi hành án**  Khoản 1 | Điều 36. Luật THADS quy định việc ra quyết định thi hành án: *“Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định”*.  Quy định thời hạn 05 ngày làm việc là không phù hợp, nhất là đối với bản án phức tạp (án tham nhũng, tín dụng ngân hàng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản …) có nhiều người phải thi hành án và phải xử lý nhiều vật chứng, tài sản.  - Chưa xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan THADS trong việc thẩm định hồ sơ, xác định thẩm quyền... | Đề nghị sửa đổi, tăng thời hạn hoặc có đặc thù riêng cho từng loại bản án, quyết định |  | UBND tỉnh Tuyên Quang |
|  |  |  | Chưa có quy định về việc ra quyết định thi hành án đối với nội dung xử lý vật chứng, xử lý tài sản bảo đảm thi hành án trong quyết định chủ động hay theo yêu cầu |  |  |  |
|  |  |  | Quy định cơ quan THADS chủ động ra quyết định thi hành án đối với khoản “thu hồi quyền sử dụng đất thuộc diện sung quỹ nhà nước” là chưa phù hợp vì nội dung này thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên môi trường. | Bỏ quy định tại điểm d khoản 2 (Chủ động ra quyết định thi hành án đối với khoản thu hồi quyền sử dụng đất thuộc diện sung quỹ nhà nước) |  |  |
|  |  |  | Chưa có quy định về việc phân công Chấp hành viên | Quy định cụ thể hình thức phân công cho Chấp hành viên |  | Bộ Công an |
|  |  | Khoản 2 | Việc quy định cùng 1 bản án nhưng ban hành nhiều quyết định THA (trong trường hợp cụ thể) như hiện nay là chưa phù hợp | Nên ra chung 01 quyết định thi hành án nhằm thuận tiện cho việc ra quyết định thi hành án, dễ kiểm tra, phù hợp với cải cách hành chính. |  | UBND tỉnh Đắk Nông |
|  |  |  | Khoản 2 Điều 36 Luật THADS quy định thời hạn ra quyết định thi hành án đối với quyết định tuyên bố phá sản là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 120 Luật Phá sản 2014 quy định: “*Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá* *sản, cơ quan THADS có trách nhiệm chủ động ra quyết định thi hành”*. Như vậy, thời hạn để cơ quan THADS ra quyết định thi hành án đối với quyết định tuyên bố phá sản của Luật THADS và Luật Phá sản 2014 là không thống nhất với nhau. |  |  | UBND tỉnh Sơn La, Bắc Giang |
|  |  |  | Khoản 2 Điều 36 quy định*“2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra* *quyết định thi hành án và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành đối với* *phần bản án, quyết định sau:* *…d) Thu hồi quyền sử dụng đất và tài sản khác thuộc diện sung quỹ nhà nước”.*  Tuy nhiên, Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền thu hồi đất, theo đó chỉ có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Việc trao thẩm quyền cho Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự được thu hồi đất là chưa phù hợp với Hiến pháp (Điều 53 và Điều 54) và thẩm quyền thu hồi đất quy định tại Điều 79 dự thảo Luật Đất đai. | Đề nghị bãi bỏ thẩm quyền “*Thu hồi quyền sử dụng đất và tài sản khác thuộc diện sung quỹ nhà nước*” của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự trong Luật THADS để bảo đảm thống nhất với thẩm quyền thu hồi đất trong Luật Đất đai. |  | Bộ Tài Nguyên và Môi trường |
|  |  |  | Điểm a, b, c, d, khoản 2 Điều 36 Luật THADS quy định trong thời hạn 5 ngày làm việc, cơ quan thi hành án phải chủ động ra quyết định thi hành án. Tuy nhiên, trên thực tế, có vụ việc đã nhận được bản án có hiệu lực nhưng vật chứng để xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước chưa bàn giao cho cơ quan thi hành án để xử lý (*nhất là gỗ nằm ở vùng sâu, vùng xa địa bàn hiểm trở gây khó khăn cho việc* *thu gom, bàn giao*). Nếu cơ quan thi hành án ra quyết định thì dẫn đến vụ việc tồn đọng. | Đối với vụ việc Bản án tuyên xử lý vật chứng, cần sửa đổi theo hướng thời gian ra quyết định thi hành án là 5 ngày kể từ khi nhận bàn giao đủ vật chứng thuộc diện tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với trường hợp Tòa án tuyên tiếp tục kê biên tài sản để bảo đảm thi hành án đề nghị sửa đổi, quy định theo hướng thu cho ngân sách thì ra quyết định chủ động, thu cho cá nhân, tổ chức khác thì thuộc diện thi hành án theo đơn yêu cầu |  | UBND tỉnh Kon Tum |
|  |  |  | Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật THADS, việc ra Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu đối với phán quyết trọng tài được thực hiện trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đơn yêu cầu thi hành án.  Điều 68 Luật Trọng tài năm 2010 quy định: “*Hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài theo quy định tại Điều 69 của Luật này, bên được thi hành phán quyết trọn g tài có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài”*, theo đó việc yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài đòi hỏi người làm đơn yêu cầu phải chứng minh được PQTT không bị hủy theo quy định tại Điều 69 của Luật Trọng tài (bên yêu cầu THA phải yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản). Tuy nhiên, trên thực tế đương sự thực hiện việc này rất khó khăn nên để tạo điều kiện thuận lợi cho người yêu cầu THA, tháo gỡ vướng mắc giải quyết vụ việc, cơ quan THADS đã thực hiện việc gửi văn bản đề nghị Tòa án xác nhận PQTT có bị hủy hay không thay cho người yêu cầu THA. | Cần quy định: Khi nhận được đơn yêu cầu thi hành Phán quyết trọng tài, đối với đơn không gửi kèm tài liệu chứng minh Phán quyết trọng tài đủ điều kiện thi hành, Thủ trưởng cơ quan THADS phải gửi văn bản đến Tòa án có thẩm quyền yêu cầu xác nhận Phán Quyết Trọng Tài có bị hủy hay không. |  | VKSNDTC |
|  |  | **Điều 37. Thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án** | Khoản 1: Chưa quy định rõ một số trường hợp phải thu hồi quyết định thi hành án: có quyết định ủy thác thi hành án | Bổ sung quy định cho phù hợp |  |  |
|  |  | **Điều 39. Thông báo về thi hành án** | - Khoản 1: Có quá nhiều các văn bản phải thực hiện việc thông báo cho đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (phải thông báo tất cả các thông báo, quyết định về thi hành án cho đương sự); | Quy định rõ các văn bản phải thực hiện việc thông báo cho đương sự. |  | UBND tỉnh Bình Phước, Lạng Sơn |
|  |  |  | - Khoản 1: Thủ tục về thông báo thi hành án có quy định mang tính tùy nghi dễ bị đương sự lợi dụng để gây khó khăn cho cơ quan THADS, kéo dài thời gian tổ chức thi hành án (có những văn bản phải tống đạt nhiều lần do đương sự cố tình vắng mặt; có trường hợp không tống đạt được trực tiếp hoặc pháp luật quy định phải đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng thì phải thực hiện trên 2 số liên tiếp, chưa kể thời gian phải thực hiện việc ủy thác tư pháp...);  - Chưa có quy định về việc ủy quyền cho Thừa phát lại thực hiện việc thông báo.  - Chưa quy định riêng về việc thông báo trong trường hợp đương sự ở nước ngoài. | Hoàn thiện các thủ tục về thông báo thi hành án theo hướng:  (i) Không quy định bắt buộc cơ quan thi hành án phải thực hiện tống đạt mà cần việc tống đạt được thực hiện hoàn toàn trên cơ sở thỏa thuận giữa cơ quan THADS có nhu cầu tống đạt và Văn phòng Thừa phát lại.  (ii) Rút gọn thủ tục thông báo đối với đương sự, nhất là với người phải thi hành án chỉ cần thông báo văn bản quan trọng như quyết định thi hành án, quyết định cưỡng chế, thông báo về giá tài sản thẩm định, bán tài sản, giao tài sản. Trường hợp có nhiều người phải thi hành án là thành viên trong gia đình thì chỉ thông báo cho đại diện gia đình. |  | UBND tỉnh Kiên Giang, Bắc Giang, UBND thành phố Đà Nẵng |
|  |  |  | Thực tế, nhiều trường hợp CHV gửi thông báo qua bưu điện cho người nhận lại tài sản trong các bản án hình sự có địa chỉ ở các tỉnh khác nhưng không có kết quả (bưu điện trả về do không tìm thấy địa chỉ); đồng thời, CHV, cơ quan Thi hành án không có đủ thời gian, kinh phí để thực hiện việc thông báo, niêm yết tại các tỉnh khác nên chưa đủ điều kiện xử lý tài sản trả lại theo khoản 2 Điều 126 Luật THADS. | Bổ sung quy định ủy thác thông báo, niêm yết thi hành án để giải quyết linh hoạt đối với những trường hợp người phải thi hành án có địa chỉ, nơi cư trú ở tỉnh khác. |  | VKSNDTC |
|  |  |  | Khoản 2: Thời hạn thông báo ngắn, nhất là với CHV nhiều hồ sơ, vụ việc nhiều đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan | Sửa đổi tăng thời hạn thông báo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật THADS tạo điều kiện cho CHV thông báo tới đương sự cư trú tại miền núi, vùng sâu, vùng xa |  | VKSNDTC, UBND tỉnh Bình Phước, Bắc Giang  Bộ Công an, UBND tỉnh Lạng Sơn. |
|  |  |  | Khoản 3: Hình thức thông báo  - Hiện nay đa số phương tiện liên lạc của người dân đều chủ yếu là điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác. Do đó, việc dùng điện thoại để thông báo các văn bản THA rất tiện lợi và nhanh chóng.  - Chưa có quy định liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thông báo về thi hành án cho đương sự | Nghiên cứu bổ sung hình thức thực hiện thông báo cho đương sự thông qua điện thoại hoặc bằng phương tiện điện tử theo yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử |  | VKSNDTC, UBND tỉnh Đồng Nai, Đồng Tháp, Hải Dương, Bình Dương |
|  |  | **Điều 41. Thủ tục thông báo trực tiếp cho cơ quan, tổ chức** | Theo quy định thì văn bản thông báo phải được giao trực tiếp “người đại diện theo pháp luật” hoặc “người chịu trách nhiệm nhận văn bản” và người đó ký nhận. Tuy nhiên, Chấp hành viên rất khó gặp được họ để giao trực tiếp nhất là cơ quan, tổ chức là người phải thi hành án, hoặc đối với các chi nhánh tổ chức tín dụng (khi xác minh tài khoản, tài sản) thì không có người đại diện theo pháp luật mà chỉ là người đứng đầu. Đồng thời, khó khăn trong việc xác định *“người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức”*. | Quy định rõ trong trường hợp cơ quan, tổ chức có địa chỉ rõ ràng thì thực hiện việc thông báo qua hình thức gửi thư bảo đảm đến địa chỉ của cơ quan tổ chức đó. Ngày ký nhận là ngày được thông báo hợp lệ |  | UBND tỉnh Bình Phước, Lạng Sơn |
|  |  | **Điều 42 Niêm yết công khai** | Khoản 2 quy định thủ tục niêm yết: niêm yết tại trụ sở cơ quan THADS, UBND cấp xã, nơi cư trú, nơi cư trú cuối cùng, lập biên bản về việc niêm yết công khai. Việc quy định như vậy còn nhiều thủ tục, mất thời gian, công sức, chi phí | Hoàn thiện thủ tục thông báo niêm yết công khai theo hướng:  - Thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP;  - Bỏ quy định niêm yết tại nơi cư trú, trụ sở cơ quan THADS, cần quy định trường hợp đương sự từ chối nhận thông báo thì cơ quan THADS không tiếp tục thông báo đến khi đương sự có yêu cầu nhận) |  | UBND tỉnh Đồng Nai, Đồng Tháp, Bình Dương UBND thành phố Đà Nẵng |
|  |  |  | Khoản 3 quy định “Thời gian niêm yết công khai văn bản thông báo là 10 ngày, kể từ ngày niêm yết. Ngày niêm yết là ngày được thông báo hợp lệ”. Tuy nhiên, cơ quan THADS tổ chức cưỡng chế khi chưa hết thời hạn niêm yết là 10 ngày thì sẽ vi phạm quy định BLDS và có thể bị kháng nghị | Cần quy định cụ thể vấn đề này |  | UBND tỉnh Bình Phước |
|  |  | **Điều 43. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng** | Pháp luật hiện hành chưa quy định rõ trường hợp nào thì áp dụng quy định thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Khoản 1 chỉ quy định việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện khi: Pháp luật có quy định hoặc khi đương sự có yêu cầu. Chưa quy định trong trường hợp CHV thấy cần thiết thông báo (như trường hợp người phải thi hành án không có mặt tại địa phương, không rõ nơi cư trú; trong những trường hợp cần thông báo các văn bản về thủ tục thi hành án để người phải thi hành án nắm được). | Cần sửa đổi bổ sung trường hợp “**hoặc khi cần thiết** ” hoặc có căn cứ xác định việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người nhận được thông báo nhận |  | UBND tỉnh Bình Phước, Bắc Goang |
|  |  | **Điều 44. Xác minh điều kiện thi hành án**  Khoản 1 | Khoản 1, về thời điểm tiến hành xác minh: Pháp luật quy định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện. Tuy nhiên, nhiều trường hợp trong thời gian tự nguyện, người phải thi hành án có hành vi tẩu tán tài sản mà Chấp hành viên không kịp thời phát hiện để ngăn chặn thì sẽ khó trong quá trình xử lý tài sản sau này. | Cần quy định Chấp hành viên được xác minh điều kiện THA ngay sau khi ban hành quyết định THA. |  | UBND tỉnh Bắc Giang, VKSNDTC |
|  |  |  | Hiện tại, tranh chấp thương mại giữa các doanh nghiệp có xu hướng tăng nhưng hiệu lực thi hành các bản án dân sự lại thấp. Nhiều trường hợp doanh nghiệp thắng kiện nhưng cơ quan THADS không thi hành được bản án do người bị thi hành án tẩu tán tài sản, trong khi người được thi hành án không có điều kiện xác minh tài sản của người thi hành án. | Kiến nghị Bộ Tư pháp rà soát các quy định pháp luật, kịp thời tham mưu Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến công tác THADS nhằm đảm bảo trách nhiệm xác minh, truy tìm tài sản của người bị thi hành án, bảo vệ quyền của người được thi hành án; đồng thời thực thi nghiêm các quy định của pháp luật về xử lý hình sự đối với các trường hợp không chấp hành bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực. |  | Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Dương gửi tới trước kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV |
|  |  |  | Khoản 1: Theo quy định *“Người phải thi hành án phải kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án với cơ quan THADS và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình”*. Theo đó, được hiểu là trách nhiệm, nghĩa vụ của người phải thi hành án. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP quy định: *“Khi tiến hành xác minh, chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập...”.* Như vậy, quyền yêu cầu của Chấp hành viên trong trường hợp này lại biến thành nhiệm vụ, trách nhiệm của Chấp hành viên. | Quy định rõ đây là trách nhiệm của người phải thi hành án mà không phải là trách nhiệm của Chấp hành viên. Nếu không chủ động kê khai, khi Chấp hành viên xác minh có tài sản, có điều kiện thi hành án thì sẽ xử lý **nghiêm** theo quy định |  | UBND thành phố Cần Thơ, Bắc Giang, Đà nẵng; Cục THAD tỉnh Bình Dương |
|  |  |  | Trường hợp 01 quyết định thi hành án có nhiều người phải thi hành có địa chỉ, nơi ở, làm việc khác nhau, xa nhau làm mất nhiều thời gian để xác minh điều kiện thi hành án, quy định 10 ngày như hiện nay, Chấp hành viên không thể thực hiện việc xác minh đúng thời hạn quy định. |  |  | UBND tỉnh Cà Mau |
|  |  |  | Khoản 3: Chưa phát huy được hiệu quả của việc xã hội hóa một số hoạt động THADS như quy định đương sự có quyền ủy quyền cho Thừa phát lại xác minh điều kiện thi hành án. | Cần sửa đổi theo hướng Chấp hành viên có quyền sử dụng kết quả xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại, nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của thừa phát lại |  |  |
|  |  |  | Khoản 4 quy định trách nhiệm của CHV khi xác minh phải “*xuất trình thẻ Chấp hành viên”* nhưng hiện nay quyết định bổ nhiệm Chấp hành viên không kèm theo thẻ; đồng thời, thường xuyên luân chuyển, chuyển đổi, nâng ngạch Chấp hành viên nên việc đổi thẻ chưa kịp thời gây nhiều khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ. | Đề nghị sửa đổi cho phù hợp |  |  |
|  |  |  | Khoản 4: quy định “*Lập biên bản thể hiện đầy đủ kết quả xác minh có xác* *nhận của Uỷ ban nhân dân hoặc công an xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi* *tiến hành xác minh*”. UBND cấp xã có vai trò quan trọng trong việc xác minh trên, tuy nhiên còn chưa nắm rõ công tác thi hành án dân sự dẫn đến việc phối hợp chưa hiệu quả. Mặt khác số biên chế của chính quyền cơ sở rất hạn chế, công tác xác minh, đôn đốc giải quyết án lại là công việc thường xuyên của cán bộ thi hành án dân sự, trong khi đó mỗi xã chỉ có một đến hai cán bộ tư pháp phụ trách rất nhiều đầu việc của xã, do đó không thể bố trí cán bộ đi cùng với cán bộ thi hành án dân sự đôn đốc, xác minh việc thi hành. Như vậy, chưa quy định rõ trách nhiệm của UBND trong trường hợp cung cấp, xác nhận thông tin không đúng sự thực, đùn đẩy, không tích cực phối hợp thi hành nhiệm vụ theo pháp luật dẫn đến kết quả xác minh không chính xác, việc giải quyết THA không đạt kết quả. |  |  | UBND tỉnh Lào Cai |
|  |  |  | Khoản 5: Hiện nay, Chấp hành viên rất khó xác minh được sổ sách kế toán, báo cáo tài chính của doanh nghiệp, khi Chấp hành viên yêu cầu doanh nghiệp không cung cấp hoặc thông báo đã thất lạc nên Chấp hành viên không thể tiếp cận được sổ sách của doanh nghiệp. | Cần quy định trình tự, thủ tục trách nhiệm cụ thể, chi tiết của cơ quan quản lý doanh nghiệp trong việc xác minh điều kiện của doanh nghiệp. |  | UBND tỉnh Khánh Hòa |
|  |  |  | Khoản 6: Quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan trong việc xác minh điều kiện thi hành án. Tuy nhiên, trên thực tế việc cung cấp của các cơ quan phối hợp trên thường quá thời hạn (có việc nhiều tháng) gây khó khăn cho công tác THA. | Cần có biện pháp chế tài rõ ràng, cao hơn để ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan phối hợp trong việc cung cấp tài liệu theo yêu cầu của Chấp hành viên. Đồng thời, quy định phân loại thông tin tài liệu phục vụ việc xác minh. |  | VKSNDTC Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
|  |  | **Điều 44a. Xác định việc chưa có điều kiện thi hành án** | Khoản 1 đã quy định các trường hợp để ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành. Trong đó, đối với trường hợp *“trả vật đặc định nhưng vật phải trả không còn hoặc hư hỏng đến mức không thể sử dụng được; phải trả giấy tờ nhưng giấy tờ không thể thu hồi được và cũng không thể cấp lại được mà đương sự không có thỏa thuận khác”.* Trường hợp này, đối tượng thi hành án không còn, người được thi hành án không biết bao giờ được thi hành quyền này nhưng không quy định đình chỉ được. Hồ sơ thi hành án tồn đọng, không có căn cứ kết thúc thi hành án. | Cần quy định trong trường hợp này cần đình chỉ thi hành án và hướng dẫn đương sự khởi kiện ra Tòa án để thực hiện việc thay thế bằng nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 377 Bộ luật Dân sự để đảm bảo quyền lợi. |  | UBND tỉnh Bắc Giang, VKSNDTC |
|  |  |  | Khoản 1: Thực tế còn những trường hợp tài sản của người phải thi hành án là loại tài sản không thể xử lý nhưng cũng không thể phân loại án sang dạng án chưa có điều kiện thi hành theo quy định tại Điều 44a Luật THADS như: tài sản là nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất nhưng đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không thuộc diện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Nhà xây trên thửa đất lấn chiếm, đất hành lang giao thông, hành lang sông hoặc hành lang bảo vệ công trình thủy….Trên thực tế tổ chức thi hành án, có rất nhiều trường hợp người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù chưa có điều kiện thi hành, Chấp hành viên vừa thực hiện xong việc xác minh, cơ quan THADS ra quyết định chưa có điều kiện thi hành án thì lại nhận được thông báo của Trại giam về việc phạm nhân tự nguyện thi hành một phần khoản phải thi hành án; Lúc này buộc Chấp hành viên phải ra quyết định tiếp tục thi hành án và lại tiếp tục xác minh điều kiện thi hành án để ra quyết định chưa có điều kiện thi hành án. Điều này gây cản trở, mất thời gian trong việc thực hiện quy trình tổ chức thi hành án, nhất là đối với những việc thời hạn chấp hành án của phạm nhân còn dài, khoản phải thi hành nhiều, nhưng thỉnh thoảng Trại giam lại thông báo thu nhỏ giọt 100.000đ đến 200.000đ. | Đề nghị xem xét quy định mở rộng hơn về tiêu chí xác định việc chưa có điều kiện THA đối với một số trường hợp cá biệt, phân định thêm thời hạn xác minh đối với các trường hợp người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù, cơ quan THADS đã ra Quyết định chưa có điều kiện thi hành án, nhưng Trại giam lại thu một phần tiền và thông báo, gửi về cơ quan THADS. | Thực tế | UBND tỉnh Thanh Hóa |
|  |  |  | Khoản 1: Thực tế, còn có trường hợp phải xử lý tài sản là động sản nhưng không tìm thấy, cơ quan THADS không có cơ chế xử lý, mà không thuộc trường hợp ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án | Đề nghị bổ sung trường hợp này là một trong các trường hợp để ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án | Thực tế | UBND tỉnh Bắc Giang |
|  |  |  | Khoản 2 quy định Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án do UBND cấp xã niêm yết. Tuy vậy, Luật chưa quy định UBND cấp xã sau khi niêm yết phải gửi biên bản cho cơ quan THADS. Do đó, hồ sơ thi hành án không có thủ tục thể hiện đã niêm yết quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án, gây khó khăn cho việc xác định thời gian niêm yết công khai đối với việc chưa có điều kiện thi hành án. | Cần quy định UBND cấp xã sau khi niêm yết phải gửi biên bản cho cơ quan THADS để lưu hồ sơ theo quy định. |  | VKSNDTC |
|  |  | **Trả đơn yêu cầu thi hành án** | -Việc xác minh định kỳ đối với hồ sơ đã ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành đối với trường hợp án theo yêu cầu, qua thực tiễn cho thấy hầu như không có hiệu quả. Đa phần người phải thi hành án không có điều kiện thi hành án trở lại mà phát sinh chi phí, mặt khác số lượng hồ sơ tồn đọng loại này ngày càng cao *(dù chuyển sang sổ theo dõi riêng nhưng bản chất vẫn là tồn chưa giải quyết)*.  -Chưa có quy định cách thức xử lý đối với việc chưa có điều kiện là loại việc thi hành án theo yêu cầu. | Xem xét đề xuất nội dung quy định về trả đơn yêu cầu thi hành án. |  | Kiến nghị của cử tri gửi tới trước Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV, UBND tỉnh Vĩnh Long, Điện Biên, Quảng Ninh, Thái Bình, An Giang, Ninh Bình, Nam Định, Nghệ An, Kiên Giang, Hà Giang, Hải Dương, Huế, Yên Bái, Cà Mau, Lâm Đồng, PHú Yên  Quảng Nam, thành phố Cần Thơ, VKSNDTC |
|  |  | **Điều 46 Cưỡng chế thi hành án** | Khoản 1 quy định “Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật này, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế”. Điều luật không quy định cụ thể thời gian tổ chức cưỡng chế thi hành án. Trong thực tiễn, việc cưỡng chế thi hành án phụ thuộc vào ý thức chủ quan của Chấp hành viên, nhiều vụ việc thi hành án đã hết thời gian tự nguyện thi hành án nhưng Cơ quan thi hành án không tổ chức cưỡng chế | Sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn theo hướng quy định cụ thể thời gian tổ chức cưỡng chế thi hành án |  | Bộ Công an |
|  |  | **Điều 47. Thanh toán tiền, tài sản thi hành án** | Quy định pháp luật về thanh toán chưa thống nhất | Đề nghị tích hợp quy định về thanh toán tiền quy định tại Điều 49 Nghị định 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP vào quy định tại Điều 47 để bảo đảm phù hợp thống nhất |  | VKSNDTC |
|  |  |  | Theo quy định tại Điều 188, 194 Luật Đất đai, người sử dụng đất được thực hiện quyền chuyển nhượng thì phải thực hiện xong nghĩa vụ tài chính. Tuy nhiên, hiện pháp pháp luật về thanh toán tiền THA chưa quy định khoản nộp này trong số tiền thu được từ việc bán tài sản là quyền sử dụng đất dẫn đến người mua trúng đấu giá không thể thực hiện đăng ký quyền sử dụng được. | Cần quy định bổ sung theo hướng sau khi trừ nghĩa vụ tài chính còn nợ liên quan đến tài sản thì được thanh toán để THA |  | VKSNDTC |
|  |  |  | Lãi chậm thi hành án: Cơ sở pháp luật về thi hành khoản tiền lãi suất trong thi hành án, đến nay chỉ có duy nhất điểm 1 mục III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của của Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án quy định: *Khi tính lãi suất chậm thi hành án chỉ tính lãi của số tiền còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.* | Bổ sung quy định về thứ tự thanh toán tiền thi hành án liên quan đến lãi chậm thi hành án: *Khi tính lãi suất chậm thi hành án chỉ tính lãi của số tiền còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án* (không tính lãi chồng lãi) và thanh toán tiền gốc trước, lãi sau. |  |  |
|  |  |  | Khoản 5: Việc xác định thời hạn thanh toán tiền là 10 ngày kể từ ngày nhận được tiền là không phù hợp trong trường hợp bán đấu giá tài sản. Vì để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người mua trúng đấu giá và chủ động xử lý các tình huống có thể phát sinh thì cần quy định rõ chỉ thanh toán tiền thi hành án sau khi đã giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá | Đối với trường hợp bán đấu giá tài sản thi hành án thì cần quy định thời hạn thanh toán tiền là 10 ngày, kể từ ngày giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá. Số tiền chưa thanh toán sẽ được gửi vào Ngân hàng theo quy định. |  |  |
|  |  | **Điều 48. Hoãn thi hành án**  Điểm b Khoản 1 | Điểm b khoản 1 có quy định Thủ trưởng cơ quan THADS ra quyết định hoãn trong trường hợp “*Chưa xác định được địa chỉ của người phải thi hành án hoặc vì lý do chính đáng khác mà người phải thi hành án không thể tự mình thực hiện nghĩa vụ”.*  - Quy định này còn chồng chéo với điểm c, khoản 1 điều 44a Luật THADS quy định về điều kiện xác định việc chưa có điều kiện thi hành án là: “*Chưa xác định được địa chỉ, nơi cư trú của người phải thi hành án, ...*”.  - Pháp luật cũng chưa quy định cụ thể “lý do chính đáng”. | - Xác định rõ trường hợp này là căn cứ ra quyết định hoãn hay chưa có điều kiện thi hành?  - Quy định rõ trường hợp buộc thực hiện công việc nhưng vì lý do chính đáng mà người phải thi hành án không thể tự mình thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, đối với trường hợp này, cân nhắc phương án trả đơn yêu cầu thi hành án |  | UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu UBND thành phố Đà Nẵng |
|  |  | Điểm d Khoản 1 | Pháp luật chưa quy định hoãn trong một số trường hợp:  - Tòa án thông báo bằng văn bản về việc chuyển vụ việc sang hòa giải, đối thoại và văn bản chỉ định Hòa giải viên cho Hòa Giải viên, người khởi kiện, người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” vì Thông báo này của Toà án không được coi là Thông báo thụ lý giải quyết của Toà án;  *-* Tòa án có thẩm quyền thụ lý khởi kiện của Chấp hành viên, người mua được tài sản theo khoản 2 Điều 102. | Bổ sung quy định trên |  | VKSNDTC |
|  |  |  | Cần quy định phân biệt rõ “hoãn xử lý tài sản” và “hoãn thi hành án” | Trường hợp người phải thi hành án có nhiều tài sản mà có tranh chấp đối với 1 tài sản thì chỉ “hoãn xử lý đối với tài sản đó” mà không “hoãn việc thi hành án” |  |  |
|  |  | Điểm đ khoản 1 | Theo điểm đ thì cơ quan THADS hoãn thi hành án khi việc thi hành án đang trong thời hạn cơ quan có thẩm quyền giải thích bản án, quyết định và trả lời kiến nghị của cơ quan THADS.  Tuy nhiên, nếu đã có kháng nghị thì lại không có căn cứ hoãn mà phụ thuộc vào việc Tòa, Viện có yêu cầu “tạm đình chỉ thi hành án” hay không (khoản 2 Điều 332 Bộ luật TTDS). Nếu Tòa, Viện không yêu cầu tạm đình chỉ thì về nguyên tắc cơ quan THADS vẫn phải tổ chức thi hành án. Nhưng có những trường hợp việc tổ chức thi hành án theo bản án đã bị kháng nghị là không thể thực hiện được hoặc nếu thi hành sẽ phát sinh hậu quả.  - Bên cạnh đó, điểm đ dẫn chiếu đến Điều 170, 179 đều thuộc thẩm quyền của Tòa. Vậy trong thời gian chờ Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị thì có hoãn hay không? |  |  |  |
|  |  | Điểm g khoản 1 | Tại khoản 3, Điều 4 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP quy định sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan bao gồm: đương sự chết mà chưa xác định được người thừa kế. | Cần thu hút quy định tại Nghị định thành Luật |  | VKSNDTC |
|  |  | **Điều 49. Tạm đình chỉ thi hành án** | Điều 99 Luật Cạnh tranh 2019 quy định *“2. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu xét thấy việc thi hành một phần hoặc toàn bộ quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh bị khiếu nại sẽ gây hậu quả khó khắc phục thì Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ quyết định đó”*. Tuy nhiên, Luật THADS chưa có quy định về việc tạm đình chỉ thi hành án đối với trường hợp này | Trong trường hợp này, cơ quan THADS phải có thông báo tạm đình chỉ | Liên quan đến Luật Cạnh tranh |  |
|  |  | **Điều 50. Đình chỉ thi hành án** | Chưa có quy định giải quyết trong trường hợp người phải thi hành án có di sản, nhưng không có người thừa kế. |  |  |  |
|  |  |  | Điểm c khoản 1 đã quy định đình chỉ thi hành án trong trường hợp đương sự có thỏa thuận hoặc người được thi hành án có văn bản yêu cầu đình chỉ, trừ trường hợp việc đình chỉ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba.  Tuy nhiên, chưa quy định hậu quả (chi phí thẩm định giá, bán đấu giá,…) trong trường hợp đương sự yêu cầu đình chỉ sau khi cơ quan THADS đã và đang tổ chức cưỡng chế. | Cần quy định rõ cơ quan THADS chỉ ra quyết định đình chỉ khi "người yêu cầu đình chỉ "đã nộp các chi phí cưỡng chế đã phát sinh" |  |  |
|  |  |  | Chưa quy định đình chỉ trong một số trường hợp:  - Trường hợp người được thi hành án là tổ chức bị giải thể (mới chỉ quy định người phải thi hành án là tổ chức đã bị giải thể, doanh nghiệp đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp…)  - Khi người mua được tài sản bán đấu giá đã nộp đủ tiền nhưng bản án, quyết định bị kháng nghị, sửa đổi hoặc hủy (quy định tại khoản 2 Điều 103). Vì theo quy định tại Điều 103 thì cơ quan THADS vẫn phải tiến hành giao tài sản bán đấu giá. | Quy định bổ sung | . |  |
|  |  |  | Chưa quy định rõ hậu quả của việc đình chỉ thi hành án | Quy định rõ hậu quả của việc đình chỉ thi hành án |  |  |
|  |  | **Điều 52. Kết thúc thi hành án** | Hiện nay không quy định rõ việc Cơ quan THADS gửi thông báo việc kết thúc thi hành án; giấy xác nhận kết quả thi hành án đương sự đã thực hiện xong quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này khó cho Viện kiểm sát trong việc theo dõi việc thi hành án đã kết thúc về số việc, số tiền phải thi hành án. | Quy định thời hạn cụ thể gửi thông báo kết thúc thi hành án hoặc giấy xác nhận kết quả thi hành án theo hướng “Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ kết thúc thi hành án theo quy định, Thủ trưởng Cơ quan THADS phải ra thông báo về việc kết thúc thi hành án và gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp biết” |  | UBND tỉnh Vĩnh Long |
|  |  | **Điều 53. Xác nhận kết quả thi hành án** | Luật THADS đang quy định cơ quan THADS chỉ xác nhận kết quả thi hành án theo yêu cầu của đương sự | Cân nhắc quy định cơ quan THADS chủ động xác nhận kết quả thi hành án mà không cần đương sự yêu cầu để giảm bớt thủ tục hành chính cho người dân. Coi đây là văn bản xác định kết thúc việc thi hành án. |  |  |
|  |  | **Điều 54. Chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án** | Khoản 3 Điều 54 quy định khi thực hiện thủ tục chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án thì Thủ trưởng ra Quyết định thi hành án mới và thu hồi Quyết định thi hành án trước đây.  Tuy nhiên, chưa có quy định phân biệt đối với người được thi hành án và người phải thi hành án. | Quy định theo hướng ra quyết định chuyển giao quyền và nghĩa vụ:  + Khi chuyển giao quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án thì cần đảm bảo tính liên tục của quá trình thi hành án, không thu hồi quyết định thi hành án mà chỉ cần có quyết định chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án và sửa đổi, bổ sung Quyết định thi hành án ban đầu để chuyển sang người được thi hành án mới.  + Khi chuyển giao quyền, nghĩa vụ của người phải thi hành án thì ra quyết định thi hành án với người phải thi hành án mới |  | VKSNDTC |
|  |  |  | Chưa có quy định về việc người phải thi hành án chỉ được chuyển giao quyền và nghĩa vụ trong trường hợp người được chuyển giao có đủ điều kiện để thi hành án theo Bản án, quyết định của Tòa | - Quy định rõ những trường hợp nào người phải thi hành án được/không được chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án (pháp điển các quy định tại Nghị định 62) |  |  |
|  |  |  | Hiện nay Pháp luật THADS mới quy định về chấm dứt hoạt động trong doanh nghiệp đối với: chuyển đổi hình thức, khi bị giải thể (Điều 207 Luật Doanh nghiệp), khi phá sản (điều 4 Luật Phá sản, điều 214 Luật Doanh nghiêp) mà chưa quy định đối với trường hợp hết hạn theo nội dung giấy phép.  Do đó, trong trường hợp người được thi hành án là tổ chức chấm dứt hoạt động do đã hết hạn theo nội dung Giấy phép, không chuyển giao quyền thì sẽ khó khăn trong việc tổ chức thi hành án. | Quy định trong trường hợp người được thi hành án là tổ chức chấm dứt hoạt động do hết hạn theo nội dung Giấy phép |  |  |
|  |  | **Điều 55. Ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản** | Điểm a Khoản 1 quy định cơ quan THADS phải ủy thác thi hành án trong trường hợp: “a) Ủy thác thi hành án cho cơ quan THADS nơi người phải thi hành án có tài sản, làm việc, cư trú hoặc có trụ sở...”.  Như vậy, trường hợp người phải thi hành án có tiền trong tài khoản tại một Ngân hàng có trụ sở ở nơi khác so với đơn vị hành chính nơi cơ quan THADS đóng trụ sở thì cơ quan THADS cũng bắt buộc phải ủy thác thi hành án, do đó gây khó khăn. | Cần quy định không bắt buộc phải ủy thác trong trường hợp này. |  | Cân nhắc cơ chế trừ tiền trong tài khoản ngân hàng không giới hạn phạm vi hành chính |
|  |  |  | Điểm b, c khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP, quy định: Trường hợp người phải thi hành án có nhiều tài sản ở nhiều nơi thì cơ quan THADS thực hiện ủy thác đến nơi có tài sản đủ để thi hành án, nơi có tổng giá trị tài sản lớn nhất. Quy định này trên thực tế sẽ áp dụng gặp nhiều khó khăn vì trước khi ủy thác cơ quan THADS không có đủ cơ sở pháp lý để xác định đâu là tài sản có giá trị lớn nhất. Mặt khác, Nghị định chỉ quy định về việc ủy quyền xác minh thông tin về tài sản của người phải thi hành án nên nếu cơ quan THADS nơi có tài sản ký hợp đồng thẩm định giá để xác định giá trị tài sản thì chi phí này do ai chịu và khi thực hiện kê biên thì có phải tiến hành thẩm định giá lại không nếu chứng thư thẩm định giá hết thời hạn hoặc giá trị tài sản có thay đổi. Bên cạnh đó, đối với tài sản ở nhiều nơi thì việc ủy thác không được tiến hành ủy thác cho nhiều nơi, dẫn đến việc thi hành án kéo dài.  Luật THADS cũng chưa quy định rõ hậu quả pháp lý của việc ủy thác và việc đảm bảo quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình thực hiện ủy thác | Quy định bổ sung |  | UBND tỉnh Bắc Giang |
|  |  |  | Khoản 2 quy định: *“Cơ quan THADS xử lý tài sản trên địa bàn, đồng thời có thể ủy thác xử lý tài sản cho cơ quan THADS nơi có tài sản được bản án, quyết định tuyên kê biên, phong tỏa hoặc xử lý tài sản để bảo đảm thi hành án mà tài sản ở nhiều địa phương khác nhau”.*Như vậy, theo quy định nêu trên ủy thác xử lý tài sản không phải là thủ tục “bắt buộc” mà chỉ là “có thể”, tùy thuộc vào quyết định chủ quan của cơ quan THADS, dẫn đến tình trạng, trong thực tế, việc ủy thác THA giữa các cơ quan THADS thực hiện theo phương án là cơ quan THADS đầu tiên xử lý xong tài sản tại địa bàn của mình sau đó mới ủy thác cho cơ quan THADS thứ 2 và cơ quan THADS thứ 2 xử lý xong tài sản thì mới ủy thác cho cơ quan THADS thứ 3… theo đó, việc xử lý TSBĐ bị kéo dài, phát sinh lãi vay, gây khó khăn cho quá trình xử lý nợ. | Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan THADS trong việc thực hiện ủy thác THA đối với các trường hợp phải xử lý tài sản của người phải THA ở nhiều địa phương khác nhau và cơ chế thực hiện nội dung này |  | Ngân hàng nhà nước Việt Nam |
|  |  | **Điều 56. Thẩm quyền ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản**  Điểm a khoản 1 | Chỉ quy định “quyết định của Trọng tài thương mại” cho Cục THADS mà không có quy định ủy thác “phán quyết của Trọng tài thương mại”. Trong khi đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 35 thì phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại đều thuộc thẩm quyền thi hành của Cục THADS | Bổ sung quy định về ủy thác đối với phán quyết của Trọng tài thương mại |  |  |
|  |  |  | Thực tế việc thông báo kết quả xử lý tài sản chưa kịp thời do việc phối hợp giữa cơ quan ủy thác và cơ quan nhận ủy thác chưa có sự phối hợp | Cần quy định rõ việc phối hợp giữa cơ quan ủy thác, cơ quan nhận ủy thác; CHV được giao thi hành phải thông báo kết quả xử lý tài sản (kể cả quy định bằng điện thoại cho số trong quyết định ủy thác) nhằm đảm bảo thông báo kịp thời kết quả xử lý tài sản của các bên và có thể ủy thác 01 vụ việc đến nhiều nơi có tài sản để xử lý |  | UBND tỉnh Bắc Giang |
|  |  | **Điều 58. Bảo quản tài sản thi hành án** | Khoản 3 quy định: Thù lao và chi phí bảo quả tài sản do người phải thi hành án chịu. Tuy nhiên, trường hợp người đề nghị xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm không phải là người phải THA mà họ vẫn phải chịu phí bảo quản tài sản trong trường hợp này không phù hợp. |  |  |  |
|  |  | **Điều 59. Việc thi hành án khi có thay đổi giá tài sản tại thời điểm thi hành án** | Việc quy định người có đơn yêu cầu định giá tài sản cung cấp tài liệu chứng minh có thay đổi giá tài sản có thể là khung giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định được áp dụng tại địa phương hoặc giá thị trường phổ biến của tài sản giống hệt hoặc tương tự với tài sản cần định giá tại địa hoặc giá chuyển nhượng thực tế ở địa phương của tài sản cùng loại là không phù hợp, dễ phát sinh tiêu cực trong hoạt động đấu giá tài sản thi hành án trên thực tế khi Chấp hành viên “bắt tay” với một trong các bên đương sự và tổ chức thẩm định giá để giảm giá tài sản, đảm bảo trên 20 phần trăm, sau đó, thông đồng với tổ chức đấu giá tài sản, người mua tài sản đấu giá để mua tài sản với giá thấp, hưởng phần chênh lệch từ việc giảm giá tài sản. Do vậy, việc quy định người có đơn yêu cầu định giá tài sản chỉ cần cung cấp một trong các loại tài liệu nêu trên để chứng minh có thay đổi giá tài sản là không phù hợp. | Cần hướng dẫn, quy định cụ thể trường hợp nào thì áp dụng quy định về định giá lại tài sản; đồng thời quy định người yêu cầu định giá lại phải cung cấp tài liệu chứng minh có thay đổi giá tài sản gồm tất cả các tài liệu là khung giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định được áp dụng tại địa phương, giá thị trường phổ biến của tài sản giống hệt hoặc tương tự với tài sản cần định giá tại địa phương và chấp hành viên, tổ chức thẩm định giá phải dựa trên tất cả các tài liệu đó để làm căn cứ xác định có sự thay đổi giá tài sản |  | UBND thành phố Đà Nẵng |
|  |  | **Điều 61. Điều kiện miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước** | Điểm a khoản 1 quy định điều kiẹn: *“Không có tài sản hoặc có tài sản nhưng tài sản đó theo quy định của pháp luật không được xử lý để thi hành án hoặc không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người phải thi hành án và người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng”*, quy định này chưa nêu hết những điều kiện để xét miễn, giảm như: Người phải thi hành án sống lang thang, không có nơi cư trú cố định, không có người thân thích…thì được xử lý thế nào. | Quy định phù hợp |  | UBND tỉnh Cà Mau |
|  |  |  | - Người phải thi hành án được xét miễn giảm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 *“Người phải thi hành án đã thi hành xong một phần khoản thu nộp ngân sách nhà nước”* mới được xét miễn, giảm là bất cập, bởi khi đã không nộp được mới thực hiện thủ tục miễn, giảm.  - Thực tiễn có trường hợp người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù, không rõ địa chỉ, không có tài sản, thuộc trường hợp chưa có điều kiện 10 năm nhưng cơ quan THADS vẫn phải theo dõi, xác minh, tác nghiệp trong nhiều năm mà không có căn cứ để xử lý vì không đủ điều kiện xét miễn giảm thi hành án.  - Hoặc trường hợp người phải thi hành án lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt thì họ không có khả năng thi hành ngay từ đầu nên điều kiện xét miễn không khả thi. | Sửa đổi quy định cho phù hợp, theo hướng:  - Quy định thời hạn xét miễn giảm một lần đối với đối tượng không có khả năng.  - Sửa khoản 4: “Người phải thi hành án lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục thi hành được phần nghĩa vụ còn lại hoặc lập công lớn thì được xét miễn thi hành phần nghĩa vụ còn lại”. |  | UBND thành phố Đà Nẵng, VKSNDTC,  Kiến nghị của cử tri tỉnh Bạc Liêu gửi tới trước kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV, Vụ Nghiệp vụ 2 |
|  |  |  | Tại điểm a khoản 3 quy định về điều kiện miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước: “*Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án mà phần nghĩa vụ còn lại có giá trị từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, mỗi lần giảm không quá một phần tư số tiền còn lại phải  thi hành án*” . Như vậy, trong trường hợp đủ về thời hạn nhưng số tiền còn lại trên 5.000.000 đồng và dưới 10.000.000 đồng thì không được điều chỉnh trong điều luật mà phải chờ đến 10 năm sau mới được giảm theo điểm b khoản 2 Điều 61 là không khả thi. | Sửa theo hướng đáp ứng về thời hạn từ “hết thời hạn 5 năm...” là được thực hiện thủ tục miến, giảm. Cân nhắc sửa “a) Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án mà nghĩa vụ còn lại có giá trị từ 05 triệu đồng đến dưới 10 triệu đồng; |  | Vụ Nghiệp vụ 2; UBND tỉnh Sơn La, Yên Bái, VKSNDTC, Tiền Giang |
|  |  | **Điều 62. Hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước** | Khoản 3 quy định *“Biên bản xác minh điều kiện thi* *hành án của người phải thi hành án được thực hiện không quá 03 tháng trước* *khi đề nghị xét miễn, giảm”*.  Khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 12/2015/TTLT-BTP-BTCTANDTC-VKSNDTC ngày 15/9/2015 quy đinh:*“Trong thời hạn 05 ngày làm* *việc, kể từ ngày có kết quả xác minh, nếu người phải thi hành án đủ điều kiện* *xét miễn, giảm thi hành án, Chấp hành viên lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thi* *hành án, báo cáo thủ trưởng cơ quan THADS để chuyển viện kiểm* *sát cùng cấp thực hiện kiểm sát theo quy định pháp luật...”*. Các quy định trên còn chưa thống nhất trong thời hạn sử dụng kết quả xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án. | Đề nghị sửa đổi theo hướng: *“Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày có kết quả xác minh, nếu* *người phải thi hành án đủ điều kiện xét miễn, giảm thi hành án, Chấp hành viên* *lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thi hành án, báo cáo thủ trưởng cơ quan* *THADS để chuyển Viện kiểm sát cùng cấp thực hiện kiểm sát theo quy định pháp* *luật...”*. |  | UBND tỉnh Lạng Sơn |
| **BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM VÀ CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN** | | | | | | |
|  |  | **Điều 66. Biện pháp bảo đảm thi hành án** | -Khoản 1 quy định Chấp hành viên có quyền tự mình hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của đương sự áp dụng ngay biện pháp bảo đảm thi hành án.  + Tại Điều 7 và 7a chỉ quy định người được thi hành án có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế. Trong khi đương sự bao gồm người được THA và người phải THA.  + Chưa có hướng dẫn cụ thể thế nào là “áp dụng ngay” nên việc áp dụng trên thực tế phụ thuộc vào cách hiểu của Chấp hành viên.  + Việc áp dụng biện pháp bảo đảm nhằm ngăn chặn đương sự tẩu tán tài sả và phải thực hiện ngay. Tuy nhiên, một số tài sản như quyền sử dụng đất, động sản thì CHV xác minh mất thời gian, nếu không chính xác dễ bị khiếu nại, bồi thường. Còn nếu muốn chính xác phải xác minh rồi mới áp dụng biện pháp thì không đạt mục đích áp dụng biện pháp bảo đảm. Do đó, quy định Chấp hành viên phải tự mình áp dụng biện pháp bảo đảm nhằm ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự là chưa phù hợp. | Đề nghị sửa đổi cho phù hợp; |  | VKSNDTC;  Thông tin của Cục QLXLVPHC&TDTHPL cung cấp |
|  |  |  | - Khoản 2: Chưa có quy định “người yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm phải nộp tiền đảm bảo tại Ngân hàng” | Sửa đổi, bổ sung quy định “người yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm phải nộp tiền đảm bảo tại Ngân hàng” vào khoản 2,Điều 66 vì đây là một trong những cơ sở để Chấp hành viên cơ quan THADS áp dụng biện pháp bảo đảm. |  | Kiến nghị của cử tri tỉnh Trà Vinh gửi tới trước kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV |
|  |  |  | Khoản 3: Trên thực tế đương sự không có tài sản nhưng có quyền tài sản. | Bổ sung điểm c khoản 3 các biện pháp bảo đảm: *“Tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản, các quyền về tài sản”* |  | UBND tỉnh Cà Mau |
|  |  | **Điều 67. Phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ** | Khoản 2: Việc áp dụng biện pháp “phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ hiện gặp một số vướng mắc như:  - Thời hạn Chấp hành viên ban hành quyết định phong tỏa tài khoản là 24 giờ kể từ khi lập biên bản yêu cầu phong tỏa tài khoản là quá ngắn, không đảm bảo;  - Chấp hành viên không thể áp dụng biện pháp cưỡng chế trong trường hợp tài khoản của người phải thi hành án rất ít, không đáng kể và cũng không có căn cứ chấm dứt việc phong tỏa theo quy định tại Điều 77 Luật THADS. | Đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng:  - có cơ chế thông tin đa chiều giữa cơ quan THADS với các ngân hàng, tổ chức tín dụng trong việc cung cấp thông tin nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án và thông tin biến động số dư tài khoản của người phải thi hành án;  - Sửa đổi, bổ sung theo hướng, Chấp hành viên chỉ áp dụng biện pháp cưỡng chế khi xác định tài khoản của người phải thi hành án có số dư đáp ứng yêu cầu của các biện pháp cưỡng chế THA  -Đề nghị cho Chấp hành viên tiếp tục duy trì biện pháp bảo đảm phong tỏa tài khoản cho đến khi người phải thi hành án thi hành xong trong trường hợp xác định đó là tài khoản của người phải thi hành án |  | UBND tỉnh Đồng Tháp |
|  |  |  | Khoản 2: Thực tiễn tổ chức thi hành án cho thấy người phải thi hành án có tiền trong tài khoản tại Ngân hàng ở tỉnh khác nên không thực hiện được biện pháp tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ kịp thời. | Sửa đổi, bổ sung quy định Chấp hành viên **phải giao quyết định phong tỏa** cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý tài khoản, tài sản của người phải thi hành án thành Chấp hành viên **thông báo ngay quyết định phong tỏa** (giao trực tiếp hoặc gửi bưu điện) ... để áp dụng linh hoạt trong thực tế.  + Bổ sung quy định Ngân hàng, tổ chức tín dụng tại nơi xác minh phải thực hiện ngay yêu cầu phong tỏa của Chấp hành viên đối với số tiền trong tài khoản hoặc tiền tiết kiệm trong hệ thống ngân hàng mà người phải thi hành án mở tài khoản, gửi tiết kiệm mà không phân biệt cấp chi nhánh, phòng giao dịch hoặc địa bàn các tỉnh khác.  Với việc giao dịch điện tử (banking) như hiện nay, chỉ trong vài phút và toàn bộ số tiền trong tài khoản đã bị chuyển đi hết sạch, do vậy, đề nghị quy định về phong tỏa tài khoản theo hướng:  Chấp hành viên được quyền phong tỏa ngay đầu ra (việc rút tiền hoặc chuyển khoản đi) tài khoản của người phải thi hành án (tương ứng với nghĩa vụ phải thi hành) mà không cần phải thực hiện theo quy trình xác minh-lập biên bản-ra quyết định phong tỏa; đồng thời bỏ quy định tại Khoản 3 Điều 67 Luật THADS |  | UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
|  |  |  | Khi người phải thi hành án thi hành nghĩa vụ về tiền, Chấp hành viên có quyền trừ tài khoản luôn để thi hành ngay khi chưa hết thời gian tự nguyện mà không cần thiết áp dụng biện pháp phong tỏa rồi mới áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ, trong khi thời gian giữa 2 biện pháp là 05 ngày và người phải thi hành án không có quyền thay thế nghĩa vụ trả tiền bằng nghĩa vụ khác trong thời gian áp dụng biện pháp phong tỏa. Do đó, biện pháp phong tỏa tiền trong tài khoản chỉ có tác dụng hơn khi cho phép áp dụng trong trường hợp “đón lỏng” khoản tiền phải thi hành án trong tài khoản của người phải thi hành án |  |  | UBND thành phố Đà Nẵng |
|  |  |  | Việc cấm xuất cảnh không phải là một biện pháp bảo đảm theo quy định Điều 66 Luật THADS, như vậy quyết định cấm xuất cảnh của Chấp hành viên là biện pháp gì. Cần bổ sung quy định này là một biện pháp bảo đảm nhằm thể hiện rõ căn cứ pháp lý tạo thuận lợi khi thực hiện. | Quy định bổ sung |  | UBND tỉnh Cà Mau |
|  |  |  | Khoản 3 quy định: *“3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ, Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc ra quyết định chấm dứt việc phong tỏa theo quy định của Luật này”.* Tuy nhiên, nhiều trường hợp quá thời hạn 10 ngày, CHV không cung cấp cho TCTD các quyết định liên quan (không có Quyết định cưỡng chế hoặc Chấm dứt việc phong tỏa). Việc này đã ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của chủ tài khoản trong trường hợp không thể thực hiện giao dịch bởi quyết định phong tỏa của cơ quan THADS, nhất là các chủ tài khoản là tổ chức, doanh nghiệp | Đề nghị bổ sung theo hướng sau thời hạn phong tỏa theo quy định mà TCTD không nhận được văn bản/quyết định xử lý tiếp theo đối với Quyết định phong tỏa tài khoản của cơ quan THADS thì tài khoản bị phong tỏa đương nhiên được chấm dứt phong tỏa |  | Ngân hàng Nhà nước |
|  |  | **Điều 68. Tạm giữ tài sản, giấy tờ của đương sự** | - Khoản 1: chỉ quy định *cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ, thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên trong việc tạm giữ tài sản, giấy tờ.* Tuy nhiên, TTLT số03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30/3/2012 phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Bộ Công an chỉ quy định về phối hợp bảo vệ cưỡng chế, không có quy định trong phối hợp tạm giữ tài sản, giấy tờ, đặc biệt trong việc tạm giữ phương tiện giao thông,...gây khó khăn trong thực tiễn. Mặt khác, chưa có chế tài đủ mạnh trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan không phối hợp, hỗ trợ, thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên trong việc tạm giữ tài sản, giấy tờ. | Cần quy định cụ thể về trách nhiệm phối hợp bảo vệ của Công an trong việc tạm giữ tài sản, giấy tờ. |  |  |
|  |  |  | - Khoản 4: chưa quy định rõ khoảng thời gian để đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản, giấy tờ. | Bổ sung quy định về thời hạn thực hiện quyền khởi kiện của đương sự trong trường hợp này. |  |  |
|  |  | **Điều 69. Tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản** | - Khoản 3: Chấp hành viên thông báo cho đương sự, cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan về quyền khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản. Tuy nhiên, không quy định về thời hạn khởi kiện. | Quy định viện dẫn đến Điều 74 |  |  |
|  |  |  | - Khoản 4: Pháp luật không quy định thời gian xác minh tài sản nên Chấp hành viên chậm xác minh xác định chủ sở hữu tài sản để ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, dẫn đến việc thi hành án bị kéo dài và hiệu quả thi hành án chưa cao.  - Việc quy định thời hạn 10 ngày gây khó khăn cho CHv thực hiện vì việc áp dụng biện pháp bảo đảm chỉ nhằm mục đích ngăn chặn. Nếu thực hiện quy định này dễ vi phạm thời hạn | - Cần quy định bổ sung về thời gian xác minh.  - |  | UBND tỉnh Sóc Trăng |
|  |  |  | - Khoản 4: Theo quy định chỉ có duy nhất một trường hợp ra quyết định chấm dứt việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản khi tài sản không phải của người thi hành án. Tuy nhiên, thực tế còn có trường hợp đương sự thực hiện xong nghĩa vụ, đình chỉ thi hành án, đương sự thỏa thuận giải tỏa… thì CHV cũng phải kết thúc việc tạm dừng. Nếu theo quy định trên thì không ra quyết định chấm dứt tạm dừng (vì tài sản của là của người phải thi hành án), vì vậy có quy định CHV ra QĐ thu hồi quyết định tạm dừng, nhưng cũng chưa thực sự thỏa mãn căn cứ thu hồi theo khoản 1 Điều 37 của Luật THADS. | Đề nghị sửa đổi cho phù hợp theo hướng CHV ra Quyết định chấm dứt việc tạm dừng trong trường hợp thi hành xong nghĩa vụ, đình chỉ thi hành án, đương sự thỏa thuận giải tỏa... |  | UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
|  |  |  | Trong giai đoạn hiện nay, người phải thi hành án là doanh nghiệp chiếm phần lớn nghĩa vụ phải thi hành án. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 65 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 thì biện pháp tạm dừng đăng ký chuyển quyền sở hữu, sử dụng chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có hiệu quả cao nhưng Luật THADS chưa quy định cụ thể | Quy định biện pháp tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp là một biện pháp bảo đảm thi hành án |  | UBND tỉnh Đồng Nai, Đồng Tháp, Bình Dương |
|  |  | **Điều 71. Biện pháp cưỡng chế thi hành án** | Chưa xác định đúng bản chất của biện pháp cưỡng chế thi hành án là biện pháp tác động trực tiếp đến quyền con người (quyền tài sản, quyền nhân thân) của người phải thi hành án để xác định đúng các biện pháp cưỡng chế; cơ chế kiểm soát đối với việc áp dụng biện pháp này để bảo đảm quyền con người. | Xác định đúng bản chất biện pháp cưỡng chế kê biên theo quy định hiện hành chuyển thành biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo tương thích, đồng bộ với Bộ luật Tố tụng dân sự.  Xác định rõ các khâu, xác định lại biện pháp cưỡng chế là biện pháp phải sử dụng đến quyền lực nhà nước để tác động đến quyền cơ bản của con người (quyền tài sản, quyền nhân thân) phải có ý kiến của Thủ trưởng cơ quan THADS và Viện kiểm sát nhân dân (Quyết định đưa tài sản ra bán đấu giá; tổ chức cưỡng chế giao tài sản). |  |  |
|  |  |  | Chưa có quy định về thời hạn Chấp hành viên phải ban hành Quyết định cưỡng chế đối với những tài sả không bị áp dụng biện pháp bảo đảm. | Bổ sung quy định | Chưa quy định | Thời hạn ra quyết định cưỡng chế thi hành án kể từ khi có căn cứ |
|  |  |  | Chưa có quy định thời gian tối đa cơ quan THADS bắt buộc phải tổ chức cưỡng chế thi hành án (sau khi đã ban hành quyết định cưỡng chế); trách nhiệm của các cơ quan trong việc đảm bảo thời hạn tổ chức cưỡng chế; những trường hợp được gia hạn thời gian tổ chức cưỡng chế (như chưa có sự thống nhất của các cơ quan, tổ chức hữu quan, chưa xây dựng được kế hoạch bảo về cưỡng chế,…) dẫn đến thời gian tổ chức cưỡng chế thi hành án kéo rất dài, không có “điểm dừng”. | Bổ sung quy định | Chưa quy định | Giới hạn thời hạn tối đa cơ quan THADS bắt buộc phải tổ chức cưỡng chế thi hành án |
|  |  |  | Khoản 3 Quy định biện pháp cưỡng chế: “*Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ*”.  + Quá trình tổ chức thi hành án liên quan đến tổ chức tín dụng, ngân hàng, nhiều trường hợp người thứ ba cầm cố, thế chấp bằng tài sản của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho người phải thi hành án. Trên thực tế, cơ quan THADS vẫn áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người thứ ba, nhưng Luật THADS chưa xác định vai trò của họ dẫn đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ chưa được đảm bảo như: Thực hiện quyền được thông báo thi hành án; tham gia vào việc kê biên tài sản, thỏa thuận giá tài sản sau khi kê biên, thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá, thỏa thuận tổ chức bán đấu giá và mức giảm giá; quyền nộp tiền để chuộc lại tài sản. .  + Chưa quy định rõ về việc thu tiền hoặc kê biên tài trong trường hợp người phải THA có tiền gửi ở bộ phận lưu ký của trại giam hoặc người phải THA được nhận khoản tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng, được nhận một khoản tiền quy định từ Ngân sách Nhà nước. Bởi lẽ, cơ quan kiểm soát chi (kho bạc Nhà nước) các nguồn từ Ngân sách Nhà nước cho rằng mặc dù đã có quyết định chi cho Công dân, tổ chức (người phải thi hành án) nhưng khoản tiền vẫn nằm trong ngân sách nên phải tuân theo quy định của Luật ngân sách. Như vậy, không thể cho rằng ngân sách nhà nước là người thứ 3 đang giữ tiền của người phải thi hành án nên không thực hiện việc khấu trừ theo yêu cầu của cơ quan THADS. | Đề nghị sửa đổi, bổ sung trường hợp “kê biên, xử lý tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”. |  | UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Ninh Thuận, Điện Biên, Lai Châu, Hà Giang, Hải Dương, Bắc Giang |
|  |  |  | - Khoản 5: Quy định về các biện pháp cưỡng chế buộc chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ.  + Đây là biện pháp không được thực hiện khả thi. Bởi lẽ, người phải thi hành án không giao hoặc hủy hoại giấy tờ, người có thẩm quyền thi hành án không nhận được giấy tờ để trả lại cho người được thi hành án đối với giấy tờ có đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản do chế tài không đủ mạnh.  + có trường hợp bản án tuyên “buộc phải chuyển trả lại một số cổ phần cho ngân hàng”. Như vậy, biện pháp cưỡng chế không đồng nhất với nội dung tuyên của bản án. Theo đó, việc chuyển trả lại cổ phần là việc chuyển quyền quản lý (nắm giữ, cầm giữ) hay quyền sở hữu tài sản, dẫn đến việc xử lý tài sản còn lúng túng, ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian thu hồi nợ của các TCTD. | -Cần thay thế quy định này bằng quy định khác có tính khả thi hơn  -Bổ sung quy định xác định rõ các cơ sở, phạm vi, căn cứ để xác định biện pháp cưỡng chế THA áp dụng phù hợp để giải quyết vụ việc. |  | Ngân hàng NNVN |
|  |  |  | Luật THADS quy định hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế (Điều 46) nhưng không quy định thời hạn Chấp hành viên phải tiến hành kê biên tài sản kể từ khi ban hành lệnh kê biên tài sản; do đó có nhiều vụ án kéo dài nhiều năm chưa xử lý xong. | Bổ sung quy định |  | Kiến nghị của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai - Quốc hội khóa XV |
| 1. \ |  | **Điều 72. Kế hoạch cưỡng chế thi hành án** | Chưa có quy định về thẩm quyền phê duyệt kế hoạch cưỡng chế | Cần bổ sung quy định về Kế hoạch cưỡng chế THA theo hướng xác định rõ: Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch cưỡng chế, thời gian các cơ quan chức năng/ hữu quan phải thống nhất/phê duyệt |  | Ngân hàng NNVN |
|  |  | **Điều 73. Chi phí cưỡng chế thi hành án** | - Khoản 3 quy định chi phí xác minh do Ngân sách Nhà nước chi trả. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, khi xác minh thông tin tài sản là quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai, đối với Thẩm phán, Kiểm sát viên sẽ được cung cấp thông tin không phải nộp phí. Riêng đối với Cơ quan THADS, Chấp hành viên phải chịu phí, cụ thể: đối với văn bản cung cấp thông tin là: 200.000 đồng, bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 200.000 đồng và phí cung cấp thông tin giao dịch là: 30.000 đồng.  Bên cạnh đó, khi Chấp hành viên khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định, phân chia tài sản chung của người phải thi hành án với người khác thì phát sinh các chi phí tố tụng (chi phí thẩm định tài sản...) | Quy định thống nhất đối với nội dung này. |  | UBND tỉnh Bắc Giang |
|  |  | Khoản 3 | Khoản 3: Hiện nay, một số nhiệm vụ cơ quan THADS đang được xây dựng theo hướng bao cấp không phù hợp dẫn đến Nhà nước phải chi trả toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc xác minh[[6]](#footnote-6); chi phí theo dõi tổ chức đến cùng đối vs vụ việc đương sự không còn tài sản hay không có điều kiện thi hành án...là chưa phù hợp, vì đây là việc làm để đảm bảo quyền lợi cho cá nhân nên cá nhân phải chịu trách nhiệm. | Xác định lại các trường hợp ngân sách nhà nước phải chi trả: không chi trả cho việc bán đấu giá tài sản đến khi giá trị bằng hoặc thấp hơn chi phí cưỡng chế tại Điều 104 Luật THADS; Đối với trường hợp thi hành án các khoản thu có ngân sách Nhà nước thì ngân sách nhà nước chi trả để xác minh điều kiện thi hành án, theo dõi và tổ chức thi hành án  Đối với THADS theo đơn yêu cầu, cho phí xác minh thuộc trách nhiệm của đương sự |  | UBND tỉnh Quảng Ninh, thành phố Cần Thơ, Ninh Bình, Huế |
|  |  | Khoản 4 | -Khoản 4 quy định: “Chấp hành viên dự trù chi phí cưỡng chế và thông báo cho người phải thi hành án biết ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày cưỡng chế đã được ấn định, trừ trường hợp cần thiết phải cưỡng chế ngay. Chi phí cưỡng chế thi hành án được tạm ứng từ ngân sách nhà nước.”  Tuy nhiên, thực tế người được thi hành án thường phải tạm ứng trước các chi phí này để thúc đẩy và hỗ trợ công tác cưỡng chế THA. | Đề nghị rà soát quy định về thủ tục tạm ứng chi phí cưỡng chế THA từ ngân sách nhà nước để Cơ quan THADS có thể thuận tiện và chủ động tạm ứng trước phục vụ công việc theo đúng kế hoạch cưỡng chế đã được phê duyệt. |  | Ngân hàng NNVN |
|  |  |  | Tại Điều 21 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi phí quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, bao gồm thù lao quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và chi phí khác.  Như vậy, Nghị định số 22/2015/NĐ-CP chỉ quy định chi phí thực hiện phá sản trong trường hợp quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện, còn trong trường hợp chấp hành viên thực hiện cưỡng chế để thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 120 Luật Phá sản và thực hiện việc thanh lý tài sản theo quy định khoản 4 Điều 121 Luật Phá sản thì chưa quy định rõ việc chi trả những chi phí trên.  -Mặt khác, theo quy định tại Điều 73 Luật THADS đã quy định rõ trường hợp nào người phải thi hành án chịu, trường hợp nào người được thi hành án chịu và trường hợp nào thì ngân sách chịu. Tuy nhiên, đối với trường hợp thi hành quyết định tuyên bố phá sản thì không có người phải thi hành án. Do đó, các chi phí khi chấp hành viên thực hiện các công việc trên có hay không được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. | Quy định bổ sung chi phí thực hiện phá sản. | Chưa quy định | UBND tỉnh Sơn La |
|  |  | **Điều 74. Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án**  Khoản 1 | - Khoản 1 quy định hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung.  Theo khoản 2 Điều 68 Bộ luật TTDS quy định: nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện, người được cá nhân, cơ quan, tổ chức khác do Bộ luật này quy định khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách.  Do đó, quy định như vậy không phù hợp, chưa tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ chứng minh và tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; tăng trách nhiệm cho Chấp hành viên | Cần quy định chỉ đương sự phải khởi kiện ra Tòa án để bảo vệ quyền lợi. Nếu không khởi kiện thì có hướng xử lý cho phù hợp chấm dứt việc tổ chức thi hành án  - Sửa đổi bổ sung theo hướng Tòa là chủ thể duy nhất có quyền phân chia tài sản chung trong giai đoạn THADS. |  | UBND tỉnh Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ, Cà Mau; UBND tỉnh Bắc Giang, Bộ Công an UBND tỉnh Kiên Giang, Huế, Lâm Đồng |
|  |  |  | Quy định giữa khoản 1 Điều 74 Luật THADS và điểm c, khoản 2, Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP chưa thống nhất | Kiến nghị quy định thống nhất giữa khoản 1, Điều 74 Luật THADS và điểm c, khoản 2, Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật THADS để Chấp hành viên tổ chức thực hiện. |  | Kiến nghị của cử tri tỉnh Trà Vinh gửi tới trước kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV, UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu |
|  |  | Khoản 2 | -Khoản 2 quy định xử lý tài sản kê biên thuộc sở hữu chung đã xác định được phần sở hữu.  Tuy nhiên, thực tế có trường hợp Chấp hành viên đã kê biên, đang bán đấu giá tài sản chung của vợ chồng nhưng vợ hoặc chồng người phải thi hành án lại khởi kiện, yêu cầu phần chia tài sản chung và Tòa án thụ lý đơn khởi kiện nên việc thi hành án phải dừng lại, chờ kết quả giải quyết của Tòa án. | Quy định rõ hết thời 30 ngày, kể từ ngày được thông báo mà người có tài sản chung (vợ, chồng hoặc các thành viên hộ gia đình) không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung nếu không đồng ý với việc phân chia của Chấp hành viên thì không được quyền khởi kiện ra Tòa án tránh kéo dài thời gian tổ chức thi hành án. Việc CHV thực hiện khởi kiện ra Tòa án là rất khó khăn, thậm chí không thể thực hiện được |  | UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
|  |  | Khoản 3 | - Khoản 3 quy định thời hạn ưu tiên mua tài sản chung là 03 tháng đối với bất động sản và 01 tháng đối với động sản.  Tuy nhiên, việc giữ nguyên thời hạn nêu trên và còn quy định thêm đối với những lần bán tài sản tiếp theo thì thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ là chưa hợp lý. Bởi lẽ, theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đấu giá tài sản năm 2016 thì tối thiểu phải có 30 - 45 ngày cho một phiên bán đấu giá. Do đó, quy định về thời hạn ưu tiên mua tài sản chung là quá dài, làm mất nhiều thời gian và thủ tục cho quá trình tổ chức thi hành án. | Việc xác định thời hạn ưu tiên nói trên khá dài, cần được tính toán xác định lại sao cho vừa bảo đảm quyền lợi của chủ sở hữu chung mà không kéo dài thời gian tổ chức thi hành án một cách không cần thiết. |  | Thông tin do Cục QLXLVPHC cung cấp |
|  |  |  | Việc sử dụng thuật ngữ *“kể từ ngày nhận được thông báo”* đã gây ra sự khó khăn, không xác định được thời điểm nhận được thông báo trong trường hợp niêm yết công khai, thông báo trên phương tiện đại chúng; đương sự có thể lợi dụng quy định này khiếu nại, tố cáo, gây khó khăn cho cơ quan THADS. | Đề nghị sửa đổi cụm từ “*ngày nhận được thông báo*” thành “ngày *thông báo hợp lệ”*. | Đề nghị sửa đổi tại khoản 1 Điểu 74, điểm b khoản 1 Điều 99, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 104 | UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu |
|  |  |  | Chưa có quy định cụ thể hướng dẫn người được THA sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự cụ thể là (i) thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, hay (ii) khởi kiện vụ án dân sự? Trường hợp khởi kiện vụ án dân sự thì việc xác định tư cách các bên tham gia (nguyên đơn, bị đơn) như thế nào | Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn người được THA cách thức xử lý trong trường hợp này. |  | Ngân hàng NNVN |
|  |  | **Điều 75. Giải quyết tranh chấp, yêu cầu hủy giấy tờ, giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án** | - Khoản 1 quy định: Trường hợp tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế để thi hành án mà có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp được quyền khởi kiện tại Tòa án.  - Thực tế, nhiều trường hợp Chấp hành viên đã nhiều lần hướng dẫn các đương sự khởi kiện tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi; tuy nhiên, các đương sự không khởi kiện. Nhưng sau khi tài sản được bán đấu giá thành, người mua đã nộp đủ tiền mới có đối tượng khởi kiện. Hoặc các đương sự lợi dụng khởi kiện nhiều lần để kéo dài việc thi hành án. | Quy định rõ “giai đoạn” được gọi là cưỡng chế tính đến thời điểm nào để hạn chế việc đương sự lợi dụng kéo dài quá trình tổ chức thi hành án. |  |  |
|  |  |  | Theo nội dung bản án tuyên, TSBĐ được cơ quan THADS kê biên, phát mãi. Tuy nhiên, chủ tài sản không hợp tác, tạo tranh chấp giả (thường là chủ tài sản và bên thứ ba có hợp đồng mua bán viết tay đối với tài sản thế chấp và bên thứ ba này đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án đòi tài sản thế chấp) dẫn đến việc cơ quan THADS phải ra quyết định hoãn THA, theo đó, việc THA của TCTD bị kéo dài thêm vài năm do phải chờ kết quả giải quyết vụ án tranh chấp quyền sở hữu, sử dụng tài sản thế chấp của bên thứ ba. | Đề nghị quy định theo hướng trong trường hợp TSBĐ đã được bản án có hiệu lực tuyên phát mãi thu hồi nợ và đang trong giai đoạn THA thì cơ quan THADS vẫn tiếp tục tiến hành thủ tục xử lý TSBĐ và thu nợ cho TCTD trên cơ sở áp dụng quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán theo pháp luật chung về giao dịch bảo đảm và nếu sau khi thanh toán cho TCTD còn dư khoản tiền nào thì cơ quan THADS sẽ giữ lại cho đến khi có kết quả giải quyết vụ án của bên thứ ba thì cơ quan THADS sẽ chuyển cho bên được thi hành án theo quy định hoặc trường hợp bên thứ ba rút đơn kiện thì cơ quan THADS chuyển trả số tiền này cùng lãi phát sinh (nếu có) cho bên bảo đảm. |  | Ngân hàng NNVN |
|  |  |  | Hiện nay, quy định giữa Luật “*bị cưỡng chế”,* Nghị định 62&33 quy định “*Khi kê biên tài sản”* đã có sự không thống nhất.. | Đề nghị cần có sự thu hút sửa, đổi, bổ sung cho phù hợp | Kỹ thuật | UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
|  |  |  | Khoản 2: Quy định Chấp hành viên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án chưa phù hợp vì đây là quyền lợi, nghĩa vụ của các bên đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì họ có quyền thực hiện các yêu cầu trên tại Tòa án có thẩm quyền. | Cần quy định chỉ đương sự phải khởi kiện ra Tòa án để bảo vệ quyền lợi. Nếu không khởi kiện thì có hướng xử lý cho phù hợp chấm dứt việc tổ chức thi hành án |  |  |
|  |  | **Điều 76. Khấu trừ tiền trong tài khoản** | Điều 76 và Điều 78 chưa quy định chế tài buộc tổ chức Tín dụng, Ngân hàng phải thực hiện khấu trừ tiền trong tài khoản, khấu trừ thu nhập của người phải THA. | Cần quy định cụ thể về chế tài đối với các tổ chức Tín dụng, Ngân hàng khi không thực hiện quyết định phong tỏa và thực hiện việc khấu trừ theo yêu cầu của CHV nhằm bảo đảm cơ chế đủ mạnh thực hiện quy định này. |  | VKSNDTC |
|  |  | **Điều 77. Chấm dứt phong tỏa tài khoản** | Khoản 1 không có căn cứ để ban hành quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản trong trường hợp *đương sự thỏa thuận chấm dứt việc phong tỏa tài khoản*. | Đề nghị bổ sung |  |  |
|  |  |  | - Hiện nay quy định các trường hợp chấm dứt phong tỏa tài khoản, không quy định việc chấm dứt phong tỏa tài khoản do thỏa thuận của đương sự. Tuy nhiên, trên thực tế rất nhiều trường hợp chưa thi hành án xong nhưng các bên đương sự thỏa thuận về việc chấm dứt phong tỏa tài khoản. | Quy định cụ thể |  | UBND tỉnh Cà Mau |
|  |  | **Điều 78. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án** | - Khoản 2 quy định các trường hợp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án, trong đó có trường hợp *“*thi hành án cấp dưỡng, thi hành án theo định kỳ*, khoản tiền phải thi hành án không lớn....”* dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau. | Cần quy định cụ thể hạn mức để xác định khoản tiền như thế nào là lớn.  Có thể quy định: Số tiền phải thi hành án không lớn là số tiền tương ứng với 01 năm lương cơ bản theo quy định. |  | UBND tỉnh Bắc Kạn, Lai Châu, Cà Mau, Đà Nẵng, VKSNDTC |
|  |  |  | - Khoản 3: Quy định Chấp hành viên ra quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án. Mức cao nhất được trừ vào tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động là 30% tổng số tiền được nhận hàng tháng.  - Quy định trên chỉ phù hợp với người có mức thu nhập thấp, số tiền phải thi hành án nhỏ. Đối với trường hợp, người phải thi hành án có mức thu nhập cao, số tiền phải thi hành án lớn thì việc mức trừ 30% sẽ rất lâu, dẫn đến kéo dài việc thi hành án. | Cân nhắc quy định % khấu trừ tương ứng với mức thu nhập  -Tùy vào mức thu nhập trừ 30-50%để nâng cao hiệu quả THADS. |  | UBND tỉnh Kiên Giang, Hải Dương, Bắc Giang |
|  |  | **Điều 80. Thu tiền của người phải thi hành án đang giữ** | - Theo quy định, Chấp hành viên được quyền thu tiền của người phải thi hành án đang giữ.  -Tuy nhiên, trên thực tế chưa thể áp dụng; nhiều trường hợp xác định người phải thi hành án có tài sản (*đeo vàng, kim cương*), tiền trong người, trong nhà nhưng Chấp hành viên chỉ có biện pháp thuyết phục, động viên nhưng cũng không có kết quả (*do đương sự cố tình không thi hành án*) mà không thể thu giữ, khám xét để tìm nơi đương sự cất giữ tài sản để thu. | Quy định những biện pháp, mức độ áp dụng để biện pháp cưỡng chế của người phải thi hành án đang giữ được thực thi trong thực tiễn. |  | VKSNDTC |
|  |  | **Điều 81: Thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ** | Quy định chưa cụ thể nên Chấp hành viên cơ quan THADS còn gặp khó khăn khi thực hiện trong thực tế, ví dụ: Trong trường hợp cưỡng chế thu tiền của người phải thi hành án đang gửi tiết kiệm tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, thì ngân hàng và tổ chức tín dụng, đưa ra lý do gây khó khăn cho việc thi hành án như: Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan không có quy định cụ thể về trách nhiệm của ngân hàng, tổ chức tín dụng trong việc thực hiện quyết định cưỡng chế của Chấp hành viên cơ quan THADS đối với khoản tiền gửi tiết kiệm của khách hàng. | Quy định cụ thể |  |  |
|  |  | **Điều 83. Thu giữ giấy tờ có giá** | Theo quy định về việc bán giấy tờ có giá: “*Việc bán giấy tờ có giá được thực hiện theo quy định của pháp luật*”.  Tuy nhiên, hiện chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể việc xử lý giấy tờ có giá (nhất là cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, cổ phần có giá trị âm...) | Cần quy định cụ thể về việc xử lý “giấy tờ có giá”, trong đó có quy định về việc xử lý cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, cổ phần có giá trị âm. |  |  |
|  |  | **Điều 87. Tài sản không được kê biên** | Điểm c khoản 3 quy định đối với tài sản của người phải thi hành án là doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được kê biên: “Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường”. Tuy nhiên, thực tế các hệ thống này đều do Doanh nghiệp bỏ tiền ra đầu tư cũng là tài sản của doanh nghiệp; là tài sản gắn liền với đất và gắn liền với công trình xây dựng nên cần phải kê biên. | Cần bỏ quy định tạiđiểm c khoản 3 |  |  |
|  |  | **Điều 90. Kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp** | - Khoản 1: Trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, Chấp hành viên được quyền kê biên, xử lý tài sản cầm cố, thế chấp nếu xét thấy tài sản có giá trị lớn hơn nghĩa vụ bảo đảm và chi phí cưỡng chế THA.  + Quy định này rất khó cho cơ quan THADS, Chấp hành viên bởi tài sản chưa bị kê biên, chưa được thẩm định giá thì Chấp hành viên chưa biết được giá trị lớn hơn nghĩa vụ bảo đảm và chi phí;  + Trường hợp xác định căn cứ theo theo thông báo số dư nợ của người nhận cầm cố, thế chấp mà các bên đượng sự khởi kiện tranh chấp khoản nợ mà Tòa án xác định khoản nợ đó nhỏ hơn khoản tiền mà cơ quan THADS thanh toán cho bên nhận cầm cố, thế chấp thì xử lý như thế nào.  + Thực tế có trường hợp yêu cầu TCTD giao nộp giấy tờ về tài sản mà chưa xác định giá trị nghĩa vụ, chi phí cưỡng chế THA có lớn hơn giá trị tài sản thế chấp, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của TCTD | -Cần quy định rõ người chịu chi phí thẩm định giá, chi phí xác minh để xác định giá trị tài sản trước khi kê biên.  - Bổ sung quy định trường hợp Cơ quan THADS chỉ được kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp tại TCTD khi đã thu thập đầy đủ thông tin, tài liệu xác định giá trị của TSBĐ đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế THA để đảm bảo khách quan, minh bạch trong THA. | Liên quan đến Thông tư 200 đã quy định NSNN | Ngân hàng NNVN |
|  |  | **Điều 92. Kê biên vốn góp** | Trên thực tế, để xác định được phần vốn góp của người phải thi hành án, Chấp hành viên căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, điều lệ, biên bản góp vốn và sổ sách kế toán của Công ty. Tuy nhiên, trên thực tế, việc xác định vốn góp rất khó thực hiện vì người phải thi hành án không hợp tác, cố tình trốn tránh, chây ì, cũng như không có cơ quan chuyên môn để xác định giá trị thực của phần vốn góp. Bên cạnh đó việc thẩm định giá trị của vốn góp, giá trị của doanh nghiệp cũng hết sức khó khăn. Bên cạnh đó, chưa có quy định liên quan đến việc kê biên tài sản là cổ phần, cổ phiếu (với công ty cổ phần). Vì “vốn góp” chỉ áp dụng cho Công ty TNHH | Cần có hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn về quy định này. |  | UBND tỉnh Lạng Sơn, Đà Nẵng, VKSNDTC |
|  |  | **Tài sản hình thành trong tương lai** | Chưa có quy định về việc xử lý tài sản hình thành trong tương lai | Bổ sung quy định cho phù hợp |  |  |
|  |  | **Điều 93. Kê biên đồ vật bị khóa, đóng gói** | Hiện nay chỉ quy định cưỡng chế mở khóa, mở gói trong trường hợp kê biên tài sản bị khóa, đóng gói, cưỡng chế mở khóa để giao tài sản cho người mua trúng đấu giá, giao tài sản cho người được thi hành án nhận để cấn trừ nợ (Điều 115 Luật THADS) mà không quy định việc cưỡng chế mở khóa, mở gói ngay từ giai đoạn xác minh điều kiện thi hành án của đương sự. | Cần bổ sung quy định biện pháp cưỡng chế mở khóa, mở gói để xác minh điều kiện thi hành án, kiểm tra hiện trạng. |  | UBND tỉnh Yên Bái |
|  |  |  | Nghị định 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ tại khoản 1 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung có quy định Chấp hành viên tổ chức “cưỡng chế mở khóa, mở gói”. Tuy nhiên, tại Điều 71 Luật THADS không có quy định biện pháp cưỡng chế này | Đề nghị pháp điển quy định tại Nghị định 33 vào Luật. |  |  |
|  |  | **Điều 94. Kê biên tài sản gắn liền với đất** | Trường hợp đất thuê trả tiền hàng năm, đất không được kê biên mà chỉ được kê biên tài sản trên đất. Tuy nhiên, chi phí đầu tư vào đất (đổ bê tông, san lấp mặt bằng…thì lại không được kê biên), dẫn đến gây thiệt hại cho người phải thi hành án | Quy định cụ thể |  | UBND tỉnh Điện Biên, thành phố cần thơ, Thanh Hóa |
|  |  | **Điều 95. Kê biên nhà ở** | - Khoản 2 quy định: “*Khi kê biên nhà ở phải kê biên cả quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở. Trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác thì Chấp hành viên chỉ kê biên nhà ở và quyền sử dụng đất để thi hành án nếu người có quyền sử dụng đất đồng ý. Trường hợp người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì chỉ kê biên nhà ở của người phải thi hành án, nếu việc tách rời không làm giảm đáng kể giá trị căn nhà...*”.  Trên thực tế thì điều này khó thực hiện vì nếu chỉ kê biên nhà ở thì sẽ làm giảm giá trị của tài sản và nếu bán nhà mà không gắn với quyền sử dụng đất thì sẽ không có người mua như vậy Hoặc trường hợp nhà ở gắn liền với quyền sử dụng người khác thì người có quyền sử dụng đất không đồng ý; gây thiệt hại cho người phải thi hành án do giảm giá nhiều lần. | Đề nghị quy định cho phù hợp Cần quy định kê biên, xử lý cả quyền sử dụng đất của người khác và khi tài sản bán được thì sẽ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho người có quyền sử dụng đất. |  | VKSNDTC, Kiến nghị cử tri tỉnh Bến Tre gửi tới trước kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV |
|  |  | **Điều 96. Kê biên phương tiện giao thông** | Vướng mắc trong tổ chức thực hiện việc kê biên tài sản của Công ty, Doanh nghiệp, tài sản đã thế chấp với các tổ chức tín dụng, cụ thể: các tổ chức tín dụng không quản lý được tài sản đã thế chấp của các Công ty, Doanh nghiệp dẫn đến việc thất thoát, hư hỏng, tẩu tán…; khi tổ chức thi hành án thì không còn tài sản để kê biên (như phương tiện giao thông). Do đó, Chấp hành viên không có căn cứ để ban hành quyết định kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, dẫn đến vụ việc bị tồn đọng, không giải quyết được. | Sửa đổi khoản 3 Điều 96 theo hướng cơ quan THADS có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấm chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, cho thuê hoặc tạm dừng đăng kiểm, hạn chế tham gia giao thông đối với phương tiện bị kê biên. |  | UBND tỉnh Lạng Sơn |
|  |  | **Điều 98. Định giá tài sản kê biên** | Làm rõ khái niệm “định giá” hay “thẩm định giá”. Bởi lẽ, Luật Giá 2012 quy định “*Định giá”* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quy định giá cho hàng hóa, dịch vụ.  *Thẩm định giá* là việc cơ quan, tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá trị bằng tiền của các loại tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự phù hợp với giá thị trường tại một địa điểm, thời điểm nhất định, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá. | Quy định rõ nội dung này |  |  |
|  |  |  | -Khoản 2: Quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên tài sản, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh, thành phố. Quy định có những điểm chưa phù hợp:  + Thời hạn ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá quá ngắn, không đảm bảo tính khả thi.  + Việc giới hạn tổ chức thẩm định giá trên địa bàn không phù hợp;  + Điểm c quy định trường hợp thi hành bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều 36 chưa phù hợp vì nó là việc thi hành án theo yêu cầu. | - Cần tăng thêm thời gian ký hợp đồng thẩm định giá lên 10 ngày.  - Sửa đổi việc không giới hạn tổ chức thẩm định giá;  - Điểm c khoản 2 cần sửa thành khoản 2 Điều 36 cho phù hợp. |  | UBND thành phố Đà Nẵng, VKSNDTC,  Ngân hàng Nhà nước Việt Nam UBND tỉnh Sóc Trăng |
|  |  |  | - Khoản 3 quy định trường hợp Chấp hành viên xác định giá:  Tuy nhiên chưa quy định cụ thể về cách thức, phương pháp để Chấp hành viên thực hiện việc xác định giá trị tài sản. | Quy định bổ sung việc Chấp hành viên mời Trung tâm thẩm định giá tài sản để thẩm định giá nhằm xác định giá trị tài sản; chi phí thẩm định giá thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 62/205/NĐ-CP của Chính phủ. |  | UBND tỉnh Lạng Sơn |
|  |  |  | Chưa có quy định về quyền thỏa thuận về giá tài sản cho người thứ ba (bên có tài sản thế chấp, bảo lãnh cho người phải thi hành án) | Quy định bổ sung theo hướng quy định quyền thỏa thuận về giá tài sản và thỏa thuận về tổ chức bán đấu giá cho người thứ ba | Điều 98, 101 |  |
|  |  |  | Chưa có quy định thẩm quyền giải quyết trong trường hợp đương sự có khiếu nại về giá. | Cần có quy định cụ thể về trường hợp đương sự có khiếu nại về giá thì cơ quan quản lý nhà nước về giá là Cục quản lý giá phải có trách nhiệm giải quyết, trả lời đương sự. |  |  |
|  |  | **Điều 99. Định giá lại tài sản kê biên** | Chưa có quy định định giá lại trong trường hợp: Tài sản kê biên đã thẩm định giá, tuy nhiên, vụ việc bị hoãn theo yêu cầu của người có thẩm quyền kháng nghị (K2 Đ48 Luật THADS), tạm đình chỉ theo quyết định tạm đình chỉ của người có thẩm quyền kháng nghị (K1 Đ49 Luật THADS) hoặc tạm dừng giải quyết khiếu nại dẫn đến tại thời điểm chuẩn bị đưa ra bán giá tài sản có thay đổi lớn về giá trị hoặc hiệu lực của Chứng thư thẩm định giá đã hết. Đồng thời quy định rõ đối tượng phải chịu chi phí thẩm định giá lại trong những trường hợp này. | Bổ sung thêm các quy định về các trường hợp định giá lại tài sản kê biên |  | UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
|  |  |  | Khoản 1: Quy định về trường hợp định giá lại tài sản kê biên. Trên thực tế còn khó khăn:  + Trong vụ việc có nhiều đương sự, mỗi đương sự đều yêu cầu định giá lại thì lấy giá thẩm định lại của đương sự nào làm giá để đưa ra bán đấu giá?  + Việc sử dụng thuật ngữ *“kể từ ngày nhận được thông báo”* đã gây ra sự khó khăn, không xác định được thời điểm nhận được thông báo trong trường hợp niêm yết công khai, thông báo trên phương tiện đại chúng; đương sự có thể lợi dụng quy định này khiếu nại, tố cáo, gây khó khăn cho cơ quan THADS;  + Chưa quy định cụ thể những trường hợp nào được xem là “vi phạm nghiêm trọng dẫn đến sai lệch kết quả địn giá tài sản để định giá lại tài sản kê biên”. | Quy định rõ trong trường hợp này.  Đề nghị sửa đổi cụm từ “*ngày nhận được thông báo*” thành “ngày *thông báo hợp lệ”*. |  | UBND tỉnh Bà Rịa  Cục THADS tỉnh Bình Dương |
|  |  |  | -Điểm b khoản 1 quy định việc định giá lại tài sản kê biên khi đương sự có yêu cầu. Tuy nhiên, pháp luật chưa quy định cụ thể thời hạn để cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của đương sự.  Mặt khác, theo quy định “đương sự” có yêu cầu. Như vậy, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người có tài sản bảo lãnh) không được quyền yêu cầu định giá lại tài sản | -Quy định thời hạn cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của đương sự;  - Đề nghị bổ sung “người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được quyền yêu cầu định giá lại tài sản” nhằm mục đích đảm bảo quyền lợi của người có tài sản bảo lãnh |  | Thông tin do Cục QLXLVPHC&TDTHPL cung cấp UBND tỉnh Tiền Giang |
|  |  |  | Điều 99 không quy định rõ thời hạn thực hiện việc ký hợp đồng với tổ chức thẩm định giá trong trường hợp định giá lại tài sản kê biên.  Khoản 2 Điều 99 quy định việc định giá lại tài sản kê biên thực hiện theo Khoản 2, khoản 3 Điều 98. Tuy nhiên, thời hạn ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá theo khoản 2 Điều 98 là "05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên tài sản". Thời hạn này không thể được áp dụng đối với trường hợp định giá lại tài sản kê biên. | Quy định rõ nội dung này |  |  |
|  |  |  | Khoản 3: Luật Giá và Luật THADS chưa thống nhất trong quy định về căn cứ xác định giá khởi điểm của của tài sản đấu giá; chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo về thẩm định giá đối với tài sản kê biên để thi hành án. |  | Liên quan đến Luật Giá | UBND tỉnh Sơn La, Vĩnh Phúc |
|  |  | **Điều 101. Bán tài sản đã kê biên** | - Khoản 2 quy định*“...Đương sự có quyền thỏa thuận về tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày định giá...”.* Mặc dù điều luật quy định cụ thể thời hạn là 05 ngày về quyền thỏa thuận nhưng để căn cứ xét thời điểm “*kể từ ngày định giá*” để áp dụng thời hạn thực hiện quyền trên còn dễ dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau có thể là thời điểm ký Hợp đồng thẩm định hoặc khi cơ quan THADS nhận được kết quả thẩm định, cũng có thể là khi đương sự biết được kết quả thẩm định tài sản. | Để phù hợp nên sửa đổi lại theo hướng quy định cụ thể *“Đương sự có quyền thỏa thuận về tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày được thông báo hợp lệ về kết quả định giá tài sản kê biên”.* |  |  |
|  |  |  | - Khoản 2: Quy định “Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày định giá” là quá ngắn không đảm bảo tính khả thi trên thực tiễn (bởi lẽ, khi nhận được chứng thư, trong thời hạn 03 ngày làm việc Chấp hành viên phải thông báo kết quả thẩm định giá; khi nhận được thông báo đương sự có quyền yêu cầu thẩm định giá lại trong thời hạn 05 ngày làm việc....). | Cần tăng thời hạn thành 15 ngày làm việc |  | VKSNDTC |
|  |  |  | - Khoản 3: Quy định các trường hợp Chấp hành viên bán đấu giá tài sản kê biên. Chưa quy định rõ ràng việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá trên/ngoài địa bàn tỉnh, thành phố. Mà chỉ gián tiếp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 101 dẫn đến còn nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau. | Quy định cụ thể hơn về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá |  |  |
|  |  |  | - Khoản 5: Theo pháp luật hiện hành chỉ quy định người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sả; chưa có quy định về “quyền nhận lại tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” | Bổ sung “quyền nhận lại tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” - người có tài sản bảo lãnh vay vốn Ngân hàng vào khoản 5, Điều 101 Luật THADS năm 2014 để có cơ sở cho cơ quan thi hành án thực hiện |  | Kiến nghị của cử tri tỉnh Trà Vinh gửi tới trước kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV |
|  |  |  | Chưa có quy định về thời hạn ký Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá | Bổ sung trong quy định của Luật | Chưa quy định |  |
|  |  | **Dừng đấu giá tài sản** | Thực tế thời gian qua, khi phát hiện có thiếu sót trong quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên đã chủ động đề nghị Công ty đấu giá dừng cuộc đấu giá, hoặc tổ chức đấu giá dừng cuộc đấu giá để giải quyết khiếu nại, tố cáo … Tuy nhiên, Luật THADS và Luật đấu giá chưa quy định xử lý các trường hợp trên.  Mặt khác, khi bán đấu giá kết quả đấu giá đã đủ thanh toán nghĩa vụ và chi phí trong trường hợp đấu giá nhiều tài sản của người phải thi hành án nhưng chưa có quy định dừng đấu giá. | Sửa đổi, bổ sung quy định dừng đấu giá cho phù hợp để tránh tùy tiện trong việc dừng đấu giá; đảm bảo việc bán đấu giá đúng quy định pháp luật tránh việc có phát hiện sai sót nhưng đã bán không thể khắc phục được. | Chưa có quy định |  |
|  |  | **Thủ tục bán đấu giá rút gọn** | Pháp luật THADS chưa có quy định cụ thể hóa Điều 53 Luật Đấu giá tài sản về việc đấu giá tài sản thi hành án theo thủ tục rút gọn | Bổ sung quy định | Chưa có quy định |  |
|  |  | **Bán đấu giá thi hành án đặc thù** | Hiện nay, việc bán đấu giá thực hiện theo Luật Đấu giá tài sản. Tuy nhiên, về bản chất, việc đấu giá tài sản thi hành án có tính chất cưỡng chế, bắt buộc để thực hiện bản án, quyết định của Tòa, khác với tính chất đấu giá tài sản tự nguyện trong quan hệ pháp luật dân sự.  Do đó, vẫn còn nhiều khoảng trống:  - Chưa xác định rõ “người có tài sản bán đấu giá” trong THADS, chủ thể ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản là cơ quan THADS (mà không phải là Chấp hành viên);  - Chưa có quy định, hướng dẫn căn cứ xác định bước giá để cơ quan THADS tham khảo áp dụng; còn thiếu các quy định để ngăn chặn tình trạng thông đồng, dìm giá trong bán tài sản THADS như: quy định điều kiện đăng ký mua tài sản; quy định mức tiền đặt trước cao để tránh việc thông đồng, dìm giá, nâng cao ý thức của người tham gia đấu giá; chưa có sự thống nhất giữa Luật THADS và Luật đấu giá tài sản năm 2016 về khái niệm *“*bán đấu giá không thành”…  - Quy định Luật THADS hiện hành quy định phải bán tài sản đến khi giá trị tài sản thấp hơn hoặc bằng chi phí cưỡng chế thi hành án mà chưa có quy định bắt buộc người được thi hành án phải nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án là chưa phù hợp, dẫn đến kéo dài thời gian tổ chức thi hành án, ảnh hưởng đến cả quyền và lợi ích hợp pháp của người được và người phải thi hành án, tốn kém chi phí của ngân sách nhà nước;  - Chưa quy định rõ việc Chấp hành viên chỉ bán đối với “tài sản sạch” của người phải thi hành án. Do đó, trên thực tế nhiều trường hợp, quá trình bán tài sản có nhiều thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng (bán thiếu, không đúng tài sản; bán tài sản không phải của người phải thi hành án…) nhưng không có căn cứ để hủy kết quả bán đấu giá. Trong khi đó, Điều 103 Luật THADS quy định nguyên tắc người mua được tài sản đấu giá được bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản, bao gồm cả trường hợp bản án bị hủy, sửa. Tuy nhiên, đối với những trường hợp này, việc cưỡng chế giao tài sản trên thực tế gần như không thể thực hiện được do sự chống đối quyết liệt của người phải thi hành án, không nhận được sự đồng tình, ủng hộ của chính quyền, nhân dân và dư luận xã hội tại địa phương. Việc tổ chức cưỡng chế trong trường hợp này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn; dẫn đến quyền lợi của người phải thi hành án, người được thi hành án, người trúng đấu giá bị ảnh hưởng; cơ quan THADS đối mặt với nguy cơ khiếu nại, tố cáo và bồi thường nhà nước. | Quy định chương riêng về bán đấu giá tài sản thi hành án;  *+* Quy định rõ điều kiện đối với tài sản đưa ra bán đấu giá (tài sản đã được xác định là của người phải thi hành án; tài sản sạch và đã được giao cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo quản tài sản);  + Giới hạn số lần bán đấu giá tài sản trong trường hợp bán đấu giá không thành thì người được thi hành án phải nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án trừ trường hợp pháp luật có quy định khác[[7]](#footnote-7), nếu họ không nhận thì cơ quan THADS dừng việc xử lý tài sản và có văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền để ngăn chặn các giao dịch dân sự liên quan đến tài sản. |  | UBND tỉnh Quảng Ninh, UBND tỉnh Vĩnh Long;  UBND tỉnh Ninh Thuận, Bắc Giang |
|  |  | **Điều 102. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản** | Khoản 2 quy định người mua được tài sản, Chấp hành viên có quyền yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá, chưa quy định cụ thể người chủ tài sản có quyền khởi kiện hủy dẫn đến khó khăn | Bổ sung quy định |  | UBND tỉnh Tiền Giang |
|  |  | **Điều 103. Bảo vệ quyền của người mua tài sản bán đấu giá, người nhận tài sản để thi hành án** | Khoản 2 quy định: Khi bản án, quyết định của Tòa án đang tổ chức thi hành bị hủy, sửa đổi thì cơ quan THADS phải ban hành Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ, hoãn thi hành án. Khi đó, căn cứ để tổ chức THA và cưỡng chế không còn. Như vậy, về nguyên lý là ban hành quyết định cưỡng chế giao tài sản cho người mua là chưa phù hợp. | Đề nghị quy định, hướng dẫn cụ thể nội dung này. |  | VKSNDTC |
|  |  |  | Xung đột pháp luật trong trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm phúc thẩm bị hủy thì có giao tài sản không?:  - Điều 103 quy định “Trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá đã nộp đủ tiền mua tài sản bán đấu giá nhưng bản án, quyết định bị kháng nghị, sửa đổi hoặc bị hủy thì cơ quan THADS tiếp tục giao tài sản, kể cả thực hiên việc cưỡng chế thi hành án để giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá, trừ trường hợp kết quả bán đấu giá bị hủy theo quy định của pháp luật hoặc đương sự có thỏa thuận khác”.  - Theo khoản 2 Điều 133 BLDS năm 2015 quy định: “...2. *Trường hợp* giao dịch dân sự vô hiệu *nhưng tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu.*  *Trường hợp tài sản phải đăng ký* mà chưa được đăng ký *tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì giao dịch dân sự với người thứ ba bị vô hiệu, trừ trường hợp người thứ ba ngay tình* nhận được tài sản *này thông qua bản đấu giá tại tổ chức có thẩm quyền hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyển là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó chủ thể này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị huỷ, sửa*…”.  - Tuy nhiên, theo điểm c Điều 37 thì khi căn cứ ra quyết định về thi hành án không còn thì phải thu hồi quyết định thi hành án.  🡺 Như vậy, chưa thống nhất việc ngưng giao tài sản hay bảo vệ quyền lợi người mua.  🡺 Trường hợp giao tài sản nhưng bản án, quyết định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử theo hướng ngược lại so vS vng trưhành theo Điều 37 Luật tại cơ quan có thẩm quyền (đối với t | Đề nghị quy định, hướng dẫn cụ thể nội dung này |  | Kiến nghị cử tri tỉnh Bến Tre gửi đến kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV |
|  |  | **Điều 104. Xử lý tài sản không có người tham gia đấu giá, bán đấu giá không thành**  Khoản 1 | Khoản 1 quy định xử lý tài sản không có người tham gia đấu giá, bán đấu giá không thành theo nguyên tắc đến cùng, tài sản của người phải thi hành án khi được bán đấu giá nếu không có người mua thì Chấp hành viên ra quyết định giảm giá. Tuy nhiên, thực tế đã có nhiều trường hợp bán đấu giá trên 10 lần nhưng vẫn không có người mua, người được thi hành án không đồng ý nhận tài sản dẫn đến hồ sơ thi hành án kéo dài và chi phí tăng dần. Có vụ việc tình trạng sau nhiều lần mang ra bán đấu giá, giá trị thu được từ tài sản rất thấp, nhiều vụ tài sản đã bán hết nhưng không đủ chi phí thi hành án. | Quy định rõ về việc số lần giảm giá khi bán đấu giá và tối đa số lần được giảm giá, trong trường hợp vẫn không bán đấu giá được thì tài sản đó vẫn giao cho người được thi hành án để khấu trừ tiền được thi hành án, như vậy vừa đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án và tránh tiêu cực trong công tác bán đấu giá tài sản thi hành án. |  | Bộ Quốc phòng VKSNDTC STP Bắc Giang |
|  |  | Khoản 2 | Khoản 2: Thủ tục nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án  - Chưa quy định rõ thời điểm người được thi hành án biết quyền nhận tài sản; thủ tục thực hiện quyền đó.  - Quy định việc người phải thi hành án không nộp đủ tiền để lấy lại tài sản kéo dài thời gian tổ chức thi hành án, bởi lẽ, theo khoản 5 Điều 101 người phải thi hành án đã có quyền nhận lại tài sản nhưng họ đã từ chối hoặc không có khả năng thực hiện cơ hội đó. Trường hợp tài sản được bán đấu giá thành thì người phải thi hành án cũng đã không còn cơ hội để lấy lại tài sản đưa ra bán đấu giá, vậy có thật sự cần thiết phải tiếp tục tạo cơ hội cho người phải thi hành án lấy lại tài sản đưa ra bán đấu giá trong trường hợp người được thi hành án đã đồng ý nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án? | Quy định cụ thể trường hợp này |  | Thông tin Cục QLXLVPHC&TDTHPL cung cấp |
|  |  |  | - Khoản 2 quy định *“ Từ sau lần giảm giá thứ hai trở đi* *mà không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành thì* *người được thi hành án có quyền nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án…* *Đối với tài sản là bất động sản, động sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng thì* *Chấp hành viên ra quyết định giao tài sản cho người được thi hành án để làm thủ* *tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản đó cho người được* *thi hành án. Người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng tài sản không tự* *nguyện giao tài sản cho người được thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án”*. Tuy nhiên, theo quy định của Luật đất đai (Điều 191-193) quy định có một số trường hợp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất. Như vậy, Luật THADS cần loại trừ các trường hợp theo quy định tại Luật đất đai mà các tổ chức, cá nhân không được nhận. Trong trường hợp này Chấp hành viên ra quyết định giao tài sản cho người được thi hành án thì các đối tượng này cũng không được cấp giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng tài sản đó. | bổ sung “…trừ một số trường hợp không được nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan” để đảm bảo khi Chấp hành viên ra quyết định giao tài sản cho người được thi hành án sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản đó |  | UBND tỉnh Vĩnh Long |
|  |  | Khoản 5 | - Khoản 5: quy định mỗi lần giảm giá không quá 10% giá khởi điểm của lần bán đấu giá liền kề trước đó. Thực hiện quy định này trên thực tế có sự áp dụng tùy nghi về mức giảm giá trong biên độ từ 0-10%. Nếu tài sản có giá trị lớn thì mức giảm 10% có thể lên đến hàng trăm triệu đồng. | Cần quy định cụ thể về mức giảm giá, có thể theo nguyên tắc tương ứng với giá trị của tài sản để tránh gây thiệt hại cho người có tài sản. |  | VKSNDTC |
|  |  |  | Pháp luật không quy định cơ quan THADS có chức năng kiểm tra các cuộc tổ chức bán đấu giá trong giai đoạn từ khi ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá đến khi kết thúc phiên đấu giá; trao quyền cho doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá lớn, thiếu quy định về kiểm tra kết quả thẩm định, định giá tài sản, quy định về giám sát, kiểm tra quy trình thực hiện của thẩm định viên còn lỏng lẻo.. | bổ sung quy định về kiểm tra kết quả thẩm định, định giá tài sản, quy định về giám sát, kiểm tra quy trình thực hiện của thẩm định viên |  | Nội dung phản ánh của địa phương (STP Bắc Giang): |
|  |  | **Điều 106. Đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản** | Khoản 4,5,6 quy định không rõ ràng, dẫn đến khó thực thi trên thực tế, lý do:theo quy định tại khoản 16 Điều 3 của Luật Đất đai thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý nhà nước cấp có người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Do đó, nếu thực hiện theo quy định của Luật THADS thì khi không thu hồi được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì cơ quan có thẩm quyền phải cấp Giấy chứng nhận nhưng không có quy định xử lý như thế nào đối với Giấy chứng nhận không thu hồi được. Nếu phải thực hiện theo quy định của Luật THADS mà phải cấp Giấy chứng nhận nhưng Giấy chứng nhận cũ lại vẫn chưa bị pháp luật xử lý (huỷ,hay tuyên bố nó không còn giá trị pháp lý - mà việc này chỉ cơ quan toà án mới thực hiện được), dẫn đến một thửa đất, một tài sản sẽ có 02 Giấy chứng nhận tồn tại, dẫn đến rủi ro cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản chính đáng. | - Đối với quy định tại khoản 4 Điều 106 của Luật THADS, đề xuất sửa đổi tại khoản 2 Điều 256 dự thảo Luật Đất đai theo hướng: *“4. Trường hợp tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất* *thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận lần đầu hoặc đã được cấp* *Giấy chứng nhận mà không thu hồi được Giấy chứng nhận đã cấp thì cơ quan thi* *hành án có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy chứng* *nhận lần đầu đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận; thu hồi hoặc* *hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận cho người nhận quyền sử* *dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về* *đất đai.”.* |  | Bộ Tài nguyên và môi trường |
|  |  | **Điều 107. Cưỡng chế khai thác đối với tài sản để thi hành án** | Trường hợp, tài sản của người phải thi hành án là quyền khai thác khoáng sản thì Chấp hành viên có quyền cưỡng chế khai thác đối với tài sản để thi hành án. Tuy nhiên, Chấp hành viên phải xác định được số tiền, thời hạn khai thác; đánh giá trữ lượng khai thác, chi phí khai thác... Đây là việc hết sức phức tạp, vượt quá khả năng chuyên môn của Chấp hành viên. Đồng thời, theo quy định của Luật Khoáng sản chỉ UBND cấp tỉnh mới là cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu giá hay chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo pháp luật về khoáng sản dẫn đến khó khăn cho cơ quan THADS khi thực hiện | Cần có quy định cụ thể trong trường hợp này để áp dụng thống nhất. |  | VKSNDTC |
|  |  | **Điều 108. Hình thức cưỡng chế khai thác tài sản để thi hành án** | Khoản 3 quy định, Chấp hành viên chỉ có thể yêu cầu người có tài sản ký hợp đồng khai thác tài sản. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày yêu cầu mà người phải thi hành án không ký hợp đồng khai thác thì Chấp hành viên không được quyền đứng ra ký hợp đồng mà chuyển sang biện pháp kê biên, xử lý tài sản. Tuy nhiên, nếu tài sản đó không đủ điều kiện để kê biên thì không có hướng giải quyết tiếp theo. | Cần quy định theo hướng sau khi yêu cầu mà người phải thi hành án không ký hợp đồng khai thác thì CHV có quyền ký hợp đồng khai thác tài sản đối với cá nhân, tổ chức có nhu cầu để thu tiền thi hành án. |  | VKSNDTC |
|  |  | **Điều 110. Quyền sử dụng đất được kê biên, bán đấu giá để thi hành án** | Theo Điều 110 Luật THADS; Điều 175 của Luật đất đai năm 2013, thì đất thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm, cơ quan THADS không được kê biên quyền sử dụng đất nhưng có quyền kê biên toàn bộ tài sản gắn liền với đất và thực hiện việc thẩm định giá đối với các tài sản đó để đảm bảo thi hành án. Mặc khác, theo khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì các chi phí như: san lấp mặt bằng, cải tạo làm tăng độ màu mỡ của đất, gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún đất đối với đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh…được xem là chi phí đầu tư vào đất. Do đó, khi bán đấu giá tài sản trong trường hợp này thì người mua trúng đấu giá phải thỏa thuận với người phải thi hành án về chi phí đầu tư vào đất (trường hợp này thỏa thuận gặp rất nhiều khó khăn), vụ việc thi hành án kéo dài, khiếu kiện phức tạp. | Nghiên cứu sửa theo hướng, giá trị chi phí đầu tư vào đất được kê biên để bảo đảm thi hành án. | Liên quan đến Luật Đất đai | Kiến nghị của cử tri tỉnh Đắk Lắk do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo Công văn số 19/BDN ngày 10/01/2022 |
|  |  |  | Trong quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên thường xuyên áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản là quyền sử dụng đất để bán đấu giá thi hành án và tùy từng trường hợp cụ thể Chấp hành viên sẽ quyết định phần diện tích đất kê biên tương ứng nghĩa vụ thi hành án. Mặt khác, hiện nay rất nhiều trường hợp thi hành án đối với quyền sử dụng đất thế chấp Ngân hàng, trên đất có mồ mả nên phải tách thửa đất có mồ mả không kê biên xử lý, đương sự thỏa thuận giao đất đế khấu trừ tiền thi hành án. Thực tế đa số diện tích đất trong các trường hợp trên không đủ đảm bảo diện tích tối thiểu tách thửa theo quy định, do đó quy định diện tích tối thiểu được tách thửa tại Quyết định số 38/2018/QĐ-ƯBND của UBND tỉnh sẽ không phù hợp. | xem xét không quy định hạn chế diện tích tối thiểu tách thửa đối với hoạt động xét xử cùa Tòa án và việc tổ chức thi hành án của các Cơ quan THADS. | Liên quan đến Luật Đất đai | Kiến nghị cử tri tỉnh Bến Tre gửi đến kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV |
|  |  |  | Khoản 2 quy định cơ quan THADS có quyền kê biên, bán đấu giá “quyền sử dụng đất của người phải thi hành án chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà thuộc trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc thuộc diện quy hoạch thì phải thu hồi đất nhưng chưa có quyết định thu hồi”. Tuy nhiên, khi đã thực hiện xong các thủ tục bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật, việc công chứng hợp đồng mua bán tài sản không thể thực hiện với lý do “không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, không đầy đủ hồ sơ, thủ tục công chứng quy định tại Điều 40 và Điều 41 Luật công chứng 2014. | Kiến nghị nghiên cứu trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến Luật THADS, Luật đất đai, Luật công chứng... nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, tăng cường hiệu quả công tác THADS. | Liên quan đến Luật Công chứng | Bộ Tài nguyên và Môi trường;  kiến nghị của cử tri tỉnh Thừa Thiên Huế  gửi tới trước Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV,  UBND tỉnh Bắc Giang  Tiền Giang Kiến nghị cử tri tỉnh Tây Ninh gửi tới kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV  UBND tỉnh Đắk Nông |
|  |  |  | Chưa có quy định tạo điều kiện về chỗ ở cho người phải thi hành án khi họ không còn chỗ ở khác trong trường hợp cưỡng chế đối với tài sản là quyền sử dụng đất được quy định tại từ Điều 110 đến 113 Luật THADS | Về cưỡng chế đối với tài sản là quyền sử dụng đất được quy định tại từ Điều 110 đến 113 Luật THADS, đề nghị bổ sung quy định tạo điều kiện về chỗ ở cho người phải thi hành án khi họ không còn chỗ ở khác để cơ quan thi hành án áp dụng thực hiện. |  | Kiến nghị của cử tri tỉnh Trà Vinh gửi tới trước kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV |
|  |  | **Điều 112. Tạm giao quản lý, khai thác, sử dụng diện tích đất đã kê biên** | Khoản 2 quy định: Tạm giao quản lý, khai thác, sử dụng diện tích đất đã kê biên quy định: *“.. 2. …Trường hợp không có tổ chức, cá nhân nào nhận thì cơ quan THADS tiến hành ngay việc định giá và bán đấu giá theo quy định của pháp luật.”.* Quy định còn chung chung,từ *“ ngay”* ở đây được hiểu như thế nào? | Cần có quy định cụ thể |  |  |
|  |  | **Điều 113. Xử lý tài sản gắn liền với đất đã kê biên** | Điểm a khoản 1 quy định: “*Đối với tài sản có trước khi người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án thì Chấp hành viên yêu cầu người có tài sản tự nguyện di chuyển tài sản để trả quyền sử dụng đất cho người phải thi hành án. Trường hợp người có tài sản không tự nguyện di chuyển tài sản thì Chấp hành viên hướng dẫn cho người có tài sản và người phải thi hành án thỏa thuận bằng văn bản về phương thức giải quyết tài sản ...”*Quy định như vậy trong trường hợp người phải thi hành án và người có tài sản trên đất sẽ thỏa thuận giá trị tài sản trên đất cao hơn rất nhiều giá trị thực của tài sản. Trường hợp này nếu chấp nhận thỏa thuận sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án, nếu không chấp nhận thì chưa có quy định về việc bác nội dung thỏa thuận. Theo quy định có nội dung Chấp hành viên yêu cầu người có tài sản gắn liền trên QSD đất của người phải thi hành án phải tự nguyện di chuyển tài sản. Tuy nhiên về thời hạn để người có tài sản tự nguyên di dời vẫn chưa được luật quy định cụ thể, dẫn đến có nhiều các áp dụng khác nhau ở nhiều địa phương khác nhau, thiếu đồng nhất. | Cần có quy định để đảm bảo việc thỏa thuận không vi phạm.  Cần quy định thời hạn cho người có tài sản tự nguyện di dời tài sản |  | VKSNDTC |
|  |  |  | Khoản 1 quy định: *“Trường hợp tài sản gắn liền với đất* ***đã kê biên*** *thuộc sở hữu của người khác thì xử lý như sau:*  *a)Đối với tài sản có trước khi người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án thì Chấp hành viên yêu cầu người có tài sản tự nguyện di chuyển tài sản để trả quyền sử dụng đất cho người phải thi hành án. ...”*  Quy định có sự mâu thuẫn trong nội hàm của Điều luật vì *đối với tài sản có trước khi người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án* thì không thể “đã kê biên”. | Kiến nghị nên sửa đổi, bỏ các chữ “đã kê biên” trong tên điều luật và quy định tại Điều 113 Luật THADS để nội dung điều luật không mâu thuẫn và linh hoạt hơn trong việc áp dụng thực hiện |  | UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
|  |  | **Điều 115. Cưỡng chế trả nhà, giao nhà**  Khoản 1 | - Khoản 1 quy định: *“…Trường hợp họ từ chối nhận tài sản, Chấp hành viên phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản và giao tài sản cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan THADS và thông báo địa điểm, thời gian để người có tài sản nhận lại tài sản”.* Trên thực tế thi hành án tại các địa phương khi cưỡng chế thì ngoài các tài sản cố định còn có vật nuôi như chó, mèo, chim chóc, gấu, trăn, hổ...vv.  Hiện tại, chưa có quy định cụ thể trong việc xử lý vật nuôi (cá nhân có điều kiện trông giữ, bảo quản vật nuôi; Chi phí trông giữ bao nhiêu; động vật hoang dã có giấy phép (Không có giấy phép).  Mặt khác, đối với các trường hợp thuộc khoản 3 Điều 115 Luật THADS, sau khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo mà người có vật nuôi không đến nhận thì việc xử lý theo khoản 2 Điều 126 Luật THADS gặp nhiều khó khăn do vật nuôi là động vật hoang dã thì không thuộc đối tượng được bán đấu giá. | Cần có quy định cụ thể, chi tiết trong việc xử lý vật nuôi khi cưỡng chế để các cơ quan thi hành án áp dụng thống nhất trong cả nước. |  | VKSNDTC |
|  |  | Khoản 5 | Khoản 5: Pháp luật chưa quy định rõ việc có trích tiền thuê nhà cho người thứ ba đã dùng nhà ở duy nhất của mình để đảm bảo cho người phải thi hành án vay tài sản đã được Tòa án tuyên trong bản án, quyết định và trường hợp hỗ trợ tiền thuê nhà trong trường hợp người phải thi hành án phải giao tài sản là nhà ở duy nhất cho người được thi hành án. | Bổ sung quy định hỗ trợ tiền thuê nhà cho người thứ ba hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã dùng nhà ở duy nhất của mình để đảm bảo cho người phải thi hành án khi Cơ quan THADS xử lý tài sản của người thứ ba hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. |  | UBND tỉnh Sơn La, Kon Tum |
|  |  | **Điều 117. Cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất** | Hiện nay chưa có quy định giải quyết trong trường hợp tài sản gắn liền với đất hình thành sau khi có bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật và trước khi có bản án phúc thẩm .  Bên cạnh đó, có nhiều trường hợp tài sản gắn liền với đất phải chuyển giao là tài sản có giá trị lớn (vườn cây...) việc cưỡng chế tháo giỡ, di chuyển ra khỏi nhà được thực hiện như thế nào? Trong khi việc thuê bảo quản tài sản sẽ tốn rất nhiều thời gian, chi phí, và không thể xác định được thời hạn thuê đến bao giờ. Nếu xác định chỉ đưa cây, di dời cây ra khỏi đất được chuyển giao và không quan tâm đến sự sống, chết của cây, thì lại có thể gây thiệt hại cho người phải thi hành án. | Cần có quy định để thực hiện thống nhất  Việc xử lý tài sản trên đất mà bản án không tuyên xử lý tài sản đó. Sửa đổi “*Trường hợp trên đất chuyển giao có tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó có trước khi bản án, quyết định sơ thẩm nhưng bản án, quyết định được thi hành không tuyên rõ việc xử lý thì Chấp hành viên thông báo yêu cầu người được thi hành án khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các tài sản này. Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo mà người được thi hành án không khởi kiện thì cơ quan THADS sẽ giao quyền sử dụng đất và xử lý tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 117 Luật THADS”* |  | VKSNDTC  UBND tỉnh Vĩnh Long, Kiên Giang, Lạng Sơn |
|  |  | **Điều 118. Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ buộc thực hiện công việc nhất định** | - Khoản 1 quy định: *“Trường hợp thi hành nghĩa vụ phải thực hiện công việc nhất định theo bản án, quyết định mà người phải thi hành án không thực hiện thì Chấp hành viên quyết định phạt tiền và ấn định thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định phạt tiền để người đó thực hiện”* . Trong khi đó, theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 64 và điểm b khoản 3 Điều 85 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì hành vi “Không thực hiện công việc phải làm, không chấm dứt thực hiện công việc không được làm theo bản án, quyết định” sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp này là của Cục trưởng Cục THADS, Trưởng phòng Phòng thi hành án cấp quân khu (không thuộc thẩm quyền của Chấp hành viên) | Cần quy định thẩm quyền cho phù hợp |  | VKSNDTC |
|  |  |  | - Khoản 2 quy định: “*Hết thời hạn đã ấn định mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án mà công việc đó có thể giao cho người khác thực hiện thay thì Chấp hành viên giao cho người có điều kiện thực hiện; chi phí thực hiện do người phải thi hành án chịu. Trường hợp công việc đó phải do chính người phải thi hành án thực hiện thì Chấp hành viên đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án”*.  Luật THADS và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có quy định cụ thể về các loại văn bản cần phải chuyển giao cho cơ quan Công an trong quá trình đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự. Dẫn đến việc áp dụng pháp luật tại mỗi nơi lại khác nhau. Trên thực tế, việc đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án đối với người phải thi hành án vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Chấp hành viên phải thực hiện rất nhiều thủ tục để lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa chắc được cơ quan Công an, VKSND cùng cấp thống nhất giải quyết. | Cần có hướng dẫn cụ thể hơn về thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phải thi hành án trong những trường hợp này (các loại văn bản mà cơ quan THADS cần chuyển giao đến cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự) để các cơ quan THADS thống nhất thực hiện trong việc thi hành án cưỡng chế buộc thực hiện công việc nhất định nói riêng và các việc thi hành án liên quan đến truy cứu trách nhiệm hình sự nói chung. | Liên quan đến BLHS | UBND tỉnh Bắc Giang |
|  |  | **Điều 119. Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ không được thực hiện công việc nhất định** | Theo quy định “*Người phải thi hành án không tự nguyện chấm dứt việc thực hiện công việc mà theo bản án, quyết định không được thực hiện thì Chấp hành viên ra quyết định phạt tiền đối với người đó, trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu họ khôi phục hiện trạng ban đầu…*”. Trong khi đó, theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 64 và điểm b khoản 3 Điều 85 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì hành vi “Không thực hiện công việc phải làm, không chấm dứt thực hiện công việc không được làm theo bản án, quyết định” sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp này là của Cục trưởng Cục THADS, Trưởng phòng Phòng thi hành án cấp quân khu (không thuộc thẩm quyền của Chấp hành viên). | Cần quy định thẩm quyền cho phù hợp |  |  |
|  |  | **Điều 124. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước** | Khoản 1 quy định: “...*trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, cơ quan THADS phải thông báo bằng văn bản và tiến hành giao vật chứng, tài sản tạm giữ đó cho cơ quan tài chính cùng cấp*”. Thực tế có trường hợp bản án tuyên tịch thu ½ giá trị tài sản và trả lại ½ giá trị tài sản thì Luật không quy định cơ quan thi hành án xử lý ½ giá trị trước hay là giao cho Sở Tài chính xử lý tài sản dẫn đến việc các Chấp hành viên áp dụng không thống nhất. | Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định cụ thể về cách thức trình tự, thực hiện |  | UBND tỉnh Hà Tĩnh, Bắc Giang |
|  |  | **Điều 125. Tiêu hủy vật chứng, tài sản** | Khoản 1 quy định: Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan THADS phải ra quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản thuộc diện tiêu hủy theo Bản án, quyết định, trừ trường hợp pháp luật có quy định phải tiêu hủy ngay.  Trong công tác thi hành án nếu trong tháng chỉ có một hoặc một vài vật chứng, tài sản phải tiêu hủy (ví dụ: 01 bì niêm phong về ma túy) mà phải thành lập một Hội đồng tiêu hủy vật chứng thì rất tốn kém về thời gian, kinh phí, nhân lực. | Do vậy nếu quy định tiêu hủy vật chứng theo quý hoặc quy định về số lượng vật chứng, tài sản nhất định cho một lần tiêu hủy thì sẽ phù hợp hơn. |  | UBND tỉnh Bắc Giang, VKSNDTC |
|  |  | Khoản 2 quy định Hội đồng tiêu hủy vật chứng gồm cơ quan tài chính cùng cấp là chưa phù hợp với Điều 106 BLTTHS 2015 vì vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được thì bị tịch thu và tiêu hủy. Việc quy định bao gồm cơ quan tài chính là không cần thiết | Quy định rõ ràng | Liên quan BLTTHS | UBND tỉnh Khánh Hòa |
|  |  |  | Ngoài vật chứng, bản án cũng thường tuyên tiêu hủy cả tài sản không phải là vật chứng không còn giá trị | Đề nghị sửa tên điều “*Trình tự, thủ tục tiêu hủy vật chứng, tài sản”* | Vụ Nghiệp vụ 2 |  |
|  |  | **Điều 126. Trả lại tiền, tài sản tạm giữ cho đương sự** | Có nhiều trường hợp người phải thi hành án phải thi hành khoản án phí và được nhận lại tài sản là giấy tờ (như chứng minh nhân dân, điện thoại di động…), nhưng do người phải thi hành án đang chấp hành án phạt tù, thân nhân của họ tự nguyện đến nộp tiền thay và đề nghị được nhận lại giấy tờ, tài sản đó. Để có được giấy ủy quyền để trả tài sản cho người nhận ủy quyền rất khó khăn | Đề nghị quy định đối với trường hợp này cơ quan THADS sau khi kiểm tra căn cước, giấy tờ tùy thân, đối chiếu với phần lý lịch ghi trong bản án, nếu đúng là thân nhân của người phải thi hành án thì tiến hành thu tiền và làm thủ tục trả giấy tờ, tài sản được nhận lại cho gia đình. |  |  |
|  |  | Khoản 1 | Khoản 1 quy định “Thủ trưởng cơ quan THADS ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ trong trường hợp bản án, quyết định tuyên trả lại tài sản cho đương sư..”. Như vậy, quy định này chỉ điều chỉnh trong trường hợp Bản án, quyết định tuyên trả lại cho đương sự. Còn trường hợp Bản án, quyết định tuyên tạm giữ để bảo đảm thi hành án sẽ không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 vì *“tuyên trả”* và *“tuyên tạm giữ”* hoàn toàn khác nhau, không thể áp dụng Khoản 1 để ra quyết định được. | Quy định cụ thể |  | UBND tỉnh Ninh Thuận |
|  |  |  | Khoản 1: Khi nhận được bản án do Tòa án chuyển giao, Thủ trưởng cơ quan THADS đã phải ra quyết định thi hành án cho thi hành những khoản trả lại tiền, tài sản tạm giữ tuyên trong bản án nên việc “Thủ trưởng cơ quan THADS ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ trong trường hợp bản án, quyết định tuyên trả lại tài sản cho đương sự” là không cần thiết | Đề nghị bãi bỏ nội dung này tại Điều 126 |  | UBND tỉnh Bình Phước |
|  |  | Khoản 3 | Khoản 3 quy định *“Đối với giấy tờ liên quan đến* *tài sản, nhân thân của đương sự thì hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo nếu đương sự không đến nhận, Chấp hành viên làm thủ tục chuyển giao cho cơ* *quan đã ban hành giấy tờ đó xử lý theo quy định”*. Quy định như trên khiến hồ sơ tồn đọng, kéo dài, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của Chấp hành viên và cơ quan THADS do nhiều đương sự được trả lại giấy tờ tùy thân có nơi đăng ký hộ khẩu, chỗ ở tại địa phương khác, cơ quan THADS thông báo nhiều lần nhưng đương sự không đến nhận mà không có lý do chính đáng. | Quy định cụ thể hơn đối với việc thông báo trả lại giấy tờ tùy thân đã hết thời hạn sử dụng, không còn giá trị sử dụng hoặc giá trị nhỏ nhưng đương sự không đến nhận lại tài sản; quy định về việc trả lại tài sản tạm giữ của người nước ngoài. |  | UBND tỉnh Lạng Sơn, UBND tỉnh Bình Dương |
|  |  |  | Chưa quy định việc trả lại tiền tài sản cho đương sự khi người phải thi hành án thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án. Vì đây là một trường hợp khác của trả lại tài sản tạm giữ cho đương sự, ngoài trường hợp trả lại tài sản tạm giữ được tuyên trong bản án. | Đề nghị bổ sung thêm “6.Trường hợp trả lại tài sản tạm giữ được bản án, quyết định tuyên để đảm bảo thi hành án do người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án, Chấp hành viên thông báo cho người phải thi hành án nhận lại tài sản và lập biên bản về việc trả lại tài sản tạm giữ cho đương sự”. |  | Vụ Nghiệp vụ 2 |
|  |  | **Điều 130. Thủ tục thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời** | Chưa xác định đúng bản chất của biện pháp bảo đảm thi hành án là biện pháp có tính chất khẩn cấp và tạm thời; | Xác định đúng bản chất của các biện pháp khẩn cấp tạm thời và xác định Chấp hành viên chỉ áp dụng các biện pháp này theo yêu cầu của đương sự, chỉ chủ động áp dụng trong một số trường hợp nhất định . Xác định đúng bản chất biện pháp cưỡng chế kê biên theo quy định hiện hành chuyển thành biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo tương thích, đồng bộ với Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, bổ sung một số biện pháp khẩn cấp tạm thời khác[[8]](#footnote-8)*;* bổ sung một số các quy định liên quan đến việc thay đổi nêu trên[[9]](#footnote-9). |  |  |
|  |  | **Điều 137.** **Tạm đình chỉ, đình chỉ và khôi phục thi hành án đối với người phải thi hành án là doanh nghiệp, hợp tác xã bị lâm vào tình trạng phá sản** | Chưa có quy định ràng buộc trách nhiệm của Tòa án trong việc thông báo thụ lý yêu cầu tuyên bố phá sản.  Theo quy định tại Điều 49, Điều 50 của Luật THADS thì việc tạm đình chỉ hoặc đình chỉ thi hành án phụ thuộc vào việc cơ quan THADS nhận được thông báo thụ lý yêu cầu mở thủ tục phá sản và quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Phá sản thì: *“Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đơn, Tòa án nhân dân phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản,* *doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, các cơ quan, tổ chức đang* *giải quyết vụ việc liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh* *toán do các bên cung cấp và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp về việc thụ lý đơn* *yêu cầu mở thủ tục phá sản.* *Trường hợp người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là người đại diện* *theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thì Tòa án* *nhân dân phải thông báo cho các chủ nợ do doanh nghiệp, hợp tác xã cung cấp”* *(Điều 40).* Như vậy, quy định nêu trên, chưa quy định cụ thể trách nhiệm của Tòa án trong việc gửi thông báo thụ lý yêu cầu mở thủ tục phá sản cho cơ quan THADS, do đó cơ quan THADS lâm vào tình thế bị động khi xử lý vụ việc liên quan đến phá sản; việc tiếp nhận thông tin về Thông báo thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố phá sản chủ yếu phụ thuộc vào việc cung cấp của đương sự. Trên thực tế, quá trình đôn đốc, tổ chức THA, doanh nghiệp cố tình không cung cấp Thông báo thụ lý yêu cầu tuyên bố phá sản, đến khi cơ quan THADS chuẩn bị các thủ tục áp dụng biện pháp cưỡng chế, kê biên tài sản thì lúc đó doanh nghiệp mới xuất trình Thông báo thụ lý yêu cầu mở thủ tục phá sản (vụ Công ty cổ phần Đại Cường). Việc chậm được tiếp cận, nắm bắt thông tin về doanh nghiệp làm thủ tục tuyên bố phá sản đã gây tốn kém thời gian, công sức của Chấp hành viên | Quy định trường hợp này | Liên quan đến Luật Phá sản | UBND tỉnh Hải Dương |
|  |  |  | Theo khoản 2, Điều 49; khoản 1, Điều 137 Luật THADS thì Thủ trưởng cơ quan THADS phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án khi nhận được Thông báo của Tòa án về việc đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với người phải thi hành án. Như vậy, quy định trên thì cơ quan thi hành án dân sự phải tạm đình chỉ thi hành tài sản của người thứ ba mà bên được bảo đảm là doanh nghiệp, hợp tác xã đã bị Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và đang trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản. Trong khi đó, Luật THADS và Luật đấu giá tài sản hiện hành quy định rất cụ thể về việc quyền của người mua tài sản đấu giá. Điều 103 Luật THADS quy định bảo vệ quyền của người mua tài sản đấu giá. Điều 7 Luật Đấu giá tài sản năm 2017 quy định bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá ngay tình: “Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm bảo đảm việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá ngay tình.” Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP cũng quy định rất rõ về việc đảm bảo thời hạn giao tài sản cho người mua được tài sản, trừ trường hợp bất khả kháng. Như vậy, có sự bất cập, xung đột trong các quy định của pháp luật về việc xử lý tài sản của bên thứ ba trong quá trình Tòa án Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và đang trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản. Tại khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định: “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”. | Cân nhắc để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người mua trúng đấu giá thì quy định theo hướng phải áp dụng Luật đấu giá tài sản năm 2015 |  | UBND tỉnh Hải Dương |
|  |  |  | Trường hợp Quản tài viên đã ký hợp đồng đấu giá với tổ chức đấu giá hoặc đã bán đấu giá thành trước thời điểm có quyết định tuyên bố phá sản thì Quản tài viên có tiếp tục thực hiện hay không, vấn đề này chưa được pháp luật quy định, hoặc xử lý như thế nào trong trường hợp sau khi có quyết định tuyên bố phá sản mà quản tài viên vẫn tiếp tục ký hợp đồng đấu giá với tổ chức đấu giá và tổ chức bán đấu giá. | Quy định trường hợp này | UBND tỉnh Bình Dương |  |
| **KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ CÁC NỘI DUNG KHÁC** | | | | | | |
|  |  | **Điều 145. Quyền và nghĩa vụ của người có thẩm quyền khiếu nại** | Điểm b quy định về quyền và nghĩa vụ của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nạicó quyền: *“Tạm dừng việc thực hiện quyết định, hành vi bị* *khiếu nại hoặc yêu cầu cơ quan THADS tạm ngừng việc thi hành án trong thời hạn giải quyết khiếu* *nại theo quy định của Luật này, nếu xét thấy việc thi hành án sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của* *đương sự hoặc ảnh hưởng đến việc giải quyết khiếu nại”.*  Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về việc “Tạm dừng việc thực hiện quyết định, hành vi bị khiếu nại”, “tạm ngừng việc thi hành án” bằng hình thức Thông báo, Quyết định hoặc hình thức văn bản nào khác. | Quy định cụ thể về hình thức văn bản trong trường hợp “Tạm dừng việc thực hiện quyết định, hành vi bị khiếu nại”, “tạm ngừng việc thi hành án”. |  | UBND tỉnh Lạng Sơn, Đà Nẵng |
|  |  | **Điều 148. Thụ lý đơn khiếu nại** | Về Thụ lý đơn khiếu nại quy định:*“Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 141 của Luật này, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý để giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết. Trường hợp người có thẩm quyền không thụ lý đơn khiếu nại để giải quyết thì phải thông báo và nêu rõ lý do”.*  + Không ít trường hợp đương sự lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để cố tình trì hoãn việc thi hành án, dẫn đến khiếu nại, tố cáo kéo dài, không thể xử lý dứt điểm. Tuy nhiên, thực tế hiện nay chưa có quy định cụ thể về xử lý trách nhiệm cố tình lợi dụng quyền này để khiếu nại, tố cáo gây khó khăn trong giải quyết thi hành án.  + Điều 27 Luật Khiếu nại quy định thời hạn thụ lý giải quyết là 10 ngày, chưa thống nhất giữa Luật Khiếu nại và Luật THADS | Quy định cụ thể để hạn chế việc đương sự lợi dụng khiếu nại, tố cáo  Đề nghị sửa đổi Luật THADS để quy định thời hạn thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu là 10 ngày kể từ ngày nhận đơn cho phù hợp với thời hạn quy định của Luật Khiếu nại. | Liên quan đến Luật Khiếu nại. | UBND tỉnh Bắc Giang  UBND tỉnh Lâm Đồng |
|  |  | Chấm dứt việc khiếu nại | Theo quy định, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có quyền xem xét lại các quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, chưa quy định thời hạn xem xét lại dẫn đến các đương sự lợi dụng và liên tục yêu cầu xem xét lại các quyết định này sau khi các quyết định đã có hiệu lực pháp luật trong thời gian rất dài (có việc hơn 10 năm). | Cần có chính sách rõ ràng để chấm dứt việc giải quyết khiếu nại và thời hạn xem xét lại các quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật. |  |  |
|  |  | **Điều 154. Người có quyền tố cáo** | Luật Tố cáo quy định người tố cáo rút toàn bộ nội dung tố cáo thì mới ra quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo. Luật THADS chưa quy định nội dung này. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư 02 thì trường hợp người tố cáo xin rút một phần hoặc toàn bộ nội dung tố cáo và xét thấy việc rút tố cáo là có căn cứ thì người giải quyết tố cáo ra quyết định đình chỉ đối với nội dung tố cáo đó. | Cần bổ sung quy định để thống nhất với Luật tố cáo | Liên quan đến Luật tố cáo | UBND tỉnh Bắc Giang |
|  |  |  | Điều 154 Luật THADS quy định người có quyền tố cáo là *“Công dân có quyền* *tố cáo...”*; | Đề nghị sửa thành: *“Cá nhân có quyền tố cáo...”* để phù hợp với quy định của Luật Tố cáo năm 2018 quy định chủ thể có quyền tố cáo là “cá nhân”. | Liên quan đến Luật tố cáo | UBND tỉnh Lạng Sơn |
|  |  |  | Luật THADS quy định thủ tục thông báo văn bản, quyết định cho các bên đương sự chặt chẽ với nhiều thủ tục phải thông báo với thời gian rất ngắn, quy định chung tất cả các trường hợp kể cả cho đương sự ở nước ngoài là chưa phù hợp vì thời gian thực hiện ủy thác tư pháp một văn bản đã hơn 6 tháng, tất cả các thời gian thông báo cho phù hợp với trình tự thi hành án đều không đáp ứng được, ví dụ: Thông báo kết quả thẩm định giá để đương sự có quyền đồng ý hoặc yêu cầu định giá lại, ủy thác tư pháp hết 6 tháng thì chứng thư cũng không còn giá trị… | Cần quy định riêng việc thông báo cho người ở nước ngoài, không quy định chung như tất cả các trường hợp trong nước. |  |  |
|  |  | **Điều 157. Thẩm quyền, thời hạn và thủ tục giải quyết khiếu nại tố cáo** | Theo khoản 2 Điều 13 Luật THADS, cơ quan THADS chỉ có ở cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương; trong khi Tổng cục trưởng THADS thuộc Bộ Tư pháp, Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo về THADS theo quy định tại Điều 142 và Điều 157 Luật THADS. Mà theo khoản 1 Điều 13 Luật THADS thì các cơ quan này thuộc cơ quan quản lý THADS, không phải là cơ quan THADS.  Do đó, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các quan quản lý THADS có thuộc đối tượng kiểm sát của VKSND không, VKSND tối cao và Viểm sát Quân sự Trung ương có thẩm quyền trực tiếp kiểm sát không còn chưa được quy định cụ thể. | Cần quy định bổ sung theo hướng: cơ quan THADS có ở cấp tỉnh, cấp huyện và bộ phận GQKN, TC về THADS thuộc Tổng cục THADS, Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng |  | VKSNDTC |
|  |  | **Điều 160. Quyền kháng nghị của Viện kiểm sát** | Hiện nay chưa có quy định trách nhiệm đối với kết quả kiểm sát của Viện kiểm sát (đối với vụ việc, kiểm sát toàn diện, kiểm sát theo chuyên đề) khi kết quả đó không chính xác gây ảnh hưởng trong quá trình tổ chức thi hành án. | Cần quy định trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc ban hành các kháng nghị, kiến nghị. |  | UBND tỉnh Long An |
|  |  | **Điều 163. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính** | Khoản 5 Điều 49 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định thẩm quyền của Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng về xử phạt vi phạm hành chính trong THADS, tuy nhiên Luật THADS chưa quy định nội dung này | Bổ sung quy định thẩm quyền của Cục trưởng Cục THA Bộ Quốc phòng về xử phạt vi phạm hành chính trong THADS |  | Bộ Quốc Phòng |
|  |  |  | Luật THADS và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản có liên quan đã quy định tương đối đầy đủ trình tự, thủ tục về xử lý vi phạm trong THADS. Khó khăn vướng mắc trong xử lý vi phạm trong THADS là có rất nhiều hành vi vi phạm hành chính được quy định nhưng mức xử phạt vi phạm hành chính bằng tiền của Chấp hành viên, Cơ quan THADS cấp huyện rất thấp, trên thực tế thi hành án không thể ra quyết định xử phạt mà phải lập hồ sơ đề nghị Cục trưởng xử phạt. | Nghiên cứu nâng mức xử phạt tiền của Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS cấp huyện |  | UBND tỉnh Sơn La |
|  |  | **Điều 170. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong THADS** | Việc nhận thức cơ quan Tòa án là cơ quan phối hợp trong THADS là chưa phù hợp, bởi lẽ, trong hoạt động tổ chức THADS, nhiều khâu, bước trong trình tự, thủ tục bắt buộc phải có ý kiến của Tòa án nhân dân như: xét miễn, giảm thi hành án, giải quyết hậu quả thi hành án khi xem xét lại bản án theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã xuất hiện vướng mắc:  Chưa có biện pháp giải quyết khi Tòa án các cấp chưa kịp thời chuyển giao bản án, quyết định; chưa kịp thời trả lời hoặc không trả lời theo đề nghị của cơ quan THADS (*về giải thích bản án trong trường hợp án tuyên không rõ, khó thi hành; xem xét lại bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm hoặc khi xét xử lại không xử lý toàn diện kết quả thi hành án trước đó*); chậm hoặc không thụ lý, giải quyết yêu cầu của đương sự, Chấp hành viên dẫn đến nhiều vụ việc không thể tổ chức thi hành án được.  Đồng thời, nhiều vụ việc còn tình trạng án tuyên không rõ, khó thi hành, vẫn còn tỉ lệ nhất định các bản án đã có hiệu lực bị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm ảnh hưởng đến quá trình tổ chức thi hành án. | - Xác định lại vị trí, vai trò của Tòa án nhân dân là một trong những cơ quan trực tiếp có liên quan đến hoạt động THADS mà không phải cơ quan phối hợp.  - Quy định cơ chế giải quyết trong trường hợp hết thời hạn theo quy định mà Tòa án chưa có văn bản giải thích, sửa chữa bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành [[10]](#footnote-10); chưa xem xét lại bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm hoặc khi xét xử lại không xử lý toàn diện kết quả thi hành án trước đó.  - Bổ sung quy định về thời hạn kháng nghị của người có thẩm quyền xem xét lại bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với trường hợp cơ quan THADS đề nghị[[11]](#footnote-11). Bởi lẽ, với quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp, gần hết thời hiệu đương sự mới yêu cầu thi hành án, khi thụ lý, ra quyết định thi hành án thì cơ quan THADS mới phát hiện ra những căn cứ để đề nghị xem xét lại bản án, quyết định thì đã quá thời hạn kháng nghị. |  |  |
|  |  | **Điều 171. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong THADS** | - Nhận thức cơ quan Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan phối hợp trong THADS là chưa phù hợp;  - Chưa quy định rõ về trách nhiệm của kiểm sát viên trong THADS, nhất là trách nhiệm khi đã kiểm sát việc tổ chức thi hành án nhưng không phát hiện được vi phạm[[12]](#footnote-12) và thời hạn trả lời kiến nghị của VKSND đối với Cơ quan THADS, Tòa án, Cơ quan hữu quan khác dẫn đến việc trả lời kiến nghị bị kéo dài thời gian, thậm chí không trả lời kiến nghị; | - Quy định trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân khi kiểm sát hoạt động THADS, nhất là đối với những hồ sơ đã được kiểm sát hoặc đối với những tác nghiệp của Chấp hành viên, cơ quan THADS đã có sự tham gia của Viện kiểm sát nhưng sau đó lại phát hiện có thiếu sót, vi phạm.  - Quy định thời hạn Viện kiểm sát có ý kiến trở lại đối với các quyết định về thi hành án mà cơ quan THADS đã gửi cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 38 Luật THADS |  |  |
|  |  |  | - Chưa có quy định về việc cho ý kiến của Viện kiểm sát đối với một số quyết định quan trọng của Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành; | - Quy định về việc cho ý kiến (thời hạn, nội dung…) của Viện kiểm sát nhân dân đối với một số quyết định quan trọng của Chấp hành viên (như: quyết định cưỡng chế, bán tài sản, tổ chức cưỡng chế có huy động lực lượng…) và chịu trách nhiệm cùng cơ quan THADS đối với việc ban hành và thực hiện các quyết định đó. |  |  |
|  |  |  | - Phạm vi kiểm sát của VKSND trong việc thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thi hành án, kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong THADS chưa được quy định rõ ràng (còn có ý kiến khác nhau); | Xác định rõ phạm vi được kiểm sát đối với Tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá khi thực hiện việc thẩm định và bán đấu giá tài sản THA[[13]](#footnote-13). |  |  |
|  |  |  | Còn thiếu các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, kiểm sát viên để phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Trong khi đó, Bộ luật tố tụng dân sự đều quy định rõ trách nhiệm thẩm quyền của Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình thực thi hoạt động tư pháp, dẫn đến việc thực hiện không đầy đủ. | Quy định bổ sung |  |  |
|  |  |  | - Chưa quy định trách nhiệm của VKSND tối cao trong việc trả lời các kiến nghị đề nghị kháng nghị bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm | Quy định bổ sung |  |  |
|  |  | **Điều 175. Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã** | Hiện nay đã quy định trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc phối hợp với Chấp hành viên và cơ quan THADS. Tuy nhiên, chưa quy định rõ ràng mà mang tính chất chung chung | Nghiên cứu bổ sung quy định, nhiệm vụ quyền hạn của UBND cấp xã trong THADS theo hướng tăng cường, quy định rõ hơn.  Đồng thời tiến tới, chuyển giao cho UBND cấp xã trực tiếp đôn đốc thi hành các vụ việc có giá trị nhỏ về án phí, khấu trừ thu nhập, cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng...nhằm giảm tải một phần công việc cho cơ quan THADS |  | UBND tỉnh Tây Ninh UBND tỉnh Nghệ An |
|  |  | **Về thi hành quyết định giám đốc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án** | - Trên cơ sở thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm theo Bộ luật TTDS năm 2004, Luật THADS chỉ mới quy định về thi hành quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên giữ nguyên bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (tại Điều 135); tuyên giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị hủy, bị sửa (tại Điều 135); tuyên hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử lại, tuyên hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án (tại Điều 136). Đến nay, thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm trong việc sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã được bổ sung tại Điều 343 Bộ luật TTDS năm 2015 nhưng Luật THADS chưa có quy định. | - Đề nghị bổ sung quy định về việc thi hành quyết định giám đốc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án theo hướng: Trong trường hợp này, do việc thi hành án đang bị tạm đình chỉ nên cơ quan THADS cần áp dụng tương tự Điều 49 Luật THADS để ra quyết định tiếp tục thi hành án. Đồng thời, áp dụng tương tự Điều 37 Luật THADS để ra quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án đã ban hành phù hợp với nội dung quyết định mới và kết quả giải quyết hậu quả của việc thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 347 Bộ luật TTDS năm 2015 “trường hợp bản án, quyết định của Tòa án đã thi hành được một phần hoặc toàn bộ thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phải giải quyết hậu quả của việc thi hành án”. | Liên quan đến Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 | UBND tỉnh Bắc Giang; Khánh Hòa, Bình Phước, Lạng Sơn |
|  |  | **Thi hành đối với các vụ án kinh tế, tham nhũng** | Pháp luật THADS hiện nay chưa có quy định về quy trình, thủ tục riêng để thi hành án đối với các vụ án kinh tế, tham nhũng. Đối với các khoản thi hành án cho Nhà nước nhất là đối với các vụ án kinh tế, tham nhũng:  - Đối tượng phải thi hành án chủ thể đặc biệt, có chức vụ, quyền hạn và có trình độ; đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp nên việc xác minh điều kiện về tài sản (trong và ngoài nước), xác định tài sản chung/riêng[[14]](#footnote-14) và áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế là rất khó khăn;  - Việc thi hành án đối với một số loại tài sản đặc thù trong các vụ án tham nhũng, kinh tế như cổ phần, cổ phiếu, phần vốn góp, tài sản là quyền sở hữu trí tuệ, tài sản hình thành trong tương lai chưa được quy định đầy đủ;  -Chưa xác định chủ thể đại diện cho nhà nước để thực hiện các “*quyền của người được thi hành án*” theo quy định của Luật THADS.  - Thẩm quyền của cơ quan THADS, CHV trong quá trình THADS còn hạn chế, đặc biệt là trong việc truy tìm tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát, đồng thời còn phụ thuộc vào nhiều kết quả của quá trinh tố tụng trước đó. | Cần xây dựng một chương riêng quy định cho loại án trên | Quy định đặc thù | VKSNDTC UBND tỉnh Vĩnh Long, Điện Biên, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Giang, Thái Nguyên, Tiền Giang; UBND tỉnh Quảng Ngãi  Và rất nhiều cơ quan THADS. |
|  |  | **Thi hành án có yếu tố nước ngoài** | Chưa có quy định riêng về việc thi hành án có yếu tố nước ngoài. Trong khi việc mở cửa, hội nhập của Việt Nam với các nước khác trên thế giới đang ngày càng được tăng cường dẫn đến loại việc liên quan đến yếu tố nước ngoài phát sinh ngày càng nhiều; tuy nhiên, chưa có quy định đầy đủ về trình tự, thủ tục để tổ chức thi hành.  - Hiện nay, việc tổ chức thi hành đối với loại việc này mới chỉ có quy định tại Điều 181 Luật THADS dẫn đến còn khó khăn, lúng túng nên việc tổ chức thi hành các loại việc này chưa đạt hiệu quả, cụ thể: Nếu áp dụng theo quy định về thi hành án hiện hành về việc thông báo, tống đạt các văn bản về THADS và những quy định của pháp luật về việc thực hiện ủy thác tư pháp (*theo đó, thời gian tống đạt đối với 01 văn bản thông thường là mất 06 tháng, có những trường hợp đặc biệt thì mất tới 01 năm*) thì thời gian chỉ dùng để thực hiện việc thông báo khoảng 20 văn bản về thi hành án mất 10-20 năm. Đây là khoảng thời gian hoàn toàn bất hợp lý. Đồng thời, chưa xác định rõ “khái niệm” THADS có yếu tố nước ngoài[[15]](#footnote-15); Chưa quy định trách nhiệm cụ thể của cơ quan THADS trong hoạt động tương trợ tư pháp[[16]](#footnote-16); Khó khăn trong việc thi hành nghĩa vụ gắn với nhân thân, tiền, tài sản trong khi đó người phải thi hành án đang ở nước ngoài không có tài sản ở Việt Nam; xác minh địa chỉ, nơi cư trú của đương sự ở nước ngoài *(cơ quan THADS không có thẩm quyền yêu cầu phía nước ngoài cung cấp thông tin về địa chỉ của đương sự ở nước ngoài*)... | -Quy định rõ để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong THA có yếu tố nước ngoài  + Quy định căn cứ xác định thi hành án có yếu tố nước ngoài; thời điểm xác định có yếu tố nước ngoài làm căn cứ xác định thẩm quyền thi hành;  + Quy định rõ việc thông báo thi hành án, căn cứ xác định thông báo hợp lệ trong các trường hợp cụ thể (các đương sự đều đang ở Việt Nam; đương sự là công dân, pháp nhân Việt Nam nhưng đang cư trú hoặc có trụ sở ở nước ngoài; đương sự là cá nhân, pháp nhân nước ngoài và đang cư trú hoặc có trụ sở ở nước ngoài…);  + Quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh trong việc cung cấp thông tin về việc xuất, nhập cảnh của người phải thi hành án; thực hiện Quyết định tạm hoãn xuất cảnh của cơ quan THADS;  + Quy định đặc thù về việc thi hành án chủ động có yếu tố nước ngoài trong trường hợp chi phí ủy thác tư pháp lớn hơn nghĩa vụ phải thi hành.  + Xử lý trường hợp người phải thi hành án đang ở nước ngoài mà không có điều kiện thi hành án ở Việt Nam thì hướng dẫn người được thi hành án thực hiện việc yêu cầu Tòa án nước ngoài công nhận và cho thi hành bản án, quyết định ở nước đó. Trên cơ sở đó, thực hiện việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi hành án của nước ngoài tổ chức thi hành án, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả. |  | UBND tỉnh Bắc Kan, Vĩnh Long, An Giang, thành phố Cần Thơ, Ninh Bình, Nam ĐỊnh, Nghệ An, Kiên Giang, Hà Giang, Hải Dương, Hà Nội, Bạc Liêu, Bạc Liêu, Bắc Giang, Tiền Giang, Bình Thuận.  Và rất nhiều cơ quan THADS. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **NGHỊ ĐỊNH SỐ 62/2015/NĐ-CP (ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2020/NĐ-CP)** | | | | |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 4. Thời hiệu yêu cầu thi hành án** | -Khoản 3 chưa có quy định về việc xác định “sự kiện bất khả kháng” do “dịch bệnh” chẳng hạn như tình hình dịch bệnh Covid 19 trong thời gian vừa qua. Dẫn đến nhiều cơ quan thi hành án, cá nhân, tổ chức lúng túng trong việc thực hiện quy định về thời hiệu yêu cầu thi hành án. | Sửa đổi, bổ sung theo hướng: Do việc áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh đã được Chính phủ công bố dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn” là một trong những trường hợp được xác định là trở ngại khách quan dẫn đến đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn theo quy định. |  |
|  |  |  | Khoản 6 quy định “phạm nhân” là người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân. Theo đó, quy định về ra quyết định thi hành án khi đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án được áp dụng đối với những người đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn, chung thân. Trường hợp đã chấp hành xong hình phạt tù thì không được coi là phạm nhân và không thuộc đối tượng được áp dụng quy định khoản 6 Điều 4 để thực hiện. | Bỏ cụm từ “phạm nhân” thành “người bị kết án”, theo đó sửa đổi, bổ sung lại như sau:  *“Trường hợp ~~phạm nhân~~* ***người bị kết án*** *là người phải thi hành án, thân nhân của họ hoặc người được họ ủy quyền yêu cầu thi hành án thì cơ quan THADS không ra quyết định khôi phục thời hiệu…..được thi hành án đến nhận”.* |  |
|  |  | **Điều 5. Thỏa thuận thi hành án** | Khoản 1 Điều 5 quy định “*Trường hợp đương sự thỏa thuận trước khi yêu cầu thi* *hành án hoặc đã yêu cầu nhưng cơ quan THADS chưa ra quyết định* *thi hành án thì thỏa thuận đó phải lập thành văn bản nêu rõ thời gian, địa điểm,* *nội dung thỏa thuận, có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia thỏa thuận.* *Đương sự có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung thỏa thuận*”. Trường hợp này cơ quan thi hành án chưa ban hành quyết định thi hành án, chưa phát sinh trách nhiệm tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án. | Đề nghị bỏ quy định này. | UBND tỉnh Bắc Giang |
|  |  | **Điều 7. Ra quyết định thi hành án theo yêu cầu** | Điểm c Khoản 4 Điều7quy định việc: *Giao quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản mà tại thời điểm yêu cầu thi hành án, người được thi hành án không được trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản,* đã gâyra khó khăn cho cơ quan thi hành án vì trong bản án, quyết định của Tòa án không tuyên người giao tài sản, tức là không có người phải thi hành án, khi ra quyết định thi hành án không có người phải thi hành án. | Đề nghị sửa đổi, bổ sung |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 9. Xác minh điều kiện thi hành án** | Để đảm bảo tính đồng bộ trong việc sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sau khi cơ sở dữ liệu THADS được đồng bộ hóa, cần nghiên cứu có quy định về các biện pháp xác minh thông qua cơ sở dữ liệu điện tử và quyền truy cập đối với các nguồn cơ sở dữ liệu khác của Chấp hành viên/ cơ quan THADS trong việc xác minh điều kiện thi hành án. | Bổ sung quy định về các biện pháp xác minh thông qua cơ sở dữ liệu điện tử và quyền truy cập đối với các nguồn cơ sở dữ liệu khác của Chấp hành viên/cơ quan THADS trong việc xác minh điều kiện thi hành án. |  |
|  |  |  | -Tại đoạn 3, khoản 4 Điều 9 quy định: *“Sau khi có quyết về việc chưa có điều kiện thi hành án, nếu người phải thi hành án có điều kiện thi hành án trở lại thì cơ quan THADS ra quyết định tiếp tục thi hành án”.*  Quá trình thực hiện có khó khăn sau:  *-* Trường hợpngười phải thi hành án nộp toàn bộ số tiền theo quyết định thi hành án thì việc ra quyết định tiếp tục thi hành án và thu số tiền này thì sẽ xong hồ sơ, không còn phải tổ chức thi hành án nữa.  *-* Trường hợp người phải thi hành án chỉ nộp một phần tiền theo quyết định thi hành án, mà theo quy định nêu trên thì cơ quan thi hành án phải ra quyết định tiếp tục thi hành án đối với toàn bộ số tiền phải thi hành theo quyết định, sau khi thu tiền thì lại phải tiếp tục xác minh điều kiện thi hành án để ra quyết định chưa có điều kiện thi hành án đối với số tiền còn lại. Như vậy thì rất mất thời gian, công sức của cơ quan thi hành án, hơn nữa việc ra quyết định tiếp tục như vậy không phản ánh đúng bản chất của vụ việc. Người phải thi hành án đã đi tù và được xác định là chưa có điều kiện thi hành án thì làm gì có tài sản, thu nhập để thi hành án. Việc họ nộp tiền thi hành án là do người thân cho để có cơ sở giảm hình phạt tù chứ bản chất họ không có tiền để nộp. | Sửa đổi, bổ sung theo hướng: *Sau khi có quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án, nếu người phải thi hành án có điều kiện thi hành án một phần thì cơ quan THADS ra quyết định tiếp tục đối với phần có điều kiện, đồng thời ra quyết định thu hồi một phần quyết định chưa có điều kiện trước đó* |  |
|  |  |  | - Khoản 5, 6 Điều 9 quy định những trường hợp người phải THA chưa có điều kiện THA, sau 02 lần xác minh vẫn chưa có điều kiện thi hành thì Cơ quan THADS chuyển những người đó sang sổ theo dõi riêng. Việc xác minh lại được tiến hành khi có thông tin mới về điều kiện THA của người phải THA. Theo đó, việc xác minh lại khi có *“thông tin mới”* về điều kiện của người phải THA; trong trường hợp này, pháp luật về THADS chưa quy định trách nhiệm cung cấp *“thông tin mới”* về điều kiện của người phải THA thuộc về ai? (Chấp hành viên, người được thi hành án hay người phải thi hành án…). | Quy định cụ thể | UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 11. Công khai thông tin của người phải thi hành án** | khoản 2 Điều 44a Luật THADS và khoản 1 Điều 11 Nghị định, Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án do Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết.  Tuy nhiên, Luật chưa có quy định Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi niêm yết phải gửi biên bản cho cơ quan THADS. Do đó hồ sơ thi hành án không có thủ tục thể hiện đã niêm yết quyết định về việc chưa có điều kiện. Việc này gây khó khăn cho cơ quan THADS trong việc xác định thời gian niêm yết công khai đối với việc chưa có điều kiện thi hành án | Sửa đổi, bổ sung theo hướng Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi niêm yết phải gửi biên bản cho cơ quan THADS để lưu hồ sơ theo quy định |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 12. Thông báo về thi hành án** | Chưa có quy định thông báo qua môi trường mạng nếu đương sự đề nghị | Bổ sung hình thức thông báo qua môi trường mạng nếu đương sự đề nghị |  |
|  |  |  | Chưa có quy định hướng dẫn cụ thể “văn bản khác…” là những loại văn bản nào cơ quan THADS phải thực hiện việc thông báo cho đương sự, người có nghĩa vụ quyền lợi liên quan. | Cần phải có các quy định hướng dẫn cụ thể “văn bản khác…” là những loại văn bản nào cơ quan THADS phải thực hiện việc thông báo cho đương sự, người có nghĩa vụ quyền lợi liên quan. |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 14. Hoãn thi hành án**  **Khoản 2 Điều 14** | Điểm d khoản 1 Điều 48 Luật THADS quy định Thủ trưởng cơ quan THADS ra quyết định hoãn thi hành án trong trường hợp “tài sản để thi hành án đã được Tòa án thụ lý để giải quyết theo quy định tại Điều 74 và 75 của Luật này”. Đây là quy định nhằm đảm bảo Chấp hành viên xử lý đúng tài sản của người phải thi hành án và hạn chế các hậu quả có thể xảy ra khi “xử lý nhầm” tài sản của người khác. Do đó, cần làm rõ quy định này và xác định 02 trường hợp “có tranh chấp nhưng không hoãn thi hành án”, cụ thể:  *Thứ nhất*, đối với các tranh chấp không phải tranh chấp về quyền sở hữu tài sản (ví dụ như tranh chấp tiền thuê tài sản; tiền công bảo quản, xây dựng, tu bổ tài sản…) thì không làm ảnh hưởng đến quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án nên về nguyên tắc không ảnh hưởng đến việc xử lý tài sản.  Về nguyên tắc, theo quy định của Luật THADS, trước khi kê biên tài sản, Chấp hành viên có trách nhiệm xác minh, làm rõ và chỉ kê biên tài sản để đảm bảo việc thi hành án khi có căn cứ xác định tài sản sẽ kê biên là của người phải thi hành án. Vì vậy, “tranh chấp” trong 2 trường hợp trên được hiểu là tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu tài sản (quyền chiếm hữu, sử dụng hoặc định đoạt theo quy định của Bộ luật Dân sự). Các tranh chấp không liên quan đến quyền sở hữu tài sản thì không có căn cứ để hoãn thi hành án.  *Thứ hai,* trường hợp xử lý tài sản bảo đảm đã được tuyên rõ trong bản án, quyết định đang có hiệu lực pháp luật. Lý do:  Theo quy định của Hiến pháp thì “*Bản án, quyết định của Toà án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*”. Do đó, trừ trường hợp nội dung “xử lý tài sản bảo đảm” bị hủy, sửa theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì về nguyên tắc, nội dung này phải được tổ chức thi hành. Trường hợp có bản án, quyết định khác của Tòa án tuyên/xác định lại quyền sở hữu đối với tài sản bảo đảm mà nội dung này đã được tuyên xử lý trong bản án trước đó thì nội dung này phải được Tòa án giải quyết. | Bổ sung quy định không ra quyết định hoãn thi hành án theo quy định tại điểm d Điều 48 Luật THADS đối với trường hợp tranh chấp không phải tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và trường hợp xử lý tài sản bảo đảm đã được tuyên rõ trong bản án, quyết định đang có hiệu lực pháp luật. |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 15. Chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án** |  | Bổ sung hướng dẫn làm rõ hơn việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ trường hợp đương sự thỏa thuận, ra quyết định thu hồi chuyển giao (trường hợp người được chuyển giao là người phải thi hành án để áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án). |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 24. Kê biên tài sản để thi hành án** | Quy định tại điểm c khoản 2 Điều Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 74 Luật THADS có những điểm chưa đồng bộ, vướng mắc trong quá trình thực hiện. | Bãi bỏ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định |  |
|  |  |  | Về xử lý đối với tài sản của người phải thi hành án chuyển dịch sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà không sử dụng toàn bộ khoản tiền thu được từ giao dịch đó để thi hành án. Nội dung này Luật THADS chưa quy định cụ thể, mà được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP). | Đề nghị thu hút thành quy định của Luật THADS.  Tuy nhiên, cũng cần sửa đổi rõ nội dung đoạn 2 điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị định, vì hiện tại nội dung quy định: “*Trường hợp có giao dịch về tài sản kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng đã hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu, sử dụng thì Chấp hành viên không kê biên tài sản mà thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật THADS và có văn bản thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để phối hợp tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản.* | UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Bắc Giang |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 27. Bán đấu giá và xử lý kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án**  Khoản 3 | Nghị định mới chỉ có quy định tại đoạn 3 khoản 4 về “trường hợp đến hạn theo hợp đồng bán đấu giá tài sản mà không giao được tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá thì người này có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng”. Tuy nhiên, chưa có quy định về việc hủy hợp đồng mua bán tài sản đấu giá trong trường hợp người mua được tài sản không nộp đủ tiền, đúng thời hạn. Trong khi đó, khoản 3 Điều 27 đã quy định rõ: “Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan THADS trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày đấu giá thành ***và không được gia hạn thêm***”. | Sửa đổi, bổ sung theo hướng: Trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá không nộp tiền mua tài sản đúng thời hạn theo quy định thì hợp đồng mua bán tài sản đấu giá bị hủy bỏ. |  |
|  |  | **Khoản 4** | Hiện nay, có hai cách hiểu khác nhau về chủ thể được hưởng khoản tiền lãi từ số tiền người mua trúng đấu giá nộp, cụ thể:  Ý kiến thứ nhất: Không giao được tài sản là trường hợp kết quả bán đấu giá, hợp đồng mua bán tài sản bị cơ quan có thẩm quyền hủy hoặc thỏa thuận hủy theo quy định của pháp luật và trong trường hợp đó phần lãi đối với khoản tiền gửi thuộc về người mua trúng đấu giá. Trong trường hợp chậm giao tài sảncho người mua trúng đấu giá (từ ngày thứ 61 đến thời điểm giao được tài sản), thì phần lãi tiền gửi được cộng vào số tiền gửi ban đầu để thi hành án (người phải thi hành án vẫn phải chịu lãi suất chậm thi hành án).  Ý kiến thứ hai: Trong thời hạn tối đa 60 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền mà không có sự kiện bất khả kháng thì cơ quan THADS phải có trách nhiệm giao tài sản cho người mua. Trong khoảng thời gian này thì khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ khoản tiền mua tài sản đấu giá được cộng vào số tiền gửi ban đầu để thi hành án. Từ ngày thứ 61 trở đi, kể từ ngày người mua tài sản nộp đủ tiền đến thời điểm giao được tài sản thì chia làm hai trường hợp: *(i) Trường hợp 1:* Xác định việc chậm giao tài sản thuộc trường hợp bất khả kháng thì khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ khoản tiền mua tài sản đấu giá được cộng vào số tiền gửi ban đầu để thi hành án; *(ii) Trường hợp 2:* Xác định việc chậm giao tài sản không thuộc trường hợp bất khả kháng, có lỗi của người phải thi hành án, người có tài sản bị xử lý mà cơ quan THADS phải áp dụng biện pháp cưỡng chế giao tài sản thì khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ khoản tiền mua tài sản đấu giá thuộc về người mua tài sản. | Quy định rõ về trường hợp “không giao được tài sản”, cụ thể:  “4. Cơ quan THADS thực hiện việc thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật THADS trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá.  Trong thời gian chưa giao được tài sản, cơ quan THADS làm thủ tục đứng tên gửi số tiền đó vào ngân hàng theo hình thức gửi tiền có kỳ hạn 01 tháng cho đến khi giao được tài sản, phần lãi tiền gửi được cộng vào số tiền gửi ban đầu để thi hành án; trường hợp không giao được tài sản do kết quả bán đấu giá hoặc hợp đồng mua bán tài sản đấu giá bị hủy thì phần lãi tiền gửi thuộc về người mua được tài sản bán đấu giá, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật quy định khác. |  |
|  |  | Khoản 5 | Trường hợp người mua trúng đấu giá từ chối mua tài sản hoặc đã ký hợp đồng mua bán tài sản nhưng chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản nào:  Tại đoạn 1 khoản 5 Điều 27 quy định: *“Trường hợp sau khi phiên đấu giá kết thúc mà người trúng đấu giá tài sản từ chối mua hoặc đã ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá nhưng chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản nào thì sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản, khoản tiền đặt trước thuộc về ngân sách nhà nước và được sử dụng để thanh toán lãi suất chậm thi hành án, tạm ứng chi phí bồi thường Nhà nước, bảo đảm tài chính để thi hành án và các chi phí cần thiết khác.”*. Quy định này phù hợp với quy định  Khoản 8 Điều 12 Thông tư số 200/2016/TT-BTC quy định: *8. Khoản tiền đặt trước mà người trúng đấu giá tài sản từ chối mua sau khi phiên đấu giá kết thúc hoặc đã ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá nhưng chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP được sử dụng để thanh toán các khoản theo thứ tự sau đây: a) Lãi suất chậm thi hành án* ***của vụ việc liên quan đến bảo đảm tài chính và bồi thường Nhà nước;*** *b) Ứng chi phí bồi thường Nhà nước theo quy định của Luật Trách nhiệm Bồi thường của Nhà nước;**c) Bảo đảm tài chính để thi hành án;**d) Các chi phí cần thiết khác theo quy định của pháp luật.*  Quy định trong Nghị định về tiền “lãi suất chậm thi hành án” chưa rõ, dễ bị hiểu lầm là lãi suất chậm thi hành án của cả vụ việc thi hành án (về nguyên tắc người phải thi hành án sẽ phải chịu số tiền này). Đồng thời, quy định trên chưa rõ phạm vi áp dụng đối với “vụ việc đã phát sinh khoản tiền đặt trước” hay cả những vụ việc khác do cơ quan THADS tổ chức thi hành. | Sửa đổi, bổ sung theo hướng khoản tiền đặt trước sẽ được sử dụng để thanh toán các khoản lãi suất chậm thi hành án, tạm ứng chi phí bồi thường Nhà nước, bảo đảm tài chính để thi hành án của các vụ việc liên quan đến bảo đảm tài chính và bồi thường Nhà nước do cơ quan THADS đó tổ chức thi hành[[17]](#footnote-17). |  |
|  |  | Trường hợp người mua trúng đấu giá không thực hiện đầy đủ hoặc không đúng hạn nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán tài sản:  Khoản 5 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản quy định: Trường hợp trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện giao kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc thực hiện nghĩa vụ mua tài sản đấu giá sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc xử lý tiền đặt cọc thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan. Tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*2... nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc...*”.  Như vậy, số tiền đặt trước được chuyển thành tiền đặt cọc và thuộc về người có tài sản bán đấu giá. Đồng thời, tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 200/2016/TT-BTC quy định: Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan THADS bao gồm:…khoản tiền đặt trước của người từ chối mua tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP. Sau khi trừ các khoản chi phí hợp pháp được bổ sung vào nguồn kinh phí của đơn vị.  Theo quy định tại đoạn 2 khoản 5 Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP thì: “*Trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá không thực hiện đầy đủ hoặc không đúng hạn nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thì tiền thanh toán mua tài sản đấu giá được xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá và quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản*”. Quy định về việc xử lý số tiền trên theo thỏa thuận trong hợp đồng sẽ gây khó khăn và không thống nhất trong việc áp dụng pháp luật của các cơ quan THADS. | sửa đổi, bổ sung theo hướng:  *+ Đối với số tiền đặt trước:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự 2015 thì số tiền đặt trước được chuyển thành tiền đặt cọc và thuộc về người có tài sản bán đấu giá. Người có tài sản bán đấu giá là cơ quan THADS và số tiền đặt trước trong trường hợp này sau khi trừ các khoản chi phí hợp pháp được bổ sung vào nguồn kinh phí của đơn vị.  Như vậy, *sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản, khoản tiền đặt trước thuộc về ngân sách nhà nước và được bổ sung vào nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động của cơ quan THADS nơi tổ chức thi hành án*  *+ Đối với số tiền đương sự nộp thêm:* theo quy định tại khoản 3 Điều 27 thì “người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan THADS trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày đấu giá thành và ***không được gia hạn thêm”.*** Do đó, trong trường hợp người mua trúng đấu giá không nộp đủ tiền và đúng thời hạn thì cơ quan THADS phải hủy hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.  Theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự 2015 thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản. Do đó, *cơ quan THADS hoàn trả cho người mua được tài sản số tiền họ đã nộp thêm (nếu có).* |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 32. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước** | Khoản 3:Thực tế, nhiều cơ quan Tài chính ở địa phương đã thực hiện việc ủy quyền cho các cơ quan THADS cùng cấp thực hiện xử lý tài sản bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước. Đây là một hoạt động phức tạp, mất nhiều thời gian của cơ quan THADS cũng như gánh nặng và áp lực về vấn đề trách nhiệm liên quan đến việc tiếp tục thực hiện bảo quản tang vật tài sản, quy trình thẩm định giá, bán đấu giá tài sản và thanh toán các khoản chi phí xử lý. | Bãi bỏ quy định |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 38. Giải quyết khiếu nại về thi hành án** | Khoản 3 quy định*“Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án có hiệu lực thi hành” được hiểu là quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án chỉ được giải quyết khiếu nại một lần. Quy định này xuất phát từ tính chất cấp thiết của quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm và việc áp dụng chỉ hạn chế quyền mà chưa làm thay đổi, chuyển dịch về quyền sở hữu, sử dụng tài sản của chủ sở hữu, chủ sử dụng*”. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều cơ quan THADS địa phương hiểu rằng quyết định chấm dứt quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm là quyết định liên quan đến biện pháp bảo đảm nên cũng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định, nghĩa là khiếu nại cũng chỉ được giải quyết một lần và có hiệu lực thi hành | Sửa đổi, bổ sung theo hướng: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với các quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 67, khoản 2 Điều 68 và khoản 1 Điều 69 Luật THADS có hiệu lực thi hành. |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 49. Thủ tục thanh toán tiền, trả tài sẳn thi hành án** | Hiện nay Điều 49 mới chỉ có quy định hướng dẫn về ưu tiên thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 47 Luật THADS (trường hợp có cơ quan THADS ra Quyết định cưỡng chế tài sản để bảo đảm thi hành án) mà chưa có quy định thanh toán tiền thi hành án quy định tại khoản 3 Điều 47 Luật THADS (thanh toán tiền thi hành án khi xử lý tài sản cầm cố, thế chấp và tài sản đã được tuyên kê biên để đảm bảo thi hành án) khi người được thi hành án đã được thông báo mà không nộp đơn yêu cầu thi hành án. | Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng: “Trường hợp thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Luật THADS sau khi đã thông báo cho người được thi hành án để nộp đơn yêu cầu thi hành án mà người được thi hành án không nộp đơn thì hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo, cơ quan THADS làm thủ tục gửi tiền vào ngân hàng theo quy định tại khoản 5 Điều này. Hết thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành mà người được thi hành án vẫn không nộp đơn thì số tiền này được ưu tiên thanh toán tiếp cho những người được thi hành án đã có quyết định thi hành án (trong trường hợp có nhiều người được thi hành án) hoặc sung công quỹ nhà nước trong trường hợp chỉ có một người thi hành án hoặc có nhiều người được thi hành án nhưng những người được thi hành án đã nộp đơn yêu cầu thi hành án đã nhận đủ khoản tiền được nhận theo nội dung bản án tuyên”. |  |
|  |  |  | Khoản 2 Điều 49 quy định về việc thực hiện trả tiền bằng hình thức gửi bưu điện hoặc chuyển khoản. Tuy nhiên không có quy định trường hợp cơ quan THADS thực hiện trả tài sản (hiện vật) có đặc điểm nhỏ gọn ( điện thoại, giấy tờ...) thông qua hình thức gửi bưu điện trên cơ sở đề nghị của người được thi hành án. | Đề nghị bổ sung |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 56. Bổ nhiệm và thi tuyển Chấp hành viên** | Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư tiêu chuẩn nghiệp vụ, mã số các ngạch Chấp hành viên. | Sửa đổi, bổ sung theo hướng: Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ, mã số ngạch Chấp hành viên sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ, điều kiện bổ nhiệm các ngạch Chấp hành viên trong Quân đội sau khi thống nhất với Bộ Tư pháp |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 65. Cách chức Chấp hành viên** | Chưa phù hợp với khoản 2, Điều 79 Luật cán bộ công chức (*Việc cách chức, giáng chức chỉ áp dụng đối với công chức giữ chức vụ là lãnh đạo, quản lý*), Chấp hành viên là chức danh Tư pháp không phải là chức vụ. | Sửa đổi, bổ sung Điều 65 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP quy định việc cách chức Chấp hành viên cho phù hợp |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 66. Thẩm tra viên** | **Khoản 3:** Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư tiêu chuẩn nghiệp vụ, mã số các ngạch Thẩm tra viên | Sửa đổi, bổ sung theo hướng: Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ, mã số ngạch Thẩm tra viên sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ, điều kiện bổ nhiệm các ngạch Thẩm tra viên trong Quân đội sau khi thống nhất với Bộ Tư pháp |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 71. Thư ký thi hành án**  **Khoản 2 Điều 71** | Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư tiêu chuẩn nghiệp vụ, mã số các ngạch Thư ký thi hành án. | Sửa đổi, bổ sung theo hướng: Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ, mã số ngạch Thư ký thi hành án sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ, điều kiện bổ nhiệm ngạch Thư ký thi hành án trong Quân đội sau khi thống nhất với Bộ Tư pháp. |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 73. Thẻ Chấp hành viên, Thẩm tra viên** | Thực tế thẻ Chấp hành viên, Thẩm tra viên hiện nay đang áp dụng có ghi họ tên; ngày tháng năm sinh; chức vụ; đơn vị công tác của Chấp hành viên, Thẩm tra viên. Tại Quyết định số 1291/QĐ-BTP ngày 11/8/2021 của Bộ Tư pháp quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp thì Chấp hành viên, thẩm tra viên thời hạn định kỳ chuyển đổi là 5 năm, vì vậy khi chuyển đơn vị công tác phải đổi thẻ, việc đổi thẻ mất nhiều thời gian, dẫn đến Chấp hành viên, Thẩm tra viên khi chuyển đến đơn vị công tác mới không có thẻ để thi hành công vụ. | Sửa đổi, bổ sung quy định rõ về thẻ của Chấp hành viên, Thẩm tra viên theo hướng chỉ ghi tên Chấp hành viên, thẩm tra viên cơ quan THADS tỉnh *(tên tỉnh, thành phố)*,không ghi cụ thể cấp huyện để khi điều động, luân chuyển công tác trong tỉnh không cần làm lại thẻ nữa. |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 78. Lương và phụ cấp của Chấp hành viên, Thẩm tra viên, công chức khác và những người khác làm công tác THADS** | Quy định tại Khoản 2 Điều 78không còn phù hợp với tiêu chuẩn ngạch cán sự tại Thông tư 02/2021/TT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư | Bãi bỏ |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 82. Trang phục của người làm công tác THADS** | Tại khoản 1 Điều 82 Nghị định chưa quy định rõ “những người khác làm công tác THADS” là những đối tượng nào | Đề nghị sửa đổi bổ sung theo hướng quy định cụ thể |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Điều 83. Niên hạn, cấp phát, sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu THADS** | Để bảo đảm sự thống nhất với việc cấp phát trang phục, cấp hiệu, phù hiệu và quy định tại khoản 4 Điều 82 Thông tư 02/2017/TT-BTP; đảm bảo hiệu quả, tránh lãnh phí | Sửa đổi, bổ sung theo hướng: Niên hạn bảng tên trên ngực áo là 03 năm 01 cái; lần đầu được cấp 03 cái và sử đổi bổ sung số lượng, niên hạn trang phục cấp cho công chức hệ thống THADS phù hợp theo đặc thù của từng vùng miền |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** |  | Theo quy định tại khoản 3 Điều 146 Luật THADS thì các vụ việc có tính chất phức tạp về áp dụng biện pháp cưỡng chế thì thời hạn có thể kéo dài không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, khoản 5 Điều 146 Luật THADS cũng quy định như khoản 3 về thời hạn gia hạn giải quyết khiếu nại đối với các vụ việc có tính chất phức tạp, nghĩa là sẽ bao gồm cả vụ việc có tính chất phức tạp về áp dụng biện pháp cưỡng chế. Như vậy quy định về gia hạn thời gian giải quyết khiếu nại đối với vụ việc có tính chất phức tạp tại cả khoản 3 và Điều 146 có thể dẫn đến cách hiểu là tổng thời hạn để giải quyết vụ việc có tính chất phức tạp về áp dụng biện pháp cưỡng chế có thể kéo dài không quá 60 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại. | Sửa đổi, bổ sung theo hướng: Xây dựng một điều luật trong Nghị định quy định rõ về thời hạn giải quyết khiếu nại trong đó thể hiện rõ quy định về thời gian gia hạn giải quyết khiếu nại tại khoản 5 Điều 146 Luật THADS, đối với các vụ việc có tính chất phức tạp không bao gồm các vụ việc có tính chất phức tạp về áp dụng biện pháp cưỡng chế được quy định tại khoản 3 Điều 146 Luật THADS. |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** |  | Khoản 4 Điều 124 Luật THADS quy định *“Trường hợp quyết định tịch thu vật chứng, tài sản tạm giữ đã được thi hành nhưng sau đó phát hiện có sai lầm và đã được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hủy bỏ quyết định tịch thu thì cơ quan THADS phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án cấp quân khu có trụ sở để làm thủ tục hoàn trả lại số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật”.* Tuy nhiên, đối với trường hợp cơ quan THADS đã thu tiền án phí, tiền phạt theo bản án, quyết định nhưng sau đó bản án có sửa chữa hoặc thay đổi. Luật THADS không quy định về nội dung này dó đó cơ quan THADS gặp khó khăn, vướng mắc | Xây dựng một điều khoản tại Nghị định theo hướng *“Trường hợp quyết định về án phí, phạt tiền, tịch thu vật chứng, tài sản tạm giữ đã được thi hành nhưng sau đó phát hiện có sai sót và đã có quyết định hủy bỏ quyết định về án phí, phạt tiền, tịch thu thì cơ quan THADS lập hồ sơ đề nghị cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án cấp quân khu có trụ sở để làm thủ tục hoàn trả số tiền, tài sản đã nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 124 Luật THADS”.* |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Quy định về việc không tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án đối với người thứ ba có tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của người phải thi hành án trong trường hợp người thứ ba bị tuyên bố phá sản** | Tại khoản 2 Điều 49 và điểm g khoản 1 Điều 50 Luật THADS quy định cơ quan THADS tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với quyết định mở thủ tục phá sản của người phải thi hành án. Do mục đích của việc tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án là để đưa tài sản bảo đảm của người phải thi hành án (doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán) vào phương án phục hồi kinh doanh, trường hợp không phục hồi được kinh doanh thì tài sản bảo đảm này vẫn được ưu tiên thanh toán cho chủ nợ có bảo đảm | Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng loại trừ trường hợp tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án theo khoản 2 Điều 49, điểm g khoản 1 Điều 50 Luật THADS khi nghĩa vụ phải thi hành có tài sản bảo đảm của người thứ ba không phải là người phải thi hành án vì tài sản của người thứ ba không phải là đối tượng để đưa vào phương án phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, việc tạm đình chỉ và đình chỉ trong những trường hợp này làm kéo dài quá trình tổ chức thi hành án. |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Quy định về đối tượng hưởng phí thi hành án trong trường hợp ủy thác xử lý tài sản** | Luật THADS chưa có quy định về đối tượng hưởng phí thi hành án trong trường hợp ủy thác xử lý tài sản | Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định đối tượng hưởng phí thi hành án trong trường hợp ủy thác xử lý tài sản |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Quy định về cưỡng chế trong trường hợp thu hồi tiền, tài sản đã chi trả cho đương sự không đúng quy định, thu phí thi hành án và các khoản nộp khác** | Luật THADS chưa có quy định cụ thể về cưỡng chế trong trường hợp thu hồi tiền, tài sản đã chi trả cho đương sự không đúng quy định, thu phí thi hành án và các khoản nộp khác | Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định cụ thể về cưỡng chế trong trường hợp thu hồi tiền, tài sản đã chi trả cho đương sự không đúng quy định, thu phí thi hành án và các khoản nộp khác |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Thủ tục thông báo trực tiếp cho người thân thích của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** | Luật THADS chưa có quy định thủ tục thông báo cho người thân thích của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan | Đề nghị sửa đổi, bổ sung tại Nghị định theo hướng quy định thủ tục thông báo cho người thân thích của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Thi hành quyết định tuyên bố phá sản** |  | Đề nghị sửa đổi, bổ sung tại Nghị định theo hướng: Sau khi có quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, việc thu hồi và phát mại tài sản bảo lãnh (tài sản của người thứ ba hoặc tài sản cần cưỡng chế để thu hồi) do Chấp hành viên thực hiện. Tránh trường hợp Chấp hành viên cưỡng chế thu hồi về cho Quản tài viên bán. Quản tài viên chỉ bán tài sản còn lại của doanh nghiệp (không phải tài sản cưỡng chế thu hồi). |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Ủy quyền khiếu nại** | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật Khiếu nại và Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại thì người khiếu nại có thể tự mình khiếu nại hoặc ủy quyền cho Luật sự, trợ giúp viên pháp lý hoặc ủy quyền cho người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thực hiện việc khiếu nại. Điểm a khoản 1 Điều 143 Luật THADS quy định Người khiếu nại có quyền tự mình khiếu nại hoặc thông qua người đại diện hợp pháp để khiếu nại. Điều kiện để trở thành người được ủy quyền khiếu nại, đại diện hợp pháp của người khiếu nại là cá nhân đã thành niên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ quy định tại Điều 19 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đây là quy định mới áp dụng từ ngày Nghị định số 124/2020/NĐ-CP nêu trên có hiệu lực pháp luật đặc thù với ủy quyền khiếu nại khác với ủy quyền nói chung. | Sửa đổi, bổ sung quy định về việc ủy quyền khiếu nại theo hướng: người khiếu nại chỉ được ủy quyền cho cá nhân thực hiện việc khiếu nại. |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Đơn khiếu nại** | Trong trường hợp đơn có tiêu đề khác với nội dung thì cơ quan THADS căn cứ vào nội dung đơn để giải quyết. Đơn có nhiều nội dung khiếu nại, tố cáo, phàn ánh, kiến nghị thì cơ quan THADS căn cứ vào từng nội dung để giải quyết theo đúng quy trình giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, giải quyết phản ánh, kiến nghị. | Trường hợp đương sự gửi đơn khiếu nại đến cơ quan THADS không đúng thẩm quyền, việc cơ quan THADS trả lời đơn, hướng dẫn đương sự gửi lại đơn đến cơ quan THADS có thẩm quyền đôi khi làm việc khiếu nại của công dân hết thời hiệu. Do vậy, đề xuất bổ sung nội dung: Trường hợp đương sự gửi đơn khiếu nại đến cơ quan THADS không đúng thẩm quyền thì cơ quan THADS nhận được đơn có nghĩa vụ chuyển đơn của công dân đến cơ quan THADS, cơ quan quản lý THADS có thẩm quyền để giải quyết. |  |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** | **Xử lý trong trường hợp Chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực** | Chứng thư thẩm định giá có nội dung phụ thuộc vào nội dung của báo cáo kết quả thẩm định giá nhưng kết quả thẩm định giá có giá trị pháp lý không quá 6 tháng. Trường hợp kết quả thẩm định giá hết hiệu lực sử dụng thì có thể hiểu chứng thư thẩm định giá cũng không còn giá trị sử dụng.  Trong hoạt động THADS thì thời hạn sử dụng kết quả thẩm định giá hết hạn do một trong các nguyên nhân như: Dịch bệnh, thiên tai; người có thẩm quyền yêu cầu hoãn thi hành án để xem xét lại bản án, quyết định; người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo yêu cầu dừng việc thi hành án (khoản 1 Điều 145 Luật THADS); việc thi hành án hoãn do Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp quyền sở hữu (điểm d khoản 1 Điều 48 Luật THADS).  Trong các trường hợp này, nếu thời gian quá kéo dài mà cơ quan THADS vẫn sử dụng kết quả thẩm định giá đó làm giá khởi điểm thì sẽ không khách quan, không đúng giá trị thực của tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự (đặc biệt là trong trường hợp giá thẩm định thấp hơn giá thị trường). | Về bản chất, đây không phải là trường hợp định giá lại theo quy định tại Điều 99 mà là việc “thực hiện lại thủ tục định giá theo quy định tại Điều 98 Luật THADS”. Theo đó: *Trường hợp hết thời hạn có hiệu lực được ghi trong báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá, Chấp hành viên thực hiện lại các thủ tục định giá tài sản theo quy định tại Điều 98 Luật THADS.*  Về chi phí thẩm định giá trong trường hợp này vẫn áp dụng nguyên tắc chung theo quy định. Theo đó: Điểm c khoản 1 Điều 73 Luật THADS quy định người phải thi hành án chịu “*Chi phí cho việc định giá, giám định tài sản, bán đấu giá tài sản;* ***chi phí định giá lại tài sản****, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này*”.  Tại điểm a khoản 2 Điều 73 Luật THADS quy định người được thi hành án phải chịu chi phí định giá lại tài sản nếu yêu cầu định giá lại, trừ trường hợp định giá lại do có vi phạm quy định về định giá” điểm a khoản 3 Điều 73 Luật THADS quy định: Ngân sách nhà nước chi trả chi phí cưỡng chế trong trường hợp định giá lại tài sản khi có vi phạm quy định về định giá. Nếu người nào có vi phạm, dẫn đến hết thời hạn chứng thư thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu người đó bồi thường (bồi thường dân sự và bồi thường nhà nước) theo quy định. | UBND tỉnh Hải Dương |
|  | **Nghị định số 62/2015/NĐ-CP** |  | Chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục xử lý cổ phần, cổ phiếu, vốn góp và tài sản hình thành trong tương lai | Quy định cụ thể |  |
|  | **Thông tư Số 02/2011/TTLT-BNV-BTP ngày 15/4/2011 Hướng dẫn việc chuyển xếp ngạch và xếp lương đối với công chức ngạch chấp hành viên THADS** | | | | |
|  | Thông tư Số 02/2011/TTLT-BNV-BTP | **Toàn bộ quy định** | Theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 74/2009/NĐ-CP và chỉ đạo của Bộ Tư pháp thì việc chuyển xếp ngạch đối với công chức hiện giữ ngạch Chấp hành viên cấp tỉnh, Chấp hành viên cấp huyện vào các ngạch Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp và Chấp hành viên cao cấp được thực hiện xong chậm nhất đến ngày 30/6/2010. Đến nay, theo Luật THADS hiện hành và các văn bản liên quan không còn ngạch Chấp hành viên cấp tỉnh, Chấp hành viên cấp huyện. | Bãi bỏ toàn bộ quy định của Thông tư |  |
|  | **Thông tư số 09/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 quy định việc phân cấp quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc Tổng cục THADS và các cơ quan THADS** | | | | |
|  | **Thông tư số 09/2015/TT-BTP** |  | Chưa quy định thẩm quyền thực hiện các nội dung quản lý đối với trường hợp vừa là lãnh đạo Cục, vừa là Chấp hành viên cao cấp | Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp |  |
|  | **Thông tư số 09/2015/TT-BTP** |  | Chưa quy định thẩm quyền nâng bậc lương trước thời hạn đối với Phó Cục trưởng Cục THADS | Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp |  |
|  | **Thông tư số 09/2015/TT-BTP** |  | Quy định thẩm quyền của Cục trưởng Cục THADS về việc xử lý kỷ luật đối với Chi cục trưởng bằng hình thức buộc thôi việc là không phù hợp; Quy định thẩm quyền của Cục trưởng Cục THADS về việc bổ nhiệm Trưởng phòng và tương đương là chưa phù hợp; Quy định thẩm quyền của Cục trưởng Cục THADS ký hợp đồng lao đồng làm việc tại Chi cục THADS trực thuộc là chưa phù hợp với quy định hiện hành | Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp |  |
|  | **Thông tư số 03/2017/TT-BTP ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành THADS** | | | | |
|  | **Thông tư số 03/2017/TT-BTP** | **Toàn bộ quy định** | Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 101/2017/NĐ-CP đã quy định mới về tiêu chuẩn về trình độ đào tạo do vậy phải sửa đổi cho phù hợp. Bên cạnh đó, Thông tư số 03/2017/TT-BTP cũng đã bộc lộ một số tồn tại, bất cập | Hiện đang xây dựng Thông tư mới quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành THADS, thay thế Thông tư số 03/2017/TT-BTP |  |
|  | **Thông tư số 06/2019/TT-BTP ngày 21/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo thống kê THADS, theo dõi THAHC** | | | | |
|  | **Thông tư số 06/2019/TT-BTP** | **Toàn bộ quy định** | Thông tư đã bộc lộ nhiều bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn, chưa phù hợp với một số quy định pháp luật mới được ban hành | Hiện đang xây dựng Thông tư mới quy định chế độ báo cáo thống kê THADS, theo dõi THAHC thay thế Thông tư số 06/2019/TT-BTP |  |
|  | **Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí THADS** | | | | |
|  | **Thông tư số 216/2016/TT-BTC** |  | Theo quy định tại Điều 9 Luật Hòa giải về nguyên tắc, Chi phí hòa giải do ngân sách nhà nước bảo đảm. Đương sự phải nộp các “***Chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án***” trong các trường hợp: Chi phí hòa giải đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch; Chi phí hòa giải, đối thoại ngoài trụ sở Tòa án; xem xét hiện trạng tài sản ngoài phạm vi địa giới tỉnh; Chi phí phiên dịch.Như vậy, các khoản chi phí trên mà các đương sự phải nộp không phải là “án phí”. Trong khi đó, theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính thì xác định không được thu phí thi hành án trong trường hợp: “*bản án, quyết định của Tòa án xác định không có giá ngạch và không thu án phí có giá ngạch khi xét xử*”.  Do đó, khi tổ chức thi hành loại việc này, kể cả trường hợp cơ quan THADS phải tổ chức cưỡng chế để đảm bảo thi hành nghĩa vụ thì không đủ căn cứ để thu phí là chưa phù hợp dẫn đến bất cập cần phải có sự thống nhất liên ngành để hướng dẫn thực hiện chung theo hướng cần phải thu phí THA trong trường hợp này. | Quy định đối với loại việc này, phải thu phí thi hành án theo quy định |  |
|  |  |  |  | Đề nghị quy định không thu phí THADS đối với trường hợp người được thi hành án được bồi thường trách nhiệm dân sự theo quy định tại Bộ Luật Dân sự trong trường hợp được Nhà nước bồi thường thiệt hại | UBND tỉnh Vĩnh Long |
|  | Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT BTP-BTC-BLĐTBXH-NHNNVN ngày 14/01/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  | - Điểm b khoản 6 Điều 44 Luật THADS quy định*: “Bảo hiểm xã hội, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; ký vào biên bản trong trường hợp Chấp hành viên xác minh trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên, đối với thông tin về tài khoản thì phải cung cấp ngay”*.  Trong khi đó, tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT BTP-BTC-BLĐTBXH-NHNNVN ngày 14/01/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dẫn việc cung cấp thông tin về tài khoản, thu nhập của người phải thi hành án và thực hiện phong tỏa, khấu trừ để THADS, quy định: *“Thời hạn cung cấp thông tin không quá* ***03*** *ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Thông tư liên tịch này”*. Điều 4: *Thủ trưởng cơ quan THADS,**Chấp hành viên có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức đang quản lý tài khoản của người phải thi hành án; (…) cung cấp thông tin về tài khoản, thu nhập của người phải thi hành án để thực hiện việc THADS*.  Việc quy định có sự ***khác nhau về thời hạn cung cấp thông tin*** nêu trên giữa Luật THADS và Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT BTP-BTC BLĐTBXH-NHNNVN đã có sự không thống nhất, trong khi các tổ chức tín dụng, ngân hàng thường bảo vệ khách hàng nên căn cứ vào tiêu chuẩn, quy định nội bộ (ISO) và Thông tư liên tịch trên để trì hoãn việc cung cấp thông tin, CHV rất khó khăn trong việc xác minh trực tiếp về tài khoản. Do đó, đề nghị cần quy định lại cụ thể thống nhất về thời hạn cung cấp thông tin này. |  | UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu |

1. Đảm bảo nguyên tắc “công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” [↑](#footnote-ref-1)
2. Kiến nghị trong Báo cáo tổng kết 14 năm thi hành Luật THADS của Viện kiểm sát nhân dân tối cao [↑](#footnote-ref-2)
3. Điều 20 quy định Chấp hành viên phải tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành án. Tuy nhiên, theo Điều 14, 23, 167 Luật THADS thì quy định về Tổng cục có quyền ban hành văn bản chỉ đạo. Như vậy, trường hợp văn bản chỉ đạo nghiệp vụ sai dẫn đến việc Chấp hành viên thực hiện sai, hiện nay Chấp hành viên vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật mà chưa có quy định người có thẩm quyền hướng dẫn chịu trách nhiệm [↑](#footnote-ref-3)
4. Điều 69, 74, 75 Luật THADS [↑](#footnote-ref-4)
5. Như quyết định thi hành án, quyết định đình chỉ thi hành án, quyết định hoãn thi hành án… [↑](#footnote-ref-5)
6. Theo thống kê, trung bình Ngân sách nhà nước phải chi trả cho khoản chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp xác minh điều kiện thi hành án khoảng 640.000 đồng/một vụ việc THADS cho 1 lần xác minh điều kiện thi hành án *(70.000 đồng/người/ngày đối với Chấp hành viên, công chức khác làm công tác thi hành án, kiểm sát, cảnh sát; 100.000 đồng/người/ngày đối với dân quân tự vệ, đại diện chính quyền địa phương và các đối tượng khác)*. [↑](#footnote-ref-6)
7. Như trường hợp các tổ chức tín dụng không được nhận bất động sản theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng [↑](#footnote-ref-7)
8. Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ; Tạm dừng việc đóng thầu và các hoạt động có liên quan đến việc đấu thầu; Cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hóa khác; Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định; Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ… [↑](#footnote-ref-8)
9. Quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; thẩm quyền quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; trách nhiệm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng… [↑](#footnote-ref-9)
10. cơ quan THADS tiếp tục đề nghị Tòa cấp trên trả lời đề nghị trong thời hạn cụ thể. [↑](#footnote-ref-10)
11. Theo hướng mở rộng hơn so với quy định tại Điều 334 Bộ luật TTDS năm 2015 (tối đa là 5 năm). [↑](#footnote-ref-11)
12. Kiến nghị trong Báo cáo tổng kết 14 năm thi hành Luật THADS của VKSND tối cao [↑](#footnote-ref-12)
13. Theo đó đối với các Hợp đồng dân sự do cơ quan THADS hoặc Chấp hành viên ký kết với tôt chức Thẩm định giá, bán đấu giá thì các bên được ký kết phải tuân thủ theo pháp luật dân sự và không thuộc phạm vi kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân. [↑](#footnote-ref-13)
14. Theo quy định tại Điều 74, khi người phải THA có tài sản sở hữu chung với người khác thì CHV phải cho họ tự thỏa thuận phân chia tài sản hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết là không phù hợp đối với đối tượng người phải THA trong các vụ án kinh tế, tham nhũng (Vợ chồng có thể thoản thuận chia đôi hoặc tỷ lệ có lợi nhằm trốn tránh nghĩa vụ THA)… [↑](#footnote-ref-14)
15. cơ bản các cơ quan THADS phải vận dụng các quy định của pháp luật hiện hành (khoản 2 Điều 663 BLDS 2015 về khái niệm quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài) [↑](#footnote-ref-15)
16. Điều 62 Luật TTTP và Điều 6 Nghị định 92/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTP mặc dù quy định trách nhiệm của Bộ Tư pháp nhưng các nội dung này chưa đề cập đến việc TTTP trong lĩnh vực THADS; [↑](#footnote-ref-16)
17. Nội dung này, cuộc họp tập thể Lãnh đạo Tổng cục (được sự nhất trí của Vụ 11) đã thống nhất [↑](#footnote-ref-17)